

Hòa Thượng Thích Duy Lực
KHAI THỊ
THIÊN THẤT TAM BẢO
---o0o---

Lời Nói Đầu.

Quyển Thiên Thất Tam Bảo được chép trong băng ra, từ thiên thất tháng tư đến tháng tám năm Đinh Sửu, do Hòa thượng Duy Lực khai thị tại Thiên Đường Tam Bảo.

Ngài thường nói “các vị đang ứng dụng tâm sẵn có, nhưng không tự biết! Bất quá là bị hạn chế bởi kiến lập của mình”. Vì vậy, ngài giải đáp cho mọi người để được niềm tin tự tâm đầy đủ, chỉ rõ cách thực hành phá hết sự kiến lập. Đó là pháp thiền trực tiếp.

Chúng tôi cố gắng ghi chép hoàn chỉnh để trợ duyên cho các hành giả tham Tổ Sư Thiên đi đúng và những ai tìm hiểu Thiên tông. Việc làm này không khỏi sự sai sót, nếu độc giả phát hiện, xin chỉ giáo cho.

Người thực hiện: Thích Đồng Thường.

Mục Lục

Ngày 6 – 4 đến 12 – 4 – Đinh Sửu (97).

- Ban phước – Tụng kinh Pháp Hoa.
- Thành tâm cầu được quả không.
- Thị pháp trụ pháp vị.
- Tổ không tham thoại đầu vẫn kiến tánh.
- Sao Sư Phụ không dùng thủ đoạn?
- Tụng kinh cầu xin – Tiểu, Trung, Đại, Tồi...
- Thế nào là thoại đầu và nghi tình?
- Tụng kinh, niệm Phật không phải tu.
- Câu siêu và cầu an.
- Xuất gia thì cha mẹ hưởng được gì không?
- Tham thiền, chết phải tổ chức như thế nào?
- 2 bài kệ của Thần Tú và Huệ Năng.
- Cúng mặn, ăn chay không đến dự.
- Học rồi tu – Xuất gia giúp cha mẹ.
- Tham thiền thì bán vé số được nhiều.
- Ăn chay, mua con vật chết về làm nấu.
- Tạp niệm xen vào – Kiến kiến chi thời...
- Khởi niệm có quả hay thực hành có quả?
- Biết nhẫn nhục, đụng chuyện không nhẫn.
- Không biết có lọt vào vô ký không.
- Cha chết, con không đến – Thấy hào quang.
- Có tu sao hung dữ quá
- Thức giấc tham thiền – Tịnh dễ tham.
- Đại Huệ khai thị Lý Hiên Thần.
- Tìm trâu theo dấu tích.
- Đầu óc trống rỗng – Không biết người nói.
- Mạnh dạn nhổ sạch gốc nghi.
- Tham thiền muốn nhanh kiến tánh.

- Đường duy nhất từ phàm đến Phật.
- Học không hành không thành quả.
- Đọc kinh đến đạo quả – Tham thiền.
- Lời tác bạch của Mỹ Duyên.
- Hồi hướng là gì?
- Không khởi niệm đến thoại đầu không?
- Tịnh Độ đến Bảo Sơn – Hư không vô sở hữu.
- Ăn chay, ăn mặn tu vẫn được kiến tánh.
- Câu thoại đến thoại đầu.
- Rơi vào niệm thoại đầu.
- Nuôi loài vật – Xoa tay – Tu 24/24.
- Ngưng tu để ngủ.
- Lo tu kiến tánh, đừng học nữa.
- Hỏi là chưa thỏa mãn.
- Nói sai Phật pháp – Vô tướng tu – Cực Lạc.
- Sơ thiền đến tứ thiền phải vào cấp nào?
- Chị giúp tiền cho em tiện tham thiền.
- Đứt mạng căn làm sao hành đạo?
- Thân như điện ảnh hữu hoàn vô.
- Có ý mong muốn để đáp ứng câu hỏi.
- Xem bệnh của con và cho thuốc.
- Không khởi được nghi tình.
- Có nghi tình và không có nghi tình.
- Chú tâm trên đỉnh đầu thì ít bị nhức.
- Tâm là cái gì và ở đâu?
- Ăn chay ăn hột gà không trống.
- Tăng Bảo là gì?
- Tâm và tánh khác nhau không?
- Cái gì để cho người chết được biết?
- Hôn trầm.
- Thắc mắc không hiểu, rồi con hỏi tiếp.
- Phẩm Phật Đạo.
- Giới luật của Ni nhiều hơn Tăng.
- Xưa người nữ không được xuất gia.
- Tác bạch của trụ trì chùa Tam Bảo.
- Tâm tán loạn, đề câu thoại không lên.
- Thế nào là hữu tình và vô tình?

Ngày 14 – 5 đến 20 – 5 Đinh Sửu (97).

- Lời khai thị.
- Cái này là cái gì?
- Có nhân quả sao gọi là tánh không?
- Sát sanh có nhân quả hay tánh không?
- Thế nào biết không qua bộ óc?
- Cúng thất cho người thân xúc động khóc.
- Cúng người chết về hưởng không?
- Biết chiêm bao – Kiến tánh độ sanh.
- Bồ Tát có mặt mọi nơi để độ sanh.
- Thọ giới Bồ Tát xuất gia rồi không giữ.
- Phước động, gió động và tâm ông động.
- Giảm đi hương còn 20 phút được không?

- Mặt mũi đầu thai rõ ràng sao tham được?
- Quy y rồi, muốn quy y lại.
- Ăn chay cử hành, hẹ, tỏi, nén, hưng cừ.
- Kiến tánh khởi tu – Tự thấy hay người cho?
- Tu là diệt trừ tam độc.
- Mua cá thịt có nhân quả không?
- Xuất gia nhưng gia đình con không cho.
- Chánh pháp nhân tạng.
- Phản văn tự tánh và tham thoại đầu.
- Đánh thức tánh thấy cho người nhận.
- Pháp môn Tịnh Độ.
- Tham thiền chết đi về đâu?
- Tâm xoay hay cảnh xoay.
- Nhổ gốc rễ – Quên cảnh vật.
- Thế nào là công án?
- Chọn giờ– Vào chỗ không biết.
- Vọng tưởng xen nên công phu gián đoạn.
- Tin tự tâm và tin pháp môn.
- Ngủ tham – Tánh sân – Chánh, mê.
- Tham thiền đến kiến tánh mới tin 100%.
- Thầy đầu trò đó.
- Gần ngoại đạo – Mắc nợ – Nhiễm.
- Khán thoại đầu hay hỏi câu thoại?
- Hành sai 5, 6 phần - Thấy hình tướng.
- Thiền có danh Phật – Ý chí và nguyện lực.
- Nghiệp mình phải trả hay tu sai?
- Nhức đầu – Thông kinh – Biết tiến bộ.
- Sơ ư văn trung...
- Tánh nghe và tánh thấy.
- Tâm sáng thấy tánh – Kiến tâm.
- Sao cần có nhục thể mới tu hành được?
- Tăng Chí Thường được Lục Tổ khai thị.
- Duy Ma Cật quở Xá Lợi Phất.
- Không phải đạo Phật thực hành thiền.
- Học tham thiền được chỉ người biết không?
- Cơ cơ giựt, sức khỏe yếu hay tham thiền?
- Bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?
- Có cái thấy biết chân thật không?
- Chứng minh – Tham và niệm.
- Chết về đâu? – Hiện tướng – Nấu ăn.
- Đuổi theo pháp – Nhìn thoại vị.
- Đề và nhìn liên lục – Thấy sát na.
- Vào hư không và chết tan nát.
- Bị chết giấc – Không biết xuất gia.
- Lọt vào hư không mỗi lần dài hơn.
- Trụ chỗ không trụ gọi là chơn trụ.
- Thiền và Tịnh Độ khác thế nào?
- Tu tập ngày xưa – Chuyển Tham thiền.
- Tịnh Độ.
- Hư không chẳng có sở hữu riêng ai.

- Sống chết câu thoại – Học hay tu trước?
- Pháp môn nào tu nhanh nhất?
- Bản Đặc Ca.
- Đạt Ma Tô Sư quảy một chiếc giày.
- Kiến tánh có thần thông phải không?
- Tội giết người - Suy nghĩ cái gì?
- Hỏi và nhìn một lúc thấy mờ mờ.
- Tham thiền nghe tụng giới không?
- Nghiên cứu kinh - Tham thiền cúng.
- Nhân tạng – Thiền duyệt vi thực.
- Chơn chánh tham – Khán chưa hiểu.
- Thấy mờ mờ là như thế nào?
- Sanh tử sự đại và vô thường tấn tốc.
- Qua gần hết thất con học sự hỏi đáp.
- Phật ca ngợi – Cầu sùng thờ.
- Trước khi ngồi thiền – Mạt pháp.
- Tham thiền cầu cho cứu huyền.
- Tu đâu không bằng tu nhà.
- Thế nào là nhìn thoại đầu?
- Tham có giống cái niệm không?
- Nghĩ tình rốt ráo hơn niệm.
- Sao biết tiểu ngộ, đại ngộ?
- Ngủ tâm ở đâu? – Không nghiên cứu.
- Ngày 14 – 6 đến 20 – 6 Đinh Sửu (97)**
- Pháp thế gian và xuất thế gian.
- Thấy vật nặng đè trên đầu.
- Thấy vật nghe tiếng – Thanh tịnh ngồi lâu.
- Ngủ có chiêm bao.
- Bệnh thân, bệnh tâm – Lửa tam muội.
- Bỏ lại vô nhất vật.
- Muốn không biết cũng không được.
- Biết trước là hư không, sao không ngộ?
- Chết là hết và chết là còn.
- “Sanh từ đâu đến?”, con không biết.
- Vô sở hữu và vô sở bất tri.
- Niệm, tham và khán thoại đầu.
- Chỉ niệm chết đi về đâu được không?
- Vọng tưởng nhiều – Tam Bảo.
- Tìm thầy khác học – Phật tánh ở đâu?
- Su Phụ tịch, chúng con y cứ vào đâu?
- Tham và không tham.
- Tham “Nam mô A Di Đà Phật”.
- Chọn 1 câu để tham phải không?
- Nghe giảng, tin tham – Kinh để một bên.
- Làm sao không lọt vào tứ cú?
- Ngưng vọng có giải – Không thiền sao định
- Ngũ Tổ truyền tâm – Đệ tử gặp Su Phụ.
- Thế nào là chấp thật?
- Chọn lựa người kế thừa.
- Chấp hết – Thiền trị bệnh – Kích động nghi.

- Tâm không và hư không.
- Nhất thiết duy tâm – Tham thiền.
- Lạc thiền – Tâm vô sở hữu.
- Chơn lý do các tôn giáo bày đặt.
- Tổ Sư thiền – Đến thoại đầu.
- Linh hồn – Biết không biết.
- Câu thoại là vọng – Không biết.
- Khi một lúc giật mình biết.
- Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.
- Định và vô ký – Ngọa như cung.
- Cho con giảm được nghiệp khổ?
- Lục tự Di Đà – Không hỏi nguyên câu.
- Mang nghi tình – Phật và Tổ.
- Đề câu thoại đầu là biết.
- Sao nói tâm là tánh giác ngộ?
- Tham gián đoạn – Pháp tu – Biền tạng.
- Tánh tương cận, tập tương viễn.
- Phương pháp nào dụng công tốt?
- Tại sao có duy thức?
- Hỏi câu thoại thì biết niệm không biết.
- Khuyến khích mọi người xuất gia.
- Sau này không có nghi tình.
- Thế nào là tứ tướng?
- 4 kiến: Ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả.
- Mở mắt chiêm bao thức tỉnh.
- Tâm, Phật, chúng sanh không sai biệt.
- Bận rộn sao tu được kiến tánh?
- Tin tâm tin pháp – Trống không – Khán.
- Chúng sanh không dùng ra được.
- Tại sao có tẩu hỏa nhập ma?
- Tham thiền kết hợp niệm Phật không?
- Ăn chay để thích hợp tu Tịnh Độ.
- Trí, mê – Chẳng rời Phật – Pháp của mình.
- Tùy theo chỗ buộc – Được rộng không.
- Hiếu thuận – Phương tiện – Hảo tâm.
- Phân biệt nhất thiết pháp.
- Phân biệt chẳng phải ý.
- Đầu óc tu chứng có được không?
- Chỗ có thể nắm – Tham thoại đầu.
- Ngồi thiền dựa tường hay cuối đầu xuống.
- Giới thể, giới pháp, giới tánh, giới tướng.
- Tác tri chỉ phạm – Sống với Phật tánh.
- Khởi tâm ý thức – Không lia tự tánh.
- Pháp Hải hỏi Lục Tổ.
- Bà già đốt am.
- Soạn giáo án – Giống như niệm.
- Đã thành Phật, sao con còn hỏi pháp.
- Loài người có lúc nào?
- Thức tỉnh mở mắt chiêm bao.
- Rùa giếng và rùa biển.

- Cản không cho vẫn đi – Rùa biển nói.
- Tức ngực -Ngung hỏi có nghi.
- Hầm sâu - Vi tế sở tri ngu - Chỗ đắc đạo.
- Mạt pháp không nên tu pháp môn này.
- Ngày 14 – 7 đến 20 – 7 – Đỉnh Sứ (97).**
- Không sanh tử sao lại có nhân quả?
- Không sanh khởi – Ý thức với tự tánh.
- Tâm niệm phát xuất từ đâu?
- Cội nguồn – Không biết luật.
- Bùa yểm – Vô sở trụ – Tìm đáp án.
- Tâm mình không phóng bậy.
- Đi và ngồi trong Thiên đường.
- Người biết tu còn mê chấp.
- Khi con gặp Sư Phụ lại có lòng tin.
- Tự tứ là gì? – Di Quang gặp Đại Huệ.
- Ăn xong rửa bát – Đại Huệ hỏi Di Quang.
- Đem tâm chờ ngộ.
- Dùng chuyên ngữ hay hoạt cú?
- Gặp Thiên rồi tu – câu siêu câu đảo.
- Lai Quá phạm qui củ.
- Sau ai giác ngộ – Tác ý và tạo tác.
- Bồ Tát sợ nhân - Tự xưng đạo Phật.
- Ghi nhớ biết.
- Tin tự tâm chưa đủ sao dụng công?
- Dụng công ít phí sức –Ngoài dứt duyên.
- Niệm thoại vi và hỏi câu thoại.
- Tu thiền voga - Căn bản Tổ Sư Thiền.
- Nhìn chỗ không mục tiêu.
- Thoại đầu – Công án.
- Công phu có cái biết không phải bộ não.
- Lìa tướng là gì?
- Hiểu biết của bộ óc đều mang theo.
- Chấm dứt cái biết.
- Chỗ nhìn không có chỗ để nhìn.
- Câu thoại tự mật nên ý niệm tiêu.
- Tu thiền khác, muốn tham thiền.
- Có phải giới luật đều trong công phu.
- Sao chỉ đưa ra 5 câu thoại đầu để tham?
- Ngoại đạo thiền – Bị sanh tử.
- Buông vọng tưởng – Thần thức về đâu?
- Tu Tịnh Độ chưa được nhất tâm.
- Yếu chỉ của Giáo Môn.
- Các việc ác đừng làm.
- Tự tâm được trong sạch.
- Ăn một chén cháo cũng kiến tánh.
- Việc hôm nay – Hương Nghiêm.
- Nên con thấy có cái gì đó.
- Nghĩ tình mạnh – Đại ngộ – H.Nghiêm ngộ.
- Nghe nhiều không biết – Tâm niệm lực.
- Phát huy được tâm niệm lực.

- Tâm lắng động – Thanh tịnh.
- Thích tham thiền, không thích lý.
- Ý niệm thành Phật – Phát nhiều tâm.
- Ham thích xấu xa, sao chỉ một thứ?
- Thế nào là nhìn thấu đầu?
- Luôn luôn an trú trong cái nghi.
- Niệm không bằng tham – Tham thiền.
- Ngày 14 – 8 đến 20 – 8 – Đỉnh Sứ (97).**
- Đạo khả đạo phi thường đạo.
- Thế nào là Giáo môn và Thiền tông?
- Biết đề tu chậm kiến tánh không biết.
- Cái không biết cản sự học vấn.
- Thoại đầu mắt, công phu còn không?
- Kiến tánh còn tu – Ngô – 32 tướng tốt.
- Cho nghi tình, hỏi thêm câu hỏi khác.
- Được bản lai diện mục, rồi mới khởi tu.
- Tụng kinh, niệm Phật, trì chú kết hợp.
- Chẳng có hình tướng – Đâu chánh đâu tà?
- Sáng suốt do đâu làm chúng sanh?
- Ăn không biết ăn – Cận tử nghiệp.
- Thân làm tâm chịu, tâm làm thân chịu.
- Ra khỏi sanh tử luân hồi.
- Thiền giáo song hành – chụp banh.
- Tham thiền học đạo là làm dụng tâm.
- Thế nào là chánh nghi?
- Đệ tử lại đánh thầy.
- Dạy chúng con là làm dụng tâm sao?
- Sao chém không biết – Hư không vô sở hữu.
- Bất lập văn tự.
- Không nghĩ không có – Biết và không biết.
- Thế nào là kiến, văn, giác, tri?
- Kiến văn giác tri không phải Phật tánh.
- Thoại đầu có hỏi nào – Gieo khờ ngốc.
- Tại sao chúng con không dùng ra được?
- Muốn thức thì ngủ, muốn ngủ lại thức.
- Đại thừa vô sở hữu sao không dung nạp?
- Pháp tâm, tâm sở cũng vô hình tướng.
- Vô sở hữu nên dung nạp tất cả vật.
- Tướng dung nạp tức là hư không.
- Do sắc mà có tướng hư không.
- Tại sao còn lấy hư không để thí dụ?
- Chẳng có hư không, tại sao dung nạp?
- Không tin tự tâm, cần kiến giải không?
- Không kiến giải, sao có chánh tín?
- Căn cứ vào đâu để tham thiền khỏi bị lạc?
- Tham thiền và tham thoại đầu.
- Gần đây mấy tháng thấy chiêm bao.
- Hỏi câu thoại thiếu chữ.
- Cư sĩ sở hữu nhiều.
- Cho con cách nào để mau kiến tánh?

- Tâm và vô sở hữu – Biết tham thấy sợ.
- Làm việc không dùng bộ óc.
- Công phu mới thấy sự lặng lẽ.
- Thắc mắc muốn biết trời, đất.
- Muốn bỏ việc cầu phải làm sao?
- Hết thiền thất về nhà trì kinh.
- Tham thiền muốn cầu siêu.
- Không minh tu – Tâm ngoài trong thân.
- Bất cầu bất tịnh – Chiêm bao thấy Phật bà.
- Dem bia phạm giới – Tự động bỏ cầu thoái.
- Trả lời thế nào không kiến lập?
- Nghĩa ba câu kinh Kim Cang.
- Biết tiểu, đại ngộ – Lúc ngủ tâm ở đâu?
- Thế nào là hành khởi giải tuyệt?

---o0o---

Ngày 6 – 4 đến 12 – 4 – Đinh Sửu (97)

Hỏi: Hòa thượng ban phước báo cho con được ngôi thiền?

Đáp: Tôi ban không được, dù Phật Thích Ca cũng không ban được! Các tôn giáo khác cho là ban được, nhưng theo đạo Phật là “người nào ăn nấy no”, tức là người nào tu thì người ấy chứng, gieo nhân gì thì được quả nấy. Cho nên, giết một mạng phải trả một mạng, ăn một cục thịt phải trả một cục thịt. Thật ra, không có ai ban được cả!

Hỏi: Tụng kinh Pháp Hoa có thể được không?

Đáp: Kinh nào tụng cũng được, tại sao không được? Kinh nào đều dạy là “tín, thọ, phụng, hành”. Muốn tin thì tụng phải hiểu, rồi lãnh thọ phụng hành (thực hành). Tụng suông mà không thực hành thì giống không tụng. Như con chim két nói tiếng người, nhưng không biết nói cái gì! Tụng kinh không phải trì kinh, trì kinh làm đúng theo ý kinh, tụng chỉ là đọc tụng. Cho nên, bốn chữ liên tiếp là “đọc, tụng, thọ, trì”.

Kinh Pháp Hoa nói: “Chư pháp tùng bản lai, thường tự tịch diệt tướng” (các pháp từ xưa nay, thường là tướng tịch diệt), tịch diệt là không có sự sanh khởi, không có sự bắt đầu; như hư không trống rỗng tịch diệt, cũng là tâm mình. Tham thiền và thực hành kinh Pháp Hoa là hiện ra tâm mình.

Hỏi: Có thành tâm cầu thì có được quả không?

Đáp: Không được! Không gieo nhân thì không được quả; đừng nói là cúng một nải chuối, mà đem một triệu đồng cúng cũng không cầu được. Mình có làm nhân mới được quả, như trồng bí thì được bí, trồng đậu thì được đậu. Không làm nhân, mà xin Phật cho mình quả thì chẳng thể được. Nếu trồng đậu mà muốn được bí không được, hay trồng bí mà muốn được đậu cũng không được. Gieo nhân gì được quả nấy, gieo nhân lành được phước báo, gieo nhân xấu chịu khổ báo.

Đó là nhân quả, nếu không gieo nhân mà muốn quả thì trái ngược nhân quả. Trái ngược nhân quả là phi báng Phật, vì Phật dạy mọi người phải tin nhân quả; nếu cầu được thì không có nhân quả, không cần tu mà chỉ cần cầu! Vậy có làm ác cũng không sao, vì cầu là được rồi! Cho nên, chánh tín thì không cầu, phải làm nhân mới được quả.

Tham thiền có nghi tình là nhân, giác ngộ là quả; không nhân thì không quả, nên Thiền tông nói: “Bất nghi bất ngộ, tiểu nghi tiểu ngộ, đại nghi đại ngộ”. Những người

mê, tưởng cầu được, ấy là sai lầm; không những cầu không được, mà còn có tội phi báng Phật pháp. Vì Phật không cho cầu, lại bàn thờ Phật xin cầu là nghịch với Phật pháp.

Hỏi: “Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ” nghĩa là sao?

Đáp: Câu này ở trong kinh Pháp Hoa là ngôi pháp đó trụ nơi ngôi pháp đó, tướng thế gian thường trụ theo như vậy. Như tách trụ nơi pháp tách, tách bề thì ngôi vị tách mất; nhưng thành miêng thì trụ nơi ngôi pháp miêng. Pháp sanh trụ nơi sanh, pháp diệt trụ nơi diệt; vì pháp không yên tịnh mà luôn biến đổi, không có cái nào tịnh.

Cho nên, Lục Tổ nói: “Chẳng có pháp nào tịnh”, cái nào cũng đang động là đang biến đổi, chỉ có chơn như Phật tánh không biến đổi (tịnh), tại không có hình tướng, số lượng. Vì vốn trống rỗng, không có cái gì để động, tức tâm của mình; rồi dùng ra trí Bát Nhã cũng vậy.

Trí Bát Nhã hiện nơi lục thức dùng, không lay động biến đổi, nên được tồn tại vĩnh viễn. Nhưng thế tìm không ra, còn dụng thì mình đang dùng là cái trống rỗng. Như tôi nói, các vị nghe và nhìn với nhau đều nhờ cái trống rỗng. Cái dụng rõ ràng, cái thế trống rỗng (vô sở hữu).

Hỏi: Sao các Tổ Huệ Khã, Tăng Xán, Đạo Tín không tham thoại đầu vẫn kiến tánh?

Đáp: Chư Tổ đời nhà Tống, như ngài Đại Huệ dùng tâm để ẩn tâm (dùng tâm ẩn), hành giả được Tổ sư khiến nổi lên nghi tình, tự mình tham thiền mà không biết mình tham thiền. Ngài Lai Quả nói: “Tham thiền không biết mình tham thiền gọi là chân tham”.

-Nhu công án: Đạo Lâm có một thị giả là Hội Thông, mấy năm thầy không dạy bảo, tự mình trong bụng phát nghi “xuất gia để tham thiền học đạo, nếu không dạy bảo làm sao giải thoát?”, tức đã tham rồi, nhưng tự mình không biết; đến chừng nghi tình quá nặng muốn bùng vỡ, chịu không nổi mới từ giả thầy.

Hội Thông nói: Xin đi chỗ khác.

Đạo Lâm hỏi: Đi chỗ khác để làm gì?

Hội Thông nói: Để học thiền.

Đạo Lâm nói: Thiền ở đây tôi cũng có chút đỉnh vậy!

Hội Thông hỏi: Sao không nói cho con biết để tu mau kiến tánh?

Đạo Lâm nhổ sọt lông trên chiếc áo, thổi ngay trước mặt, Hội Thông liền ngộ.

Hội thông đã tham mấy năm, nhưng tự mình không biết, nên gọi là chân tham.

-Sùng Tín làm thị giả cho Đạo Ngô nhiều năm, nhưng thầy không dạy bảo, tự mình nghi trong bụng; đến chừng chịu không nổi, từ giả thầy đi chỗ khác.

Đạo Ngô hỏi: Sao muốn đi chỗ khác?

Sùng Tín đáp: Vì thầy không dạy cái gì.

Đạo Ngô nói: Tại sao nói tôi không khai thị? Ngày nào tôi cũng khai thị!

Sùng Tín nói: Thầy đã khai thị cái gì?

Đạo Ngô nói: Người rót nước thì ta uống, người bới cơm thì ta ăn, người đánh lễ thì ta gật đầu, chỗ nào không khai thị!

Sùng Tín nghe liền ngộ.

-Lâm Tế ở trong Thiền Hội của Hoàng Bá đã 3 năm, theo chúng làm việc trong Thiền Đường. Một hôm gặp Thủ tọa Mục Châu là người đã kiến tánh, biết Lâm Tế là một pháp khí sau này sẽ thành tựu lớn.

Mục Châu hỏi Lâm Tế: Có đi hỏi Phật pháp với Hòa thượng không?

Lâm Tế đáp: Không.

Mục Châu nói: Sao không đi hỏi?

Lâm Tế đáp: Không biết hỏi gì.

Mục Châu nói: Hỏi là thế nào đại ý của Phật pháp?

Hằng ngày Mục Châu đối xử Lâm Tế rất tử tế, nên Lâm Tế rất cảm kích và thường nghe lời đi hỏi.

Lâm Tế hỏi Hoàng Bá: Thế nào là đại ý của Phật pháp?

Câu hỏi vừa dứt thì Hoàng Bá liền đánh đuổi ra, Lâm Tế phát nghi “tại sao hỏi Phật pháp lại bị đánh đuổi ra?” mà tự mình không biết. Hôm sau gặp Thủ Tọa hỏi: Có đi hỏi không?

Lâm Tế đáp: Có.

Thủ Tọa hỏi: Thế nào?

Lâm Tế nói: Không biết như thế nào, mới vừa hỏi thì bị đánh rồi đuổi ra.

Thủ Tọa nói: Đi hỏi nữa đi.

Lâm Tế nói: Thôi không đi hỏi.

Thủ Tọa nói: Hỏi kỳ này thì khác hơn kỳ trước, nên đi hỏi nữa đi!

Lâm Tế hỏi Hoàng Bá: Thế nào là đại ý của Phật pháp?

Câu hỏi vừa dứt thì Hoàng Bá đánh mạnh hơn kỳ trước, rồi đuổi ra.

Thủ Tọa nói: Vậy phải hỏi lần nữa.

Lâm Tế nói: Đã hỏi 2 lần lại còn hỏi gì nữa!

Thủ Tọa nói: Làm gì cũng phải 3 lần, nên đi hỏi nữa đi.

Lâm Tế hỏi Hoàng Bá: Thế nào là đại ý của Phật pháp?

Kỳ này Hoàng Bá đánh rất mạnh, rồi đuổi ra. Lâm Tế liền đến Thủ Tọa nói: Tôi muốn đi chỗ khác, không muốn ở đây nữa.

Thủ Tọa cũng biết, nhưng không nói ra, nói với Lâm Tế: Nếu đi chỗ khác cũng được, nên đi từ giả Hòa thượng; rồi Lâm Tế đến Hoàng Bá từ giả.

Hoàng Bá hỏi: Đi đâu?

Lâm Tế đáp: Chưa biết.

Hoàng Bá nói: Nên đến Cao An Thăng chỗ Thiền sư Đại Ngu sẽ có ích cho ông.

Đại Ngu hỏi Lâm Tế: Từ đâu đến?

Lâm Tế đáp: Từ Hoàng Bá.

Đại Ngu hỏi: Hoàng Bá có dạy bảo gì không?

Lâm Tế nói: Có hỏi 3 lần “thế nào là đại ý Phật pháp?”, nhưng bị đánh đuổi ra, không biết lỗi ở chỗ nào?

Đại Ngu nói: Hoàng Bá từ bi như vậy, mà còn nói lỗi ở chỗ nào!

Lâm Tế nghe liền ngộ triệt để.

Hỏi: Sao Sư Phụ không dùng thủ đoạn để cho chúng con mau ngộ?

Đáp: Bây giờ, tôi có đánh các vị đến chết cũng không thể ngộ, vì các vị không có công phu nên không phát nghi. Ngày xưa chư Tổ dùng thủ đoạn để cho hành giả phát khởi nghi tình, mà tự mình không biết, cho nên mau ngộ. Sau này cuốn Cảnh Đức Truyền Đăng Lục ra đời, hành giả xem biết những thủ đoạn của chư Tổ; nếu có đánh chết cũng không thể nghi được, nên chư Tổ bắt đấng dĩ dạy tham công án tham thoại đầu.

Hỏi: Tụng kinh Pháp Hoa cầu xin việc gì có được không?

Đáp: Tôi đã nói “Cầu là phi báng Phật pháp”, còn có cầu là có ngã thì không thể giải thoát. Nếu có cầu được thì không có Phật pháp. Có người quan niệm tụng kinh Pháp Hoa mới có ăn! Đó là sai lầm. Tham thiền là theo kinh thực hành.

Hỏi: Thế nào là Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa và Tối Thượng thừa?

Đáp: Theo biểu đồ của ngài Nguyệt Khê gồm có 4 thừa:

1. Tiểu thừa:

Trong giai đoạn ngã chấp, tức là chấp thân ngũ uẩn là ta; theo triết lý là Chủ Quan Duy Vật Luận, vì Tiểu thừa muốn diệt lục căn, không cho lục căn đối với cảnh. Thừa này còn ở trong phạm vi tương đối, như có và không, thường với vô thường, sắc với không, ... Phạm nói ra được đều là tương đối, vì sống trong phạm vi tương đối.

Tu là dùng pháp Tứ Đế, tức còn gọi là Tứ Diệu Đế (khổ, tập, diệt, đạo); mỗi ngày dùng nhất niệm vô minh, ở trong nhất niệm vô minh, tức từ niệm này qua niệm khác cứ suy nghĩ lăng xăng. Thừa này gọi là thừa Thanh Văn, mục đích cuối cùng muốn diệt lục căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý).

2. Trung thừa:

Phá được ngã chấp thì lọt vào pháp chấp, ở trong giai đoạn pháp chấp, chấp pháp là thật; theo triết lý gọi là Chủ Quan Duy Tâm Luận, vì không đối cảnh, chỉ có pháp. Cũng ở trong phạm vi tương đối, cách tu là dùng Thập Nhị Nhân Duyên còn ở trong nhất niệm vô minh. Thừa này gọi là thừa Duyên Giác, mục đích dứt nhất niệm vô minh.

3. Đại thừa:

Phá được ngã chấp và pháp chấp, nhưng lọt vào không chấp, tức là ở trong giai đoạn chấp không. Đến chỗ này là tâm và vật hợp một, nhưng vẫn còn ở trong phạm vi tương đối. Tu dùng pháp 6 Ba La Mật (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ).

Thừa này đến vô thi vô minh là hang ổ của nhất niệm vô minh, gọi là Bồ Tát thừa, mục đích cuối cùng là phá vô thi vô minh. Phá được vô thi vô minh là kiến tánh.

4. Tối Thượng thừa:

Tham Tổ Sư thiền là Tối Thượng thừa thì phá ngã chấp, pháp chấp, không chấp, đến giai đoạn Thật tướng (không có tướng nào cả) là hư không trống rỗng. Đến chỗ này là phi tâm phi vật (chẳng phải tâm cũng chẳng phải vật).

Thừa này đến phạm vi tuyệt đối, cách tu là tham thoại đầu. Mục đích là đến chân như Phật tánh (kiến tánh thành Phật), tức là nhất Phật thừa. Khi ngộ rồi gọi là vạn đức viên mãn, vô tu vô chứng (không tu không chứng).

Tại sao? Nói kiến tánh thành Phật, thật ra không có Phật để thành. Thành Phật không phải tu mới thành, bây giờ chưa tu mà đã thành rồi. Kinh Viên Giác nói: “Tất cả chúng sanh đều đã thành Phật”. Cho nên nói “vô tu vô chứng”.

Tin mình có Phật tánh không giảm bớt, không gián đoạn thì hiện nay mình là Phật; có thần thông, năng lực bằng Phật Thích Ca. Bất quá mình dùng không hết, đến chừng ngộ cuối cùng dùng ra được hết.

Hỏi: Thế nào là thoại đầu và nghi tình?

Đáp: -Khi chưa có trời đất, con có biết không?

-Không biết.

-Không biết tức là phát nghi rồi, chỉ cần hỏi để kích thích một niệm không biết. Không biết đó là đúng, rồi khán là nhìn chỗ không biết; chỗ không biết thì không có chỗ, vì có chỗ là biết. Chưa có trời đất thì không biết, vì không có chỗ; nên không có chỗ để nhìn, nhìn thấy trống rỗng vẫn còn không biết. Thiền tông gọi là nghi tình, vừa hỏi vừa nhìn để giữ cái không biết.

Quán Khoa Học của thành phố Toronto ở Canada, có máy vi tính chia làm ba mươi mấy cấp. Những người tham thiền nhờ máy đo bộ não thì đèn báo từ trên xuống dưới rồi tắt. Chứng tỏ người tham thiền có nghi tình (không hiểu không biết), tức là không có suy nghĩ thì bộ óc không hoạt động nên đèn xuống và tắt.

Đứa bé 3 tuổi được mẹ dạy tham thiền: “Khi chưa có trời đất ta là cái gì?”. Thường thường tôi nói: “Con nít 6, 7 tuổi đến người lớn 60, 70 tuổi đều tham thiền được”, nhưng 3 tuổi tham thiền được thì tôi chưa tin, cũng chưa gặp! Sẵn có cái máy, rồi ẵm nó để thử coi; tôi bảo nó tham thiền thì đèn cũng từ trên xuống dưới tắt, mà đèn lại xuống mau hơn người lớn.

Những người da trắng đứng bên cạnh thấy và nói “các vị sao hay quá, luôn đứa bé cũng làm được; sao chúng tôi không làm được một chút nào hết?”. Tôi nói với họ: Hãy bớt suy nghĩ thì đèn mới xuống.

Họ nói: Tôi không suy nghĩ mà đèn cũng không xuống.

Họ nói không suy nghĩ, nhưng bộ óc của họ không nghe lời, vì không không chế được bộ óc. Còn những vị làm được là do tập tham thiền đã lâu, luôn cả đứa bé đã có sẵn không biết, nên đèn xuống mau và tắt. Người lớn đèn xuống chậm là do có sự hiểu biết, khi tham thiền là dẹp hiểu biết thì đèn xuống và tắt.

Đứa bé biết tham thiền, còn dạy tham thiền cho các bạn lớn hơn nó. Hỏi nó tại sao mà không dạy những đứa bằng mày?

Bé nói: Dạy không được.

Hỏi: Tại sao tụng kinh, niệm Phật không phải tu?

Đáp: Tụng kinh thì phải hiểu nghĩa kinh, rồi theo nghĩa kinh thực hành, gọi là tín, thọ, phụng, hành mới là tu. Nếu tụng suông không biết ý của kinh, giống như con két nói

tiếng người chẳng biết gì, thì tụng cũng như không tụng. Đọc tụng là để thọ trì, mục đích kinh để thực hành, chứ chẳng phải tụng.

Niệm Phật phải đúng theo tông chỉ Tịnh Độ, thực hành đúng “tín, nguyện, hạnh”; không phải chỉ niệm, nếu chỉ có niệm thì không phải Tịnh Độ. Như chỉ niệm chú thì không phải Mật tông, nếu niệm câu thoại cũng không phải tham thiền; phải đúng theo tông chỉ của pháp môn đó mới gọi là tu.

Hỏi: Cầu siêu vong linh và cầu an người sống, có được không?

Đáp: Theo nhân quả thì phải gieo nhân mới được quả, như trồng bí được bí, trồng đậu được đậu. Nếu nhân quả không đúng cũng không được, như trồng bí muốn được đậu, hay trồng đậu muốn được bí đều không được.

Vậy làm ác không thể được phước báo, làm thiện không thể chịu khổ báo, phải đúng theo nhân quả. Có cầu được là phế bỏ nhân quả, khỏi cần gieo nhân. Như làm ác mà cầu an cầu siêu được thì khỏi cần tu. Cho nên, tham thiền là “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”.

Phàm chánh pháp đều phá ngã chấp, tức là không chấp thân ngũ uẩn là ta thì được ra khỏi sanh tử luân hồi. Như Tiểu thừa phá được ngũ uẩn ngã ra khỏi sanh tử luân hồi, nhưng còn chấp pháp; đến Trung thừa phá pháp chấp. Phá được ngã chấp thì ra khỏi phần đoạn sanh tử.

Hỏi: Cha mẹ con chết đã lâu, con xuất gia thì cha mẹ con có hưởng được gì không?

Đáp: Ai tu thì người đó được, như cha mẹ thương con bao nhiêu không thể ăn giùm cho con được; con có hiếu thảo cách mấy cũng không ăn giùm cho cha mẹ, người nào ăn nấy no. Đó là nhân quả, chứ không phải người này tu mà người kia được quả; tức là người nào làm thì người đó chịu, không thể người khác thay thế. Như Phật Thích Ca cũng không thay thế cho chúng sanh được.

Bây giờ, làm cha mẹ con cháu là gieo nhân ở kiếp trước. Cùng cha mẹ có 2 người con, một người có hiếu, có thể kiếp trước mắc nợ nên phải trả; một người bất hiếu, có thể cha mẹ kiếp trước mắc nợ nên đến đòi. Tùy theo nghiệp của mỗi người có khác, không nhất định; tức là tùy theo nghiệp nhân nghiệp quả.

Mục Kiền Liên đã chứng quả A la Hán có thần thông đệ nhất, mẹ của Ngài làm ác đọa ngạ quỷ. Ngài đến ngạ quỷ thấy mẹ đói, liền biến một bát cơm đem cho mẹ ăn; vì nghiệp bà quá nặng nên cơm vừa tới miệng thì biến thành than lửa, không thể ăn được.

Về bạch Phật, Phật nói: “Nhất thiết duy tâm tạo, nếu tâm của bà ấy không sửa đổi thì không thể cứu nổi. Tâm của Tăng chúng hợp lại ảnh hưởng sửa đổi được tâm của bà ấy một chút, thì thoát khỏi đạo ngạ quỷ”.

Đạo ngạ quỷ rất khổ, nên lấy Vu Lan Bồn hình dung cảnh khổ tội nhân bị treo ngược. Nếu tâm của bà ấy không sửa thì Phật cũng không cứu được, tự mình sửa mới được.

Hỏi: Ba con tham thiền đã lâu, nếu chết thì chúng con phải tổ chức như thế nào?

Đáp: Nếu con cháu tham thiền thì trước linh cửu tham thiền, không biết tham thiền thì niệm Phật cũng được; rồi tất cả ăn chay, không được sát sanh, nên cúng chay, đừng cúng mặn mà gây tội cho người chết.

-Lúc nhập liệm có mời các sư để tụng kinh không?

-Có mùi cũng được, đó không phải có quy định. Ngài Hư Vân trước khi tịch có dặn các môn đồ rằng: “Sau khi tôi chết, các vị đem thân tôi thiêu, rồi xay nát trộn với cám cho ngon, đổ xuống sông hay biển để kết duyên cho cá tôm”. Vậy đâu có làm gì!

-Theo Thiên Tông có cúng gì không?

-Làm tuần là do có thân trung âm, cứ 7 ngày thì sanh tử một lần.

Người chết không phải biến thành quỷ, quỷ là một đạo trong 6 đạo; cõi trời, người, A tu la là 3 đường thiện; súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục là 3 đường ác. Nếu làm nghiệp quỷ thì phải đầu thai quỷ, làm nghiệp súc sanh thì phải đầu thai súc sanh, làm nghiệp địa ngục thì xuống địa ngục, làm nghiệp người thì sanh người,... theo nghiệp mà đi thọ sanh.

Nếu làm thiện thêm một chút thì sanh lên 3 đường thiện, nếu làm ác thêm một chút thì sanh chỗ 3 đường ác. Người chết có nghiệp thiện hay nghiệp ác hơn kém thì chết đi đầu thai liền, những người có nghiệp ác và nghiệp thiện bằng nhau, khi chết không biết thác sanh vào đường nào, nên mới có thân trung âm.

Cho nên, trong 7 ngày đó mà con cháu làm thịt heo gà để cúng thì tăng thêm việc ác cho người chết, người chết phải đầu thai xuống ác đạo; hay làm nhà lầu, xe hơi để đốt là cũng muốn cho người chết ở dưới âm phủ luôn. Vì đầu thai thành người thì không cần những thứ ấy. Các việc đó là tại không hiểu.

Nếu thân trung âm 7 ngày không phân biệt thiện ác thì phải thêm 7 ngày nữa, vì thân trung âm mỗi 7 ngày thì sanh tử một lần; đến cuối cùng là 49 ngày tự nhiên phân biệt được thiện ác, sẽ đi đầu thai.

Chuyện thật ở Đài Loan có thân trung âm, ông ấy là Ung Bá Huy từ Trung Quốc qua, lúc đó 40 tuổi quy y Pháp sư Nam Đình. Rồi y kể biết được 3 kiếp trước của y. Pháp sư thuyết pháp muốn chứng tỏ luân hồi để cho mọi người tin, nên nói: Tôi có một đệ tử biết được 3 kiếp có thân trung âm, có một kiếp đầu thai người nhưng một bàn tay là giò heo. Tôi không thể nói ra tên người đó được, nếu các vị ra vô chùa thế nào cũng gặp.

Người ta nghe thuyết pháp rồi không biết là ai! Một hôm, ngồi chung một bàn ăn cơm trong chùa, có một cánh tay của y bao lại, còn lại một cánh tay bới cơm khó khăn; một vị khác muốn bới giùm, nhưng y không cho, 2 người giằng co làm cái túi sứt ra thấy tay giống giò heo; mau mau bao tay lại và dặn ông kia không được nói ai biết. Lúc chỉ còn 2 người, ông kia hỏi: Có phải ông đầu thai heo phải không?

Ban đầu Ung Bá Huy không nói, ông kia nói: Không nói nhưng tôi đã thấy rồi, ông nói ra thì tôi không nói cho người khác biết. Rồi y mới kể:

Kiếp đầu tiên làm Giáo viên dạy học ở thôn quê, khi chết mà không biết mình chết; thân nhẹ nhàng đi lang thang không biết đói bụng, một hôm gió bắc thổi rất lạnh; lúc ấy đi ngang một nhà lớn cửa đang mở, vào trong nhà để tránh gió nhưng còn thấy lạnh; thấy trên vách tường treo mấy cái áo lớn, lấy một cái áo mặc vô cảm thấy ấm ngủ quên hồi nào không hay.

Thức dậy thấy mình nằm chung các con heo nhỏ và con heo lớn, biết mình là một con heo nhỏ. Trong tâm biết rõ ràng, nếu heo lớn lên thì người ta làm thịt. Nên tìm cách tự tử, quyết định không ăn uống; người chủ tưởng heo bệnh cho uống thuốc, nhưng heo không chịu uống. Qua 7 ngày thì heo chết khô phục thân trung âm.

Thân trung âm cũng đi lang thang ngoài đường, một ngày kia gặp gió bắc lạnh đi ngang nhà lớn; rồi vô nhà thấy cái áo lớn, một tay vừa đụng chiếc áo nhưng rút lại. Tự

nghĩ rằng, kỳ trước ăn cắp đã thành heo rồi, nên bây giờ dù có lạnh đến chết cũng không ăn cắp. Lạnh quá nên ngất xỉu, đến chùng tỉnh lại thì nghe người ta nói sanh con trai. Rồi biết mình đã đầu thai thành con người một tay giống giò heo, có mẹ nằm một bên.

Ung Bá Huy ở Trung Quốc 40 năm, rồi ở Đài Loan 22 năm, ông bệnh chết tại bệnh viện. Lúc tôi đi Đài Loan có đi ngang bệnh viện ấy. Sau đó, ông bới cơm giùm xuất gia, rồi đăng câu chuyện này trên nguyệt san Phật giáo.

Hỏi: Kính xin Sư Phụ khai thị 2 bài kệ của ngài Thần Tú và ngài Huệ Năng?

Đáp: Bài kệ của ngài Thần Tú là hiểu theo bộ óc, chưa kiến tánh, vì còn tư tưởng chấp thật, có bài kệ:

Thân như cây bồ đề,
Tâm như đài gương sáng.
Ngày ngày phải lau chùi,
Chớ để dính bụi trần.

Lục Tổ đã ngộ rồi, phá chấp của Thần Tú, có bài kệ:

Bồ Đề vốn chẳng cây,
Gương sáng chẳng phải đài.
Xưa nay không một vật,
Chỗ nào dính bụi trần?

Tâm của mình như hư không trống rỗng thì lấy gì để dính bụi trần!

Hỏi: Ngày giỗ cha mẹ của con cúng mặn, nhưng con ăn chay nên không đến dự. Vậy con có bất hiếu không?

Đáp: Không dự làm hại cha mẹ có bất hiếu không? Những người làm hại cha mẹ mới là bất hiếu, còn không muốn làm hại cha mẹ sao gọi là bất hiếu!

Hỏi: Chúng con xuất gia còn nhỏ phải đi học hết chương trình Phật học, rồi sau chuyên tu. Vậy có được không?

Đáp: Học với tu phải đi song song, tức là vừa học vừa tu. Đó là cách tu của Giáo môn. Tôi dạy các trường Phật học đều khuyên các Tăng Ni: “Học phải có tu”. Nếu đợi lúc rảnh rồi mới tu thì không được, khi phát tâm tu thì phải tu liền.

Hỏi: Người xuất gia đem của cúng dường giúp cho cha mẹ, vậy ai có nhân quả?

Đáp: Hai người đều có nhân quả phải trả nợ cho thí chủ, người xuất gia chịu nhân quả nặng hơn. Người ta cúng dường Tam Bảo có ít, nhưng được phước báo nhiều; như một hạt lúa gieo xuống đất thì có nhiều hạt lúa. Cho nên, người xuất gia phải trả nợ nhiều lần hơn người bình thường.

Hỏi: Con tham thiền thì bán vé số được nhiều, có lần con bị xe đụng nhưng không ảnh hưởng gì trên thân. Vậy các việc ấy có nhân quả gì không?

Đáp: Nhân quả đó là do tham thiền sửa cái nghiệp lại, chứ không phải tham thiền là buôn bán khá kiếm tiền nhiều. Tham thiền thì sức của tâm được tăng thêm, như cái nghiệp đụng xe đáng lẽ phải chết, nhưng do mình có sửa lại nghiệp thì sẽ khỏi bị thương và chết.

Trương quốc Anh làm việc gì cũng hơn mọi người, y tham thiền khi bị lật xe; cả xe đều bị thương, chỉ y không bị thương và không biết mình bị xe lật. Khi nhân viên Hồng Thập Tự kéo y ra, y hỏi nhân viên: Làm gì vậy?

-Câu cá có nhân quả gì không?

-Có nhân quả chứ! Không sát hại là thiện, sát hại là ác. Kẻ ăn cắp là ác, không ăn cắp là thiện.

-Nếu câu cá thì có bị người ta câu lại không?

-Có câu người ta thì bị người ta câu lại, ăn một cục thịt phải trả một cục thịt, giết một mạng thì trả một mạng. Nếu không gieo nhân thì không có quả.

-Kiến tánh thì nhân quả có hết không?

-Cứ hỏi và nhìn được kiến tánh thì tự biết.

Hỏi: Con ăn chay, nhưng vì con cháu nhờ đi chợ mua các con vật chết về làm nấu. Vậy việc ấy có nhân quả không?

Đáp: Có làm phải chịu nhân quả, nếu mình có quyền thì không làm. Người có quyền sai mình làm, người đó phải chịu nhân quả. Mình có quyền vì thương con mà làm nên phải chịu nhân quả, còn không nghe lời con thì không bị nhân quả.

-Không ăn thịt, mà dùng nước thịt, vậy có nhân quả không?

-Nếu mình không có ý muốn ăn thì không có nhân nên không có quả, dùng nước thịt thấy ngon thì cũng có nhân quả.

Hỏi: Công phu có khi tạp niệm xen vào, có lúc trống rỗng. Vậy là thế nào?

Đáp: Tập tham thiền cứ hỏi và nhìn, khỏi để ý công phu, vì để ý là biết. Tập niệm hay không tập niệm thì mặc kệ, đừng biết tới; hỏi và nhìn liên tiếp là được.

Hỏi: Kính xin Sư Phụ khai thị: Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến?

Đáp: Đây là trong kinh Lăng Nghiêm, những người giảng hay dịch thường hiểu lầm 2 chữ “kiến kiến”. Có người cho kiến trước là năng kiến, kiến sau là sở kiến; có người thì cho ngược lại là kiến sau là năng kiến, kiến trước là sở kiến. Có năng sở thì không phải kiến kiến, kiến kiến là kiến tánh (bản tánh tự hiện). Lúc bản kiến tự hiện gọi là kiến tánh (kiến kiến chi thời).

Kiến tánh không có năng kiến và sở kiến, cho nên kiến chẳng phải là kiến (kiến phi thị kiến). Tuy nói kiến nhưng còn lìa kiến (kiến do ly kiến). Tại sao? Vì kiến không thể đến (kiến bất năng cập). Có năng sở là tri kiến của bộ óc thì không thể đến, tri kiến của Bát Nhã thì không có năng sở. Thường thường người dịch hay giảng sai lầm chỗ này.

Kiến tánh còn gọi là Phật tánh, dùng ra phải nhờ lục căn, lục căn có bản kiến, bản văn,... kinh Lăng Nghiêm có phần văn văn tự tánh là nghe bản văn. Bản ngữ, bản biết,... là cái dụng của Phật tánh; dụng của Phật tánh khắp không gian thời gian, không có năng sở. Cho nên, thể và dụng không phải là hai.

Hỏi: Khởi niệm có quả hay thực hành có quả?

Đáp: Khởi niệm là có nhân thì có quả, niệm đó là nhất niệm vô minh. Cuộc sống hàng ngày từ niệm này sang niệm khác liên tiếp. Ban đêm do nhất niệm vô minh tạo ra nhắm mắt chiêm bao, ban ngày biến hiện mở mắt chiêm bao ngày đêm không ngừng.

Hỏi: Chúng con vẫn biết nhẫn nhục ba la mật, nhưng khi đụng chuyện tại sao không nhẫn được chút nào?

Đáp: Nếu biết nhẫn nhục ba la mật thì không phải nhẫn nhục ba la mật. Kinh Pháp Hoa có Thường Bất Khinh Bồ Tát gặp ai cũng đánh lễ và nói “tôi không dám khinh

các vị, vì các vị sẽ thành Phật”; người ta giận dùng ngói đá ném, nhưng ngài từ xa vẫn lớn tiếng xưng “tôi không dám khinh các vị, vì các vị sẽ thành Phật” và đánh lễ. Ngài tu pháp nhẫn nhục.

Mình phải đối cảnh, nếu bị người sỉ nhục nhưng mình không thấy nhục; như người ta chửi mắng đồng như khen ngợi, không giận mà lại mừng. Nhẫn nhục mà không biết mình nhẫn nhục, nếu còn tức giận trong bụng cũng không được. Kinh Kim Cang nói: “Tiền thân của Phật Thích Ca làm vị Tiên nhẫn nhục bị Ca Lợi Vương xé thịt, nhưng vị Tiên không giận mà lại thọ ký cho ông ấy “sau này tôi thành Phật sẽ độ ông trước”.

Vị Tiên mới thật nhẫn nhục, nếu tu thành pháp nhẫn nhục ba la mật (đến bờ bên kia) thì phá được hết ngã chấp không còn phiền não đau khổ. Tham thiền giữ được nghi tình thì không biết nhẫn nhục mới được chân thật nhẫn nhục, người ta chửi mắng đánh đập mà mình không biết chửi mắng đánh đập.

Hỏi: Tham thiền không biết có lọt vào vô ký chăng?

Đáp: Đừng biết vô ký hay không vô ký, cứ hỏi và nhìn. Tại sao muốn biết vô ký làm chi? Nghi tình là không hiểu không biết, nếu biết vô ký là biết thì không phải tham thiền.

-Sao lúc này tham thiền hay quên?

-Tham thiền hay quên là tiến bộ, quên nhiều tiến bộ nhiều; vì không hiểu không biết là để chấm dứt tìm hiểu biết, ghi nhớ biết và suy nghĩ biết. Không có ghi nhớ là quên.

-Người ta cho như vậy là điên sao?

-Mình không điên, có nói điên cũng mặc kệ. Đến chừng tự hiện ra năng khiếu sức của tâm thay thế bộ óc làm việc. Bây giờ tôi đang thử nông nghiệp và công nghiệp. Lập ra xưởng làm ra máy móc vừa tham thiền vừa làm. Nhập các máy tối tân vô, máy nào cũng có khuyết điểm; mình có năng khiếu biết được khuyết điểm sửa lại tạo ra máy mới, mà máy nhập càng đắt tiền hơn, mình làm ra thì dễ.

Bây giờ, phổ biến cấp 3 dùng máy vi tính, tôi làm một phòng vi tính giúp cho trường tiểu học có khoảng 1000 học sinh từ 8 tuổi đến 13 tuổi để vừa tham thiền vừa tập vi tính, thì sẽ phát triển mau, mà tôi không cho biết là tham thiền. Nhà khoa học danh tiếng thế giới có 2 vấn đề không giải quyết được là: - Vũ trụ có bắt đầu chăng? - Con gà có trước hay trứng gà có trước?

Tôi cho hỏi con gà có trước hay trứng gà có trước? Để giải quyết của nhà khoa học thắc mắc. Vừa hỏi vừa nhìn, hoàn toàn dùng cách tham thiền để giúp cho nông nghiệp, công nghiệp, vi tính đều được phát triển; tức là Phật pháp ứng dụng hằng ngày là thực dụng. Bây giờ mình cũng đang dùng mà mình không biết.

Ngài Long Thọ nói: “Hư không vô sở hữu”, dùng hư không vô sở hữu là tâm mình, tâm mình trống rỗng (vô sở hữu) vậy. Bây giờ, mình đang dùng, vì có chỗ trống rỗng nên mình mới ngồi và nhìn với nhau.

Cuộc sống hằng ngày, ăn cơm uống nước, nói năng tiếp khách, tất cả vũ trụ vạn vật, đất đai nhà cửa cây cối, đều nhờ vô sở hữu dung nạp và ứng dụng.

Nhưng đang ứng dụng mà không biết, cứ tìm chơn không diệu hữu, Bồ Đề, Niết Bàn. Nếu cái không đã có thì mới nói chơn nói diệu. Có đã không thành lập, sao nói không nói diệu? Chơn là đối với vọng, kinh

Lãng Nghiêm nói “chơn với vọng là 2 thứ vọng”, vọng đã là vọng, còn chơn đối vọng cũng là vọng.

Phàm tất cả tương đối đều là vọng, Phật tánh bất nhị không có tương đối. 4 bài kệ của ngài Vĩnh Gia nói là vô duyên tri (tri không có nhân duyên đối đãi). Cho nên không kiến lập tri, kiến lập tri thì có bất tri để đối đãi. Kiến lập sở tri thì có năng tri để đối đãi. Có năng sở đối đãi không phải là vô duyên tri.

Vô duyên tri (Bát Nhã) cùng khắp không gian thời gian, mình đang dùng; vì kiến lập sở hữu thì bị hạn chế, nên dùng ra rất ít. Tham thiền là tẩy sạch sở hữu của mình kiến lập, cái dụng sẽ lớn thêm hiện ra.

Kiếp trước người nào đã học cái gì thì kiếp này sẽ phát triển nhanh. Làm nông nghiệp phát triển nông nghiệp, làm công nghiệp phát triển công nghiệp, làm nghề máy phát triển máy, làm vi tính phát triển vi tính. Sức của tâm mình đã sẵn, hiện ra cái dụng hơn người khác gọi là năng khiếu.

Hỏi: Cha chết con không đến, con có tội không?

Đáp: Tùy theo tình trạng đó, không phải có tội hay không có tội! Nhân duyên đặc biệt người ấy không thể đến được, không phải cố ý không đến. Ở gần kề bên mà người ấy không đến là bất hiếu, theo truyền thống thì cha mẹ chết, con phải đến. Vậy bất hiếu phải có tội.

Hỏi: Tham thiền thấy hào quang xẹt ra, việc ấy như thế nào?

Đáp: Tất cả mình thấy gì, thấy xẹt tia lửa hay thấy ma đều là vọng; mặc kệ nó đừng để ý, cứ hỏi và nhìn đi song song là được. Bây giờ thấy Phật Thích Ca đến rồi đầu thọ ký cho mình thành Phật cũng là vọng, đừng có mừng, đừng có biết tới. Tham thiền đến lúc kiến tánh thì tất cả tự biết.

Hỏi: Con tham thiền lâu nay, nhưng tánh con vẫn còn sân hận hung dữ to tiếng. Vợ con nói hồi trước ông chưa tu thì không có gì, bây giờ có tu sao hung dữ quá! Xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Vì ông không giữ được nghi tình, nếu giữ được nghi tình thì người ta có đánh đập chửi mắng cũng không giận; tức là thấy tốt đẹp thì không biết nên không ham thích, thấy xấu thì không biết nên không chê ghét. Ông chỉ niệm thoại đầu, thói quen cũ không thể giảm bớt.

Nếu giữ được nghi tình, như người ta trước kia ham đi xem hát, sau một thời gian thì họ không còn thích; trước kia ưa mặc đồ đẹp, khi tham thiền thời gian sau không thích; trước kia thích đi nhà hàng, tham thiền thời gian không muốn đi. Tham thiền mà quên là tiến bộ.

Hỏi: Con nằm chiêm bao thấy con và mọi người đi trên chiếc thuyền bị chìm thuyền chết chỉ một mình con sống, khi con thức giấc thấy mình tham thiền. Vậy hiện tượng này như thế nào?

Đáp: Tham thiền trong giấc chiêm bao là công phu có tiến bộ.

-Nhìn chỗ đen tối có đúng không?

-Nhìn chỗ không biết, muốn hình dung chỗ không biết nên tạm lấy đen tối để hình dung. Nhưng tối với sáng là 2 pháp sanh diệt, chỗ không biết không phải sáng cũng không phải tối. Nếu biết tối thì đã biết, cho nên tối dùng cái tối để thí dụ tạm thời để làm phương tiện. Đừng tạo ra cái đen tối để nhìn.

Hỏi: Tại sao tịnh dễ tham, động khó tham?

Đáp: Trong động tham ít, không có sao. Thường thường trong tịnh tham thiền vào cửa mau hơn, như 3 tháng vào cửa; còn tham thiền trong động vào cửa khó hơn, như 3

năm vào cửa. Nhưng 3 tháng vào cửa nhưng 300 năm không được kiến tánh, còn 3 năm vào cửa thì 4 năm được kiến tánh.

Mặc dù, chậm vào cửa nhưng lại mau kiến tánh. Tại sao? Vì trong động làm được thì tịnh cũng làm được, không bị tịnh chướng ngại. Khi tịnh làm được, nhưng lúc động không làm được; vì ngồi xuống là được, khi đứng dậy thì không được. Cho nên bị chướng ngại, tại có phân biệt động tịnh tương đối.

-Nhưng trong động tham ít thì sao?

-Ít cũng tham vậy, tham được nhiều thì đừng có ham, tôi đã thí dụ phải hiểu. Ít nhưng lại mau hơn, ban đầu nhiều nhưng chậm hơn mà lại không có hy vọng nữa.

-Hoàn cảnh nhà làm cho con không tham được là sao?

-Tại biết những cảnh đó, cho nên cần phải giữ nghi tình để quên những thứ đó. Phải tập tham thiền, mỗi ngày nghi tình tăng 1 phút thì 4 năm đến thoại đầu, 1 ngày tăng ½ phút thì 8 năm đến thoại đầu, 1 ngày tăng ¼ phút thì 16 năm đến thoại đầu. Tập dần dần, chứ đâu phải muốn mau là được! Cho nên, mau trở lại chậm, chậm có thể thành mau.

Hỏi: Ngài Đại Huệ khai thị cho Lý Hiện Thân:

**Phật thuyết tất cả pháp,
Vì độ tất cả tâm.
Ta chẳng tất cả tâm,
Đâu cần tất cả pháp!**

Kính xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Phật nói “Không có pháp gì gọi là Phật pháp”, tại chúng sanh có bệnh, nhưng bệnh của chúng sanh là bệnh giả, Phật làm thuốc giả để trị bệnh giả. Nếu bệnh giả hết thì thuốc giả cũng bỏ. Không có bệnh mà uống thuốc là điên cuồng, có bệnh mà không uống thuốc làm sao hết bệnh?

Thuốc giả là để trị bệnh giả, nếu không có bệnh giả thì thuốc giả đâu cần nữa! Cho nên, Phật thuyết pháp là để trị tất cả tâm, không có tất cả tâm thì đâu cần tất cả pháp! Tức là pháp với tâm đều không thật. Bởi vậy, ngài Long Thọ nói: Vô sở hữu (trống rỗng).

Hỏi:

**Tìm trâu theo dấu tích,
Học đạo phải vô tâm.
Dấu còn thì trâu còn,
Vô tâm đạo dễ thành.**

Kính xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Thiền sư Phổ Minh dùng mười bức chăn trâu để tu không thể được. Tìm trâu phải tìm theo dấu trâu, đó là theo bệnh chấp thật. Học đạo thì vô tâm, tâm đã vô sở hữu lấy cái gì để tìm? Trống rỗng là khắp không gian thời gian, làm sao có nhà để về? Nếu có chỗ về thì không cùng khắp không gian.

Tìm trâu là tìm theo dấu tích của trâu, đó là chuyện thế gian. Ngộ đạo là vô tâm mới ngộ được, nếu có tâm thì không thể ngộ. Cho nên, ngộ đạo quý vô tâm. Tham thiền là không hiểu không biết, như 4 bài kệ của ngài Vĩnh Gia không kiến lập cái biết. Biết mình có cái biết còn không được.

Biết tịch lặng, biết trâu mất, biết tìm trâu, biết cỡi trâu về nhà... những việc ấy là bậy, đều là có tâm chú không phải vô tâm. Đó là tư tưởng của người đời theo bệnh chấp thật. Học đạo là khác chuyện ngoài đời là nghịch lại, ngoài đời chấp thật; học đạo phá chấp thật.

Hỏi: Lúc chưa tham thiền, con ngồi chơi nhưng đầu óc trống rỗng. Vậy có hại gì không?

Đáp: Đó là cảnh giới tốt, có thể trước kia đã tu thiền gì rồi mới hiện ra cảnh giới đó. Tham thiền có hiện ra cảnh giới gì cũng mặc kệ, đều là vọng, đừng để ý tới, cứ hỏi và nhìn đi song song giữ không hiểu không biết.

Hỏi: Con vừa tham thiền vừa nói chuyện với người ta, nhưng một lúc sau con không biết người ta nói gì. Vậy có sao không?

Đáp: Công phu như thế là đúng rồi.

-Như vậy có hôn trầm phải không?

-Không phải, giữ được nghi tình thì người ta nói gì cũng không biết.

-Trong lúc buồn, thấy nghi tình mạnh hơn và trong lúc vui, không thấy vui nhiều. Vậy trạng thái ấy như thế nào?

-Nếu còn biết buồn biết vui thì không có nghi tình, vui không biết vui, buồn không biết buồn là giữ được nghi tình.

-Buồn quá có nghi tình không?

-Buồn quá làm sao có nghi tình! Biết buồn là không phải nghi tình. Biết là không phải nghi, nghi là không hiểu không biết. Đó là niệm thoại đầu, chứ không có nghi; niệm là biết, tức không phải tham thiền; nếu buồn quá thì niệm mạnh.

Hỏi: Thiền sư Đại Huệ nói: “Sợ hãi sanh tử mà gốc nghi nhổ chẳng hết thì trăm kiếp ngàn đời trong sanh diệt thọ báo” và “mạnh dạn nhổ sạch gốc nghi”. Xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Vì bộ óc hiểu có hạn chế, không hiểu hết nên phải có nghi; đến chừng ngộ triệt để thì trí Bát Nhã hiện lên khắp không gian thời gian, sự hiểu biết không còn thiếu sót; tức là không còn một cái gì không biết, không còn chỗ nào không biết, không còn lúc nào không biết, nên gọi là đốn đoạn nghi căn (gốc nghi đã nhổ sạch), không còn cái gì để nghi.

Không những gốc nghi chấm dứt, mà mạng căn cũng chấm dứt; nhưng người ta nghe tôi nói mạng căn chấm dứt thì sợ. Vì mạng căn chấm dứt là không bị khổ sanh tử luân hồi, lúc ấy được tự do tự tại, không có cái gì làm chướng ngại. Nhưng người ta muốn kiên lập sinh mạng sở hữu của mình, cho nên nghe nói mạng căn chấm dứt thì sợ. Đó là do còn cái ngã. Nghi căn và mạng căn chấm dứt, lúc đó được kiến tánh triệt để.

Hỏi: Tham thiền muốn nhanh kiến tánh thì phải làm sao?

Đáp: Tham thiền có nghi tình, mỗi ngày tăng thêm 1 phút là nhanh thì 4 năm đến thoại đầu sẽ kiến tánh, ngài Lai Quả kiến tánh nhanh như vậy, 24 tuổi xuất gia đến 28 tuổi kiến tánh. Ngài Hư Vân đến 56 tuổi kiến tánh.

-Vậy do công phu lẹ hay chậm phải không?

-Không phải lẹ là cao! Hoài Nhượng và Phản Nhiên là bạn đồng tham, nhưng Phản Nhiên kiến tánh trước. Lục Tổ hỏi Hoài Nhượng: “Vật gì đến như thế?” Hoài Nhượng

không trả lời được, rồi phát nghi tình đến 8 năm sau mới ngộ. Trong Pháp Bảo Đàn không nói Hoài Nhượng 8 năm sau ngộ, nhưng trong lịch sử Thiền tông nói.

Khi Hoài Nhượng ngộ trình cho Lục Tổ: Nói giống một vật thì không đúng.

Lục Tổ hỏi: Vậy có tu chứng không?

Hoài Nhượng đáp: Tu chứng thì chẳng phải không, ô nhiễm thì chẳng thể được.

Tại sao? Vì đã phát hiện được vô sở hữu lấy cái gì để ô nhiễm? Cho nên, bài kệ của Lục Tổ có câu: “Xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi trần”. Đâu có vật gì dính bụi trần để ô nhiễm! Chứng tỏ Hoài Nhượng đã ngộ rồi.

Tâm như hư không trống rỗng nhưng mình đang dùng, như tôi đang nói, các vị đang nghe, nhìn với nhau đều nhờ vô sở hữu.

Hỏi: Thế nào con đường duy nhất từ phàm phu đến quả Phật?

Đáp: Không có đường cũng không có đạo, nên người tham thiền muốn hiểu đạo cũng không cho. Tại sao? Vì ngài Long thọ ví dụ tâm mình như hư không vô sở hữu (không có hư không).

Người kiến lập hư không hỏi: Tại sao không nói hư không quảng đại vô biên dung nạp tất cả vật, mà lại nói hư không vô sở hữu dung nạp tất cả vật? Nếu hư không vô sở hữu, tức là không có hư không thì lấy cái gì để dung nạp! Ngài Long Thọ nói: “Không có mới dung nạp”. Thật tế là vậy, mặt trời, mặt trăng, cây cối, nhà cửa,... đều nhờ cái vô sở hữu này.

Chỗ không có gì thì mới dung nạp, nếu đã có chỗ thì không dung nạp; như cái bàn trống rỗng thì dung nạp, chỗ để đồ thì không dung nạp; người ngồi chặt hết thiền đường thì không thể dung nạp được nữa.

Hỏi: Người thế gian học hành rồi thành quả, đến đây học không hành thì không thành quả phải không?

Đáp: Đây là pháp xuất pháp thế gian, chứ không phải pháp thế gian; thế gian là dùng tư tưởng chấp thật, mỗi ngày đều sống trong nhất niệm vô minh. Pháp xuất thế gian là hiển bày dụng cái tâm, nếu ngộ được thì không có xuất thế gian và thế gian. Vì vô sở hữu không thể kiến lập, cho nên Phật Thích Ca nói là vô thi, tức là không có bắt đầu, cũng là nghĩa vô sanh, không có sự sanh khởi.

Tại sao? Vì có sự sanh khởi thì phải có sự bắt đầu, nếu có bắt đầu thì không đúng với thật tế. Tại có bắt đầu thì phải có cuối cùng là pháp sanh diệt, Phật Thích Ca gọi là “pháp bản trụ”, không bị gián đoạn thì cùng khắp thời gian, vì không có sanh diệt nên gọi là Niết Bàn (niết là không sanh, bản là không diệt). Do khắp không gian thì không khứ lai, nên gọi là Như Lai (đúng như bản lai).

Bản Lai là vô nhất vật, mà sao có đường để đi! Vì vậy, ngài Lai Quả nói: “Nếu đi một ngàn dặm, lại trở về rất mất công”. Tham thiền là chỉ quay đầu là tới rồi, khỏi cần đi một bước hay nửa bước. Có đường để đi là có tư tưởng chấp thật, tức kiến lập cái sở hữu; đây vốn là vô sở hữu.

Hỏi: Đọc kinh là để sáng suốt thấu triệt đi đến đạo quả có phải không?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm nói: “Giác hải dụ cho tâm mình, hư không là bọt biển, thế giới ở trong hư không (ở trong bọt nước); còn chúng sanh ở trong thế giới, nếu bọt nước bể (hư không chẳng có) thì thế giới ở đâu? Chúng sanh ở đâu?

Hỏi: Thế nào là tham Tổ Sư thiền?

Đáp: Tham Tô Sư thiền là tham thoại đầu hay khán thoại đầu. Thoại là lời nói, đầu là đầu tiên lời nói; tức là chưa nổi lên ý niệm muốn nói câu thoại mới gọi là thoại đầu. Nếu khởi niệm muốn nói, nhưng chưa nói ra miệng cũng là thoại vĩ (thoại đuôi), chứ không phải thoại đầu. Thoại đầu là chưa khởi niệm nào mới gọi là thoại đầu.

Bây giờ, tham thiền tuy nói tham thoại đầu hay khán thoại đầu, nhưng chưa đến thoại đầu, cách thoại đầu còn xa lắm. Vì mục đích đến thoại đầu, nên nói là tham thoại đầu hay khán thoại đầu. Tham là hỏi câu thoại, tất cả muôn ngàn câu thoại là mục đích để kích thích niệm không hiểu không biết.

Như hỏi: “Khi chưa có trời đất ta là cái gì?” thì nổi lên một niệm không biết, rồi khán là nhìn chỗ không biết, muốn xem chỗ không biết là gì; chỗ không biết là không có chỗ, vì có chỗ là biết rồi. Không có chỗ là không có mục tiêu để nhìn thì không thấy gì vẫn còn không biết, nên Thiền tông gọi là nghi tình. Hỏi và nhìn song song để giữ nghi tình đưa hành giả đến thoại đầu, rồi kiến tánh.

Không phải hỏi trước nhìn sau, không phải hỏi sau nhìn trước. Hỏi và nhìn một lượt, hỏi không phải dùng miệng hỏi mà tâm hỏi, nhìn không phải dùng mắt nhìn mà dùng tâm nhìn. Hỏi không gián đoạn, nhìn vẫn không gián đoạn. Chỉ cần hỏi và nhìn, không biết tới việc khác; nếu biết không phải là nghi tình.

Ngày 14 – 5 đến 20 – 5 Đinh Sửu (97)

Lời khai thị:

Theo thật tế mà nói, Phật Giáo là giáo dục truyền dạy tâm pháp dẫn đến giác ngộ cuối cùng. Nhưng hiện nay nhiều người hiểu lầm cho là một tôn giáo mê tín.

Nói tôn giáo mê tín là do các chùa làm những việc mê tín, như đốt vàng bạc,... đó là hại cho người chết.

Giáo dục là bao gồm vũ trụ vạn vật, chẳng có vật nào thiếu sót gọi là vạn pháp duy tâm. Vì nguồn gốc vạn sự vạn vật là tâm.

Tại sao? Tại xuất phát từ tâm, cho nên Phật Thích Ca nói “tất cả do tâm tạo”. Nói tâm tạo cũng không có ai tin! Có người nói tâm tạo thì ông tạo một cục vàng ra đi? Nếu người đến sức độ cao hiện ra sức của tâm thì có thể tạo ra có liền, muốn tạo ra cục vàng có liền được.

Nhưng bây giờ mọi người có sức tâm rất yếu, nên kiếp trước tạo cho kiếp này, kiếp này tạo cho kiếp sau, thành nhân quả 3 đời. Vì sức yếu thì tạo chậm, tâm lực yếu chừng nào nên quả sẽ đến chậm chừng nấy. Nếu sức của tâm mạnh kiếp này tạo thì kiếp này có, sức của tâm mạnh hơn tạo ra có liền. Nói tóm lại đều là tâm tạo.

Vậy tâm là thế nào? Tâm là một danh từ ai cũng nói được, nhưng tâm là gì chẳng ai biết! Vì tâm không hình tướng số lượng.

Tổ 14 Thiền tông Ấn Độ dùng hư không vô sở hữu để thí dụ tâm, hư không vô sở hữu là không có hư không tức trống rỗng, nhưng nhờ trống rỗng dung nạp và ứng dụng tất cả.

Tại sao không nói hư không quảng đại vô biên dung nạp tất cả vật, mà nói hư không vô sở hữu dung nạp tất cả vật? Hư không vô sở hữu dung nạp tất cả vật, đó là thật tế. Bây giờ, mình thấy rõ ràng tất cả cây cối, nhà cửa, núi sông, đất đai,... đều phải ở trong vô sở hữu này; thật tế đang dung nạp và ứng dụng. Như tôi đang nói, các vị đang nghe, nhìn với nhau,... đều nhờ cái trống rỗng này.

Vô sở hữu là trống rỗng khắp không gian thời gian, nhưng con người ham sở hữu đều muốn sở hữu của mình, tiền là sở hữu của tôi, nhà là sở hữu của tôi, đất là sở hữu của tôi; nếu nhà chưa có quyền sở hữu thì đi làm giấy để có quyền sở hữu. Nhưng thật tế, sở hữu là chướng ngại dụng của tâm, vì ham sở hữu thành ra bị chướng ngại.

Có sở hữu thì phải kiến lập, nhưng Phật nói không thể kiến lập, gọi là vô thi. Nếu kiến lập thì có bắt đầu, vô thi là không có bắt đầu cũng là nghĩa vô sanh, không có sự sanh khởi; tại có sanh khởi thì phải có bắt đầu, vì thật tế không có sự sanh khởi.

Cho nên, người chứng quả ngộ pháp vô sanh, Tịnh Độ cũng nói “hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh”, Giáo môn gọi là “chứng vô sanh pháp nhẫn”. Thật tế không có sự sanh khởi, không có sự bắt đầu, tại trống rỗng vô sở hữu.

Vô sở hữu khắp không gian thời gian chẳng có gì chướng ngại. Nhưng thông minh của con người đem cái không chẳng chướng ngại, hạn chế thành cái không có chướng ngại. Phật pháp gọi là tánh không, tức cái không vô sở hữu.

Nếu hạn chế cái không của tách, tách bị bít hết là không còn trống rỗng thì tách này là tách chết không thể đựng nước. Có trống rỗng nên đựng nước được, nhưng bị hạn chế thì chỉ dùng trong tách. Cái không của bình thì hạn chế trong cái không của bình, cái không của chuông thì hạn chế trong cái không của chuông, cái không của nhà thì hạn chế trong cái không của nhà, giải ra muôn ngàn nghĩa không khác biệt rất hay rất có lý.

Nhưng cái không sẵn sàng vô sở hữu đang ứng dụng, cái nhà muốn dựng lên phải nhờ cái không vô sở hữu. Chưa có tách mà cái không cũng sẵn sàng. Sự thật cái không của tách, bình, nhà đâu có khác! Có khác là do con người kiến lập rồi thấy có khác, do có khác nên hạn chế làm chướng ngại dụng cái không vô sở hữu.

Phật Thích Ca, chư Bồ Tát chúng sanh đều có tâm bằng nhau, nhưng cái dụng thì khác. Tại sao? Vì mình có sở hữu rất nhiều, còn Phật không có sở hữu. Sức tâm mình tuy bằng Phật, nhưng chưa dùng được hết, vì bị hạn chế. Hạn chế bằng tách thì dụng bằng tách, hạn chế bằng bình thì dụng bằng bình,... thành ra mỗi người có dụng khác nhau.

Nhưng Phật tánh của chúng sanh đều bằng nhau, thần thông trí huệ không kém hơn Phật Thích Ca. Tại sao? Vì Phật tánh không thể giảm bớt. Nếu Phật tánh của mình kém hơn Phật Thích Ca thì giảm bớt, giảm bớt là pháp sanh diệt luân hồi. Nếu Phật tánh còn luân hồi thì thành Phật vô ích.

Ngài Long Thọ dùng hư không vô sở hữu để ví dụ cho tâm, tâm không hình thể số lượng. Do đó chẳng thể dùng bộ óc suy nghĩ tiếp xúc, nên chẳng dùng lời nói, văn tự để diễn tả. Phật pháp miễn cưỡng nói là tánh không.

Nhiều người cho cái không là tiêu cực là không có, dù nói không là để hiển bày dụng tâm; cho nên Phật pháp nói không là dùng. Như tách chẳng có cái không thì tách chết chẳng dùng được; bình, nhà cũng vậy.

Cái không là thể cũng là dùng, cái thể gọi là vô sở hữu; nhưng cái dùng cũng vô sở hữu thì mới dùng được, cho nên mình đang dùng. Như hư không vô sở hữu dung nạp tất cả vật. Tất cả vũ trụ vạn vật, mặt trăng, mặt trời, núi sông, đất đai, nhà cửa, cây cối,... đều phải nhờ vô sở hữu này dung nạp và ứng dụng. Cuộc sống hằng ngày, như ăn cơm mặc áo, nói năng, làm việc đều phải nhờ cái vô sở hữu này mới được hiển bày.

Chỉ tiếc rằng chúng ta ứng dụng hằng ngày mà chẳng tự biết, không có giờ nào phút nào mà không dùng. Dầu cho mình đi đến chân trời góc biển cũng đang dùng, bây giờ

ngồi đây cũng đang dùng, nhưng dùng mà chẳng tự biết. Nên Phật Thích Ca dạy pháp Thiền trực tiếp để mọi người đều được hiện toàn diện tâm mình.

Bây giờ các vị tham thiền là từ Phật Thích Ca truyền xuống cho Ma Ha Ca Diếp đến đời thứ 28 là Bồ Đề Đạt Ma rồi truyền qua Trung Quốc, làm sơ Tổ Trung Quốc, truyền cho Huệ Khả, Huệ Khả truyền cho Tăng Xán, Tăng Xán truyền cho Đạo Tín, Đạo Tín truyền cho Hoằng Nhẫn, Hoằng Nhẫn truyền cho Huệ Năng.

Huệ Năng là người không biết chữ, nhưng Phật pháp của ngài cao không ai bằng; dưới Huệ Năng chia làm 5 phái (Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn, Quy Ngưỡng), từ Tổ từ Tổ truyền đến ngày nay. Tôi cũng may mắn được truyền pháp môn Tổ Sư thiền này, nhưng tôi chưa kiến tánh, chỉ là học được đường lối thực hành. Tính từ sơ Tổ thì tôi là đời 89.

Phật Thích Ca dạy pháp thiền trực tiếp là Tổ Sư thiền. Tất cả thiền khác là pháp thiền gián tiếp, vì dùng cái biết để tu; tức là phải học rồi theo hiểu biết thực hành từ cấp mà lên. Thường thường có 52 cấp (Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa là 50 cấp, Đăng Giác Và Diệu Giác).

Phật Thích Ca dạy pháp môn thiền gián tiếp hay trực tiếp gặp nhau ở Đăng Giác. Tổ Sư thiền từ địa vị phạm phu ngộ là đến Đăng Giác, khỏi cần phải qua mấy chục cấp kia, cho nên gọi là pháp thiền trực tiếp.

Pháp thiền trực tiếp để mọi người đều được hiện toàn diện chính tâm mình. Tất cả thiền là hiện tâm mình, hiện được tâm mình là kiến tánh thành Phật. Dù nói thành Phật nhưng không có Phật để thành.

Chữ “Phật” tiếng Ấn Độ nghĩa là giác ngộ, giác ngộ là ở trong mờ mắt chiêm bao tỉnh dậy; như mình ở trong nhắm mắt chiêm bao tỉnh dậy tự chứng tỏ tất cả sự vật trong chiêm bao, người và thế giới chiêm bao đều chẳng thật.

Bát Nhã Tâm Kinh, các chùa đều tụng có 262 chữ, nói: “Vô vô minh diệt vô vô minh tận, vô lão tử diệt vô lão tử tận”, làm sao tin! Tôi cũng già rồi chết. Phật nói không có già chết làm sao tin được? Tin không nổi là đang chiêm bao. Nếu có Thiên Tri thức giải thích cũng không tin, đến lúc thức tỉnh thì tự chứng tỏ, nên gọi là chứng ngộ.

Nay nói sơ cách thực hành Tổ Sư thiền. Làm sao thực hành? Tham thoại đầu và khán thoại đầu. Tham là hỏi câu thoại, mục đích khởi một niệm không hiểu không biết, như hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” cảm thấy không biết. Khán là nhìn chỗ không biết, muốn xem chỗ không biết là gì; chỗ không biết thì không có chỗ, vì có chỗ là biết. Không có chỗ là không có mục tiêu để nhìn, nhìn mãi không thấy gì, vẫn còn không biết, Thiền tông gọi là nghi tình.

Người tham Tổ Sư thiền cần giữ cái không biết đó, sẽ đưa hành giả đến thoại đầu rồi kiến tánh thành Phật. Cho nên hành giả vừa hỏi vừa nhìn, hỏi với nhìn đi song song; không phải hỏi trước nhìn sau, không phải hỏi sau nhìn trước. Hỏi không gián đoạn, nhìn cũng không gián đoạn; khi nào gián đoạn thì vọng tưởng nổi lên.

Ban đầu tập thì vọng tưởng xen lộn hoài, nhưng chỗ không hiểu không biết thì không có chỗ, cho nên lúc mới tập rồi nói “tôi nhìn không được”, nói nhìn không được là đã nhìn được rồi. Tại sao? Nhìn rồi mới biết nhìn không được, nhìn không thấy gì hết là đúng. Nếu nhìn thấy cái gì thì không đúng, vì hư không trống rỗng vô sở hữu lấy gì để thấy!

Cho nên, Lục Tổ nói: “Xưa nay không một vật, nơi nào dính bụi trần?” Trống rỗng vô sở hữu làm sao thấy cái gì? Nếu thấy cái gì thì có sở hữu là sai. Tuy không thấy gì cứ

hỏi và nhìn, tại không thấy gì nên không biết, không biết cũng nhìn, nhìn chỗ không biết đó, sẽ đưa hành giả đến thoại đầu rồi kiến tánh.

Tất cả thiền khác phải cố gắng tập trung tinh thần, Tổ Sư thiền không cần tập trung tinh thần, cố gắng, chỉ cần miên mật một chút nghi tình kéo dài. Cho nên, chư Tổ nói: “Ít phí sức chừng nào tốt chừng nấy”, nếu cố gắng tập trung tinh thần là phí sức. Mình khỏi cần phí sức, chỉ là vừa hỏi vừa nhìn để giữ nghi tình.

Có người hỏi tham đến lúc nào được kiến tánh? Đó là tùy mình, bây giờ nói tham thoại đầu, nhưng chưa đến thoại đầu. Thoại là lời nói, đầu là đầu tiên lời nói; tức là chưa nổi niệm nào gọi là thoại đầu. Như muốn nói một lời nói thì phải khởi niệm rồi nói ra miệng; khi chưa khởi niệm muốn nói gọi là thoại đầu, có khởi niệm muốn nói, tuy chưa nói ra gọi là thoại vi.

Nhưng mình bắt đầu tham chưa đến thoại đầu, mục đích đến thoại đầu nên nói tham thoại đầu hay khán thoại đầu. Cách thoại đầu còn rất xa. Nếu công phu miên mật 24/24 thì đến thoại đầu. Bắt đầu tham được 1 phút trong 24 giờ, mỗi ngày nghi tình tăng 1 phút, một tháng tăng được 30 phút thì 12 tháng tăng được 6 giờ, bốn năm đến thoại đầu được kiến tánh.

Nếu mỗi ngày, nghi tình tăng $\frac{1}{2}$ phút thì 8 năm đến thoại đầu được kiến tánh, mỗi ngày tăng nghi tình $\frac{1}{4}$ phút thì 16 năm đến thoại đầu được kiến tánh. Kiến tánh là phải theo công phu tiến triển của mình, nhưng công phu của mình là giữ nghi tình là không hiểu không biết.

Tôi thường thí dụ cây viết, đầu trên là thoại đầu, đầu dưới là thoại vi, từ thoại vi đến thoại đầu là đường đi ý thức. Bắt đầu tham là lia thoại vi nhưng chưa đến thoại đầu, đang đi ở giữa đường. Ý thức có 2 mặt, mặt biết dùng để tu Như Lai thiền, mặt không biết tu Tổ Sư thiền, cuối cùng đều đến thoại đầu.

Dùng biết để tu là pháp thiền gián tiếp, dễ bị ngoại cảnh lôi kéo, vì thấy cái nào tốt thì ham thích, thấy cái nào xấu thì chê ghét; dùng không biết để tu thì tốt không biết tốt làm sao ham thích? Xấu không biết là xấu làm sao chê ghét? Cho nên không bị ngoại cảnh lôi kéo. Vì vậy pháp thiền này dễ tu hơn nhiều, mau đến thoại đầu. Nhưng dễ quá thành ra người ta không tin, lại tìm cái khó.

Hỏi: Cái này là cái gì?

Đáp: Hãy tự hỏi đi! Không những cái này không biết, mà tất cả các thứ khác cũng không biết. Đừng nói cái ở ngoài, sợi tóc của ông còn không biết, tế bào của ông cũng không biết; trong cơ thể của ông không biết, chứ nói ngoài cơ thể!

-Tại sao không biết?

Vì muốn có sở hữu, muốn có cái biết; cho cái biết là sở hữu của mình, vì ông có tư tưởng chấp thật, cái biết sai lầm cũng muốn biết. Chính thân thể của mình không biết, ông là Tăng sinh biết được cái gì?

-Con cũng không biết.

Tự mình học mà không biết, vậy còn hỏi ai? Nghi tình của Thiền tông là muốn tự hỏi, nếu hỏi Phật Thích Ca nói được đối với mình có ích gì! Huống là nói không được. Tại sao? Vì Phật rất sợ những người như ông vậy. Có tư tưởng chấp thật cứ đuổi theo lời nói, cho nên Phật nói: “49 năm thuyết pháp chưa từng nói một chữ”.

Kinh Kim Cang nói: “Ai nói Phật có thuyết pháp thì người ấy phi báng Phật”. Chính kinh Kim Cang của Phật thuyết, tại sao Phật nói như vậy! Lại nói: “Không có pháp để

thuyết mới là thuyết pháp”. Những môn phân học nhưng không chịu học, nếu Giáo sư hỏi mà ông trả lời “không biết” thì ông học cái gì?

Hỏi: Có nhân quả sao gọi là tánh không, tánh không thì sao có nhân quả?

Đáp: Tất cả do tâm tạo, nguồn gốc là tâm, nhân quả cũng là tâm. Tâm tạo không phải thật. Ý thức một mình tạo ra nhắm mắt chiêm bao, ý thức cùng 5 thức trước (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân) tạo ra mở mắt chiêm bao. Nhắm mắt chiêm bao và mở mắt chiêm bao đều chẳng thật, tất cả nhân quả ở thế gian đều là mở mắt chiêm bao.

Nếu kiến tánh là nhảy ra ngoài chiêm bao, không bị chiêm bao nữa; tức ở trong mở mắt chiêm bao thức tỉnh là ở ngoài chiêm bao thì không dính dáng nhân quả chiêm bao. Vì người hỏi có tư tưởng chấp thật, nên có câu hỏi này. Tánh không là vô sở hữu làm sao có cái này có cái kia?

Hỏi: Người ta sát sanh có nhân quả hay là tánh không?

Đáp: Nhân quả là ở trong chiêm bao, không nhảy ra ngoài chiêm bao thì phải chịu nhân quả trong chiêm bao. Nhiều người chấp tri của bộ óc, tánh không là vô duyên tri (không có nhân duyên đối đãi), cũng là trí Bát Nhã, Phật tánh, Tự tánh, Như Lai, Niết Bàn, vô trụ, vô thủ, vô sanh,... đủ thứ danh từ khác biệt, nhưng nghĩa không khác.

Những danh từ tùy dụng lập danh, người có tư tưởng chấp thật tranh cãi những danh từ, vì không hiểu nguồn gốc. Danh từ muôn ngàn sai biệt, nhưng muốn hiển bày thể dụng của tâm. Bây giờ dùng cái tri của bộ não, chứ không phải vô duyên tri.

Hỏi: Những cái biết không sử dụng được, thế nào biết không qua bộ óc?

Đáp: Không phải là không qua bộ óc! Không cho bộ óc làm chủ. Bây giờ là do bộ óc làm chủ, đến chừng kiến tánh cũng qua bộ óc, không những qua bộ óc, qua nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; nhưng các thứ này không làm chủ, chỉ làm nô lệ cho Phật tánh, Phật tánh làm chủ. Theo danh từ khoa học gọi là chủ quan.

Ở Canada có giáo sư dạy tâm lý học, chuyên về tâm lý thầy trò. Tôi hỏi Giáo sư giảng bài cho sinh viên nghe, phải dùng thái độ nào mới đúng? Ông ấy trả lời nhiều chi tiết. Tất cả bây giờ theo hệ thống khoa học, tâm lý học thế gian cũng có hệ thống khoa học. Khoa học là một bộ phận trong Phật pháp, Phật pháp không thuộc về khoa học.

Tất cả pháp thế gian đều phải theo hệ thống khoa học, để người ta học cho dễ; mà cứ ghi nhớ nhiều quá sao làm được? Tâm lý học chưa có danh từ đó, đã có nhưng chưa biết dùng. Giáo sư giảng bài cho sinh viên nghe phải dùng thái độ khách quan, không dùng thái độ chủ quan. Tại sao? Nếu dùng thái độ chủ quan thì đem ý mình xen vô trong bài để giảng cho sinh viên nghe thì có hại cho sinh viên, không phải nguyên ý của tác giả.

Đó là pháp thế gian, khách quan còn có chủ quan tương đối. Phật pháp không tương đối, nếu đem pháp thế gian so với pháp không tương đối của Phật pháp (vô trụ) thì còn rất xa. Khách quan của thế gian thì cao đối với vô trụ của Phật còn kém lắm. Như Lục Tổ nghe Ngũ Tổ giảng “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” được ngộ. Dùng tay để ví dụ vô sở trụ, nếu vô sở trụ là hoạt bát vạn năng, lấy cái gì cũng được.

Có sở trụ thì hoạt bát vạn năng bị đánh mất. Như trụ cây viết, mặt kiến,... đều không được. Cây viết, mặt kiến là pháp có, nhưng lại trụ nơi pháp không, tức trong tay không có gì cũng là chướng ngại, làm mất thể dụng bản tánh. Cho nên cái không này phải quét, vì cái không này do kiến lập, chứ chẳng phải cái không vô sở hữu.

Có người hỏi: “Tại sao không nói hư không quảng đại vô biên dung nạp tất cả vật, mà nói hư không vô sở hữu dung nạp tất cả vật?” Người hỏi đã kiến lập sở hữu hư không, có khái niệm hư không, nói hư không quảng đại thì không đúng. Nếu hư không vô sở hữu là chẳng có hư không thì lấy gì để quảng đại? Cái không có sở hữu và cái không vô sở hữu khác nhau. Cho nên, có quảng đại thì có hạn chế, không kiến lập nên không hạn chế.

Hỏi: Cúng tuần thất cho người thân xúc động khóc, vậy người chết có siêu thoát không?

Đáp: Siêu thoát hay không siêu thoát là tùy theo tâm của người chết, chứ không phải do con cháu cầu siêu. Nhưng sức cầu siêu (Trai Tăng) là nhờ tâm lực của chư Tăng hợp lại có thể ảnh hưởng đến tâm của người chết để sửa lại nghiệp.

Như Mục Kiền Liên chứng quả A La Hán có thần thông thấy mẹ đọa ngạ quỷ đang chịu khổ đói, ngài hóa ra bát cơm đem cho mẹ ăn, nhưng cơm vừa tới miệng lại hóa thành than lửa.

Nên ngài trở về hỏi Phật, Phật dạy sức của Mục Kiền Liên chưa đủ làm ảnh hưởng tâm người mẹ (Thanh Đề), phải nhờ 1250 vị Tỳ Kheo A La Hán có tâm lực mạnh ảnh hưởng, sửa lại nghiệp bà Thanh Đề thoát khỏi đọa ngạ quỷ sanh lên thiện đạo.

Thiện mạnh hơn ác một chút thì sanh lên thiện đạo, ác mạnh hơn thiện một chút thì sanh xuống ác đạo. Chỉ sửa lại một chút, nhưng chính người đó sửa mới được, người khác thay thế không được.

Người nào ăn người ấy no, con cháu có hiếu không thể ăn giùm cho cha mẹ; cha mẹ thương con cháu cũng không thể ăn giùm cho con cháu, tâm mình giống như vậy.

Hỏi: Cúng cho người chết có về hưởng không?

Đáp: Hưởng được là người đó có tu chưa đi đầu thai, có người đầu thai rồi cũng có thể về hưởng. Như Huỳnh Đình Kiên làm chức Thượng Thư ở nhà Đường (Bộ Trưởng bây giờ). Lúc ông 26 tuổi làm Huyện Trưởng, một hôm ăn sinh nhật rồi nghỉ trưa thấy chiêm bao, thấy một mình đi không có vệ binh theo, đến một làng nhỏ thôn quê gặp một bà già mời vào nhà ăn cơm, rồi xong đi về.

Thức dậy cảm thấy kỳ lạ giống như chuyện thật, rồi một mình đi không cho vệ binh biết, theo con đường đã thấy chiêm bao, đến nhà gặp bà già ấy, hỏi bà già hôm nay bà có làm việc gì không?

Bà già nói: Có, hôm nay là đám giỗ con gái tôi đã chết 26 năm. Con gái tôi tu tại nhà không lấy chồng, đến lúc chết không có bệnh, nó có một cái rương tự mình khóa lại cất chìa khóa, rồi nói với tôi “kiếp sau con lại mở cái rương này”.

Huỳnh Đình Kiên nghe đến chỗ này nhớ lại kiếp trước, biết mình là con gái của bà già. Ông hỏi: Bà biết chìa khóa ở đâu không?

Bà già nói: Không biết.

Huỳnh Đình Kiên nói: Tôi biết.

Ông đi lấy chìa khóa mở cái rương, trong rương chỉ có văn chương, không có gì khác; bài thi đậu tú tài, cử nhân thì giống bài thi đậu tú tài và cử nhân của ông. Bà già chỉ có một mình, nên ông đem bà già về nuôi đến chết.

Hỏi: Biết mình trong chiêm bao là như thế nào?

Đáp: Chưa kiến tánh còn ở trong chiêm bao, bị nhân quả chiêm bao trói buộc.

Hỏi: Người đã kiến tánh rồi luân hồi để độ sanh phải không?

Đáp: Không phải, lúc đó là sanh tử tự do, muốn trở lại độ sanh vẫn được, muốn không trở lại độ sanh cũng được, tự do không phải nhất định; nếu nhất định không phải tự do tự tại. Ngài Lai Quả kiến tánh rồi nói:

“Tôi muốn lên Thiên đường hay xuống địa ngục đều được và ngược lại”, chứ không có nhất định.

Hỏi: Chư Phật chư Bồ Tát có mặt mọi nơi để độ sanh phải không?

Đáp: Phải, các vị ấy không bao giờ ngưng độ sanh. Tâm của mình hoạt động cũng không bao giờ ngưng.

Hỏi: Thọ giới Bồ Tát xuất gia không giữ được thì thế nào?

Đáp: Thọ giới mà không giữ giới là phạm giới, nếu giữ không được thì xả giới; như thọ Bát Quan Trai mà không giữ được thì có thể xả. Truyền giới khó, xả giới dễ. Xả giới chỉ nói với một người “tôi muốn xả giới, xin chứng minh cho”, giống như sau này chưa thọ giới. Người thọ ngũ giới muốn xả giới nói với người thọ ngũ giới, người thọ Bồ Tát giới muốn xả giới nói với người thọ Bồ Tát giới. Cư sĩ không được truyền giới.

Sám hối không phải đến trước bàn thờ Phật sám hối, vì trước bàn thờ Phật không có ai chứng minh. Cho nên, sau này dễ phạm như cũ. Sám hối nói với người thọ giới đó, như người thọ ngũ giới sám hối với người có thọ ngũ giới, nói rằng: “Tôi có phạm giới đó, xin chứng minh, sau này tôi không tái phạm”. Nếu sau này mình phạm giới thì người đó biết, có giới thể mình không dám tái phạm. Cho nên, theo giới luật nhà Phật, sám hối phải có người chứng minh. Chân sám hối là sám hối tâm, vì tất cả do tâm tạo. Có bài kệ:

Tội từ tâm khởi lấy tâm sám,
Tâm nếu diệt rồi tội liền tiêu.
Tội tiêu tâm diệt thảy đều không,
Ấy mới thật là chân sám hối.

Tất cả xuất phát từ tâm, nên sám hối nơi tâm; tâm diệt rồi các tội nương tựa vào đâu?

Hỏi: Thế nào phướn động, gió động và tâm của các ông động?

Đáp: Khi Lục Tổ đến chùa Pháp Tánh thấy 2 vị Tăng tranh cãi với nhau, một người nói gió động, một người nói phướn động, Lục Tổ nói “chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động, là tâm của các ông động”.

Tại sao? Vì tất cả duy tâm tạo, nói theo khoa học là năng lượng của tâm. Tâm động thì gió động, tâm động mới có phướn động. Nếu không có tâm thì không có gió động, không có phướn động.

Lúc đó Lục Tổ đã kiến tánh chưa xuất gia, gặp Pháp sư Ấn Tông giảng kinh Niết Bàn, nghe người ta kể lại Lục Tổ không phải người thường, rồi hỏi Lục Tổ: Y bát của Ngũ Tổ đã truyền cho người đắc pháp đi xuống miền nam, có phải là hành giả không?

Lục Tổ nói: Phải.

Ấn Tông nói: Xin đem y bát cho đại chúng xem.

Ngài đem y bát ra cho đại chúng xem, biết ngài là Lục Tổ, mọi người đều đánh lễ. Ấn Tông xuống tóc cho Lục Tổ, rồi xin Lục Tổ làm thầy, thỉnh Lục Tổ thăng tòa thuyết pháp.

Tâm hoạt động từ vô thi cho đến nay, luôn luôn khắp không gian thời gian. Tất cả vật chất do nguyên tử tổ chức thành, ở giữa mỗi hạt nguyên tử có một trung tử, chu vi trung tử có nhiều điện tử, ngày đêm xoay hoài không bao giờ ngưng, không có sự bắt đầu và cuối cùng.

Như cái bàn do nhiều nguyên tử tổ chức thành, điện tử xoay tốc độ quá nhanh người ta khó tưởng tượng. Tốc độ đó bằng 1/3 hay 1/2 tốc độ ánh sáng. Tốc độ ánh sáng 300.000 km/ giây, nếu 1/2 thì 150.000 km/ giây; bây giờ xe hơi chạy 100 km giờ thấy rất nhanh.

Chiếc xe hơi chạy phải có xăng, hạt nguyên tử ngày đêm xoay hoài, vậy năng lượng từ đâu? Nếu đem cái bàn chặt tan nát những hạt nguyên tử vẫn xoay không ngưng. Đó là năng lượng từ tâm, nhưng nhà khoa học không biết, không tin. Phật nói: “Tất cả do tâm tạo”, Lục Tổ nói rõ hơn. Tâm động nên gió động, tâm động phước mới động, tâm động thì điện tử xoay.

Hỏi: Giảm đi hương còn 20 phút được không?

Đáp: Đi và ngồi là để điều thân, tức là ngồi đến tê chân rồi đi, đi tới mỏi chân lại ngồi; đi với ngồi bằng nhau bắt đầu từ Phật Thích Ca đến bây giờ. Các phái thiền các nước Tiểu thừa, như Thái Lan, Miến Điện, Tích Lan,... hình thức cũng y như vậy.

Thiền Đường Trung Quốc khi tham thiền đốt một cây nhang để đi, hết cây nhang đi rồi đốt cây khác để ngồi, vì thời xưa không có đồng hồ. Đốt nhang nên gọi là tọa hương, đi hương và các việc khác cũng dùng thêm chữ hương để gọi.

Năm 1974, tôi đi Thái Lan thấy trung tâm thiền cách Bangkok hơn 100km, có Thiền sư Miến Điện dạy thiền Tiểu thừa, họ đi và ngồi đều bằng nhau, giống như thời Phật Thích Ca, ở trong đó có người Hoa, người Việt học thiền.

Ngồi vẫn tham thiền, đi cũng tham thiền; pháp môn khác đều như vậy. Theo người thường ham ngồi, không thích đi, ngồi lâu lại chịu. Pháp thiền khác cho ngồi lâu chừng nào là cao chừng nấy.

Nhiều người chỉ ngồi không đi; ban đầu có đủ thứ bệnh cũng hết, đến khi quá lâu thành bệnh không bao giờ trị được. Đi đến Nhật Bản hay tới Mỹ, bác sĩ khám nói không có bệnh, nhưng tự mình biết bệnh rất nặng.

Ngày xưa, người có bệnh lao rất khó trị, khi tôi qua Mỹ thấy những người bệnh lao đi bộ nhiều, qua một thời gian hết bệnh. Tôi không biết tại sao? Cho là đi bộ nhiều hết bệnh.

Bác sĩ phát hiện dưới bàn chân có nhiều huyết, có bệnh gì xoa bóp dưới bàn chân thì mau hết bệnh. Người xưa không có giày dép, đi chân không là tự nhiên xoa bóp nên ít bệnh sống lâu.

Ban đầu, đã Thiền thất tại chùa Từ Ân, tôi cho đi 20 phút ngồi 40 phút. Vì tánh con người ham ngồi không thích đi, ban đầu tôi phương tiện cho ngồi đi như vậy. Sau này, người tham thiền có đủ lòng tin, nên tôi sửa lại ngồi 30 phút, đi 30 phút.

Hiện nay, Thiền Đường Từ Ân ở Mỹ, tôi tùy thuận người đến tham thiền, nên cho đi 20 phút và ngồi 30 phút. Nhưng ở đây thì khác, vì vậy tôi cho thực hành đi ngồi bằng nhau.

Hỏi: Câu thoại đầu “Trước khi cha mẹ chưa sanh mặt mũi bỗn lai của ta ra sao?” Mặt mũi ở đây là gì? Người sanh ra đã đầu thai nhiều kiếp, vì nghiệp lực có khi đầu thai heo, khỉ, gà, vịt,... Vậy mặt mũi đầu thai rõ ràng làm sao tham được?

Đáp: Người hỏi không biết tham thiền, hỏi câu thoại là kích thích lên niệm không hiểu không biết. Chuyện này tôi đã nhắc đi nhắc lại hơn 100 lần. Theo câu hỏi là muốn giải thích câu thoại, ấy là sai lầm; tức là tham thiền không thể được. Mục đích là muốn ngưng tìm hiểu biết, ghi nhớ biết và suy nghĩ biết.

Khi cha mẹ chưa sanh, mặt mũi bỗng lai của ta ra sao? “Mặt mũi bỗng lai” là không phải cha mẹ sanh. Hỏi câu thoại là khởi lên niệm không hiểu không biết, nhìn chỗ không biết, để chấm dứt tìm hiểu, suy nghĩ, ghi nhớ chỉ còn nghi tình; giờ phút cuối cùng nghi tình tan rã, biết và không biết của bộ óc sạch hết thì biết tự tánh hiện lên khắp không gian thời gian.

Khắp không gian thì không có chỗ nào không biết, khắp thời gian thì không có lúc nào không biết. Như nói về thời gian, ngủ mê không biết, chết giấc không biết, chết rồi không biết; còn cái biết bản lai diện mục, ngủ mê, chết giấc, chết rồi đều biết, vì cùng khắp thời gian.

Hỏi: Có người quy y rồi, họ tham Tổ Sư thiền muốn quy y lại. Vậy như thế nào?

Đáp: Quy y Tam Bảo là đệ tử của Tam Bảo, đâu cần quy y lại! Chưa quy y thì cần quy y làm đệ tử Tam Bảo. Quy y là quy y Tam Bảo, chứ không phải quy y riêng thầy nào; vị thầy ấy chỉ đại diện Tam Bảo chứng minh người này quy Tam Bảo làm đệ tử của Tam Bảo.

Tam Bảo gồm có: Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo.

Tăng Bảo là tiếng Ấn Độ, gọi là Tăng Già, dịch nghĩa là hòa hợp chúng. Theo giới luật nhà Phật quy định 4 vị sắp lên gọi là Tăng, 3 vị cũng chưa đủ thành Tăng. Nam nữ hòa hợp lại cũng thành Tăng, Tỳ Kheo đứng đầu trong 7 chúng (Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Sa Di, Thức Xoa, Sa Di Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di).

Hỏi: Tại sao ăn chay cử hành, họ, tôi, nén, hưng cừ. Hiện nay tôi có nhiều đặc tính trị bệnh. Vậy nên cử hay không?

Đáp: Phật dạy người tu hành không được ăn ngũ tân (hành, họ, tỏi, nén, hưng cừ). Kinh Lăng Nghiêm nói: “Ăn ngũ tân sống kích thích dâm dục, ăn chín kích thích sân hận”, vậy không thích hợp cho người tu. Theo giới sát sanh thì 5 thứ này không phạm, mà chướng ngại việc tu. Người thế gian không tu nên không cấm.

Hỏi: Tu rồi kiến tánh, có chỗ nói kiến tánh rồi khởi tu. Vậy như thế nào?

Đáp: Nói kiến tánh rồi khởi tu, nhưng bây giờ hiếm người kiến tánh làm gì có người để tu? Vì người ta chưa hiểu được chữ “tu”, tu là sửa; như ác sửa thành thiện, tật xấu sửa lại tốt. Không phải ngộ rồi mới tu! Ngộ rồi tu là bảo nhậm để dứt tập khí, như chưa kiến tánh là tu để dứt tập khí thế gian, kiến tánh là dứt tập khí xuất thế gian. Sửa lại tập khí phiền não gọi là tu, tâm linh mình có sửa đổi cũng gọi là tu.

Hỏi: Kiến tánh là do mình thấy hay do người nào chỉ cho mình thấy?

Đáp: Nếu nhờ người ta cho mình thấy thì Phật Thích Ca dạy mọi người kiến tánh hết rồi, đâu còn chúng sanh nữa! Kinh A Di Đà nói: “Hằng hà sa số chư Phật” thì bây giờ chúng sanh kiến tánh hết. Vì người khác làm thế cho mình mà! Người khác không thay thế được, nên chư Phật chư Tổ dạy mình tu hành để kiến tánh.

Nói cũng không được làm sao thay thế! Như cha mẹ thương con cháu không ăn no giùm cho con cháu, con cháu hiếu thảo không thể ăn no giùm cho cha mẹ. Người nào ăn người ấy no, chứ không thể ăn thế được; kiến tánh cũng vậy.

Hỏi: Tu là diệt trừ tam độc, làm sao diệt trừ?

Đáp: Kinh Đại thừa liễu nghĩa nói “tham, sân, si là giải thoát”. Vì có nhân mới có quả, nhân quả là tương đối; tự tánh bất nhị không tương đối, không đối đãi. Chưa đạt đến bất nhị còn ở trong tương đối, phải có tham, sân, si đến giải thoát. Vì tham, sân, si là nhân, nên Lục Tổ nói: “Thiền định giải thoát chẳng phải Phật pháp, Phật pháp là pháp bất nhị”.

Tại sao? Nếu có thiền định phải có tán loạn, có tán loạn phải có thiền định; có giải thoát phải có trói buộc, có trói buộc rồi có giải thoát. Trói buộc là tham, sân, si. Không có tham, sân, si thì không có giải thoát; tức là không có nhân để giải thoát. Nên nói “tham, sân, si là giải thoát”.

-Có cần trừ không?

Khỏi cần trừ! Chỉ cần thấu được tham, sân, si vốn là giải thoát.

Có một Kỹ Sư đến nói với tôi: Sao Tôi có nghiệp chướng nặng và phiền não nhiều, thầy có cách nào trừ nghiệp chướng phiền não không?

Tôi hỏi: Ông nói nghiệp chướng phiền não của ông phải không?

Kỹ Sư đáp: Phải.

Tôi hỏi: Tiền trong túi ông, vậy ông biết tiền từ đâu mà có! Như nghiệp chướng phiền não của ông từ đâu có? Ông suy nghĩ một hồi trả lời không ra. Ông trả lời không được, tôi trả lời cho ông: Nghiệp chướng phiền não của ông là từ tâm suy nghĩ của ông mà ra, tâm của ông là năng suy nghĩ, nghiệp chướng phiền não là sở suy nghĩ. Vì có tâm năng suy nghĩ nên có nghiệp chướng phiền não.

Nếu tâm không suy nghĩ thì nghiệp chướng làm sao có! Tâm là một danh từ ai cũng nói được, nhưng tâm là cái gì chẳng ai biết. Ông Kỹ Sư không biết tâm là cái gì, thành ra chưa rõ được. vì tâm không hình tướng số lượng khó diễn tả, nên dùng hình tướng để diễn tả.

Hai chân là của ông năng đi, con đường có gai góc cứt sinh là sở đi của 2 chân; con đường gai góc cứt sinh dụ cho nghiệp chướng phiền não của ông, nhưng sự thật không phải. Tại 2 chân của ông ham giẫm lên con đường đó mới bị dính cứt sinh, rồi hỏi tôi làm sao để rửa cứt sinh? Đâu cần, có thói cách mấy mặc kệ nó! Chỉ cần giữ 2 chân của ông đừng giẫm lên con đường đó, thì không bị dính cứt sinh, cũng không cần phải rửa sạch cứt sinh. Đó là ở ngoài 2 chân của ông, không phải của ông.

Tâm của ông đừng suy nghĩ làm sao có nghiệp chướng phiền não? Tại ông cứ suy nghĩ hoài thì có sanh ra nghiệp chướng phiền não, giống như 2 chân giẫm lên gai góc cứt sinh mới bị dính.

Hỏi: Con mua cá thật nấu cho gia đình ăn, vậy có nhân quả không?

Đáp: Nếu mình cấp dưới nghe lệnh cấp trên làm theo mà không có ý đó thì không tội, tức là không có nhân nên không có quả. Người ra lệnh mình làm phải chịu quả, nếu mình thích ăn thứ đó là có nhân quả.

Hỏi: Con đi xuất gia nhưng gia đình con không cho, vậy con có lỗi không?

Đáp: Phật Thích Ca trước kia trốn hoàng cung đi xuất gia, sau này thành Phật. Nếu xuất gia phải chân thật tu, nếu không chân thật tu sẽ mang nợ Thích Chủ. Có bài kệ:

Hạt gạo của Thích Chủ,
Lớn bằng núi Tu Di.
Nếu không tu giải thoát,
Mang lông đội sừng trả.

Cho nên, nhiều người muốn xuất gia, tôi khuyên đừng xuất gia, tại gia cũng tu được vậy, nhất là người nữ.

-Con ở nhà khó tu lắm!

Nếu tu Tổ Sư thiền không phải khó, chỗ nào cũng tu được. Cấp trên ra lệnh mình làm, vừa làm vừa hỏi và nhìn song song. Cách tu này dùng không biết để tu, rất dễ! Dùng cái biết của Như Lai thiền để tu khó hơn. Tại biết tốt thì ham, biết xấu thì chê. Không biết tốt làm sao ham? Không biết xấu làm sao chê? Cho nên, khó bị ngoại cảnh lôi kéo.

Hỏi: Xin thỉnh khai thị: Chánh pháp nhãn tạng, Niết Bàn diệu tâm?

Đáp: Tâm của mình không có hình tướng số lượng, nên gọi là thật tướng (diệu tâm). Diệu là bất khả tư nghì, tâm suy nghĩ không thể đến được, cho nên nói là diệu tâm. Ngài Long Thọ dùng hư không vô sở hữu thí dụ diệu tâm. Tánh con người ham lập sở hữu, như nhà, tiền, đất, ... là sở hữu của tôi.

Như mình có căn nhà chưa có quyền sở hữu, phải lo giấy tờ để có quyền sở hữu. Chính sở hữu chứng ngại dụng của diệu tâm, diệu tâm là vô sở hữu; vô sở hữu là trống rỗng tức tánh không thì dung nạp và ứng dụng. Ngài Long Thọ nói: “Hư không vô sở hữu dung nạp và ứng dụng tất cả vật”.

Tánh con người ham sở hữu, nói vô sở hữu không chịu. Cho nên có câu hỏi: Tại sao ngài không nói hư không quảng đại vô biên dung nạp tất cả vật, mà nói hư không vô sở hữu dung nạp tất cả vật?

Nếu hư không vô sở hữu thì không có hư không lấy gì để dung nạp? Ngài nói: “Vô sở hữu mới dung nạp”. Trước mắt mình thấy rõ ràng, núi sông đất đai, cây cối nhà cửa, ... đều phải ở trong vô sở hữu. Nói hư không quảng đại là kiến lập hư không, tức đã có hư không rồi nói hư không quảng đại.

Nếu không có hư không thì lấy cái gì quảng đại? Tánh con người ham kiến lập, luôn hư không cũng kiến lập thành có khái niệm của hư không. Kỳ thật, hư không là vô sở hữu, không có cái gì để nói quảng đại! Vì vô tướng gọi là thật tướng, còn có tướng không phải thật.

Hỏi: Phản văn văn tự tánh và tham thoại đầu như thế nào?

Đáp: Tổ Sư thiền là muốn hiện toàn diện tự tánh, tự tánh là bất nhị không có nhân duyên đối đãi. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Phản văn văn tự tánh”, là không nghe động, cũng không nghe tịnh; động tịnh là pháp sanh diệt, tự tánh là pháp bất sanh bất diệt. Có âm thanh gọi là động, không có âm thanh gọi là tịnh; động tịnh đều không nghe, nên trở về (phản) nghe tự tánh.

Chiếu cố thoại đầu, chiếu là chiếu soi, cố là nhìn; tôi dạy hỏi và nhìn, nhìn chỗ không biết, vì không có tướng nên không có đối đãi là tự tánh bất nhị. Phản văn văn tự tánh là nhìn chỗ không biết.

Chiếu cố là dùng tánh thấy, phản văn là dùng tánh nghe cũng là một thứ. Xác thân này chết, thiêu thành tro, chôn thành đất; còn tánh thấy, tánh nghe, tánh nghĩ, tánh biết, ... tồn tại vĩnh viễn, không chết mất; Phật có chứng tỏ trong kinh Lăng Nghiêm.

Ai cũng cho kẻ thấy là con mắt, nhưng Phật chứng tỏ không phải sự thấy là con mắt. Vậy Phật làm sao chứng tỏ? Mỗi cuốn kinh đều có vị đại diện đương cơ cả triệu người nghe để hỏi Phật. A Nan là đại diện đương cơ.

Phật dùng tay thí dụ: Ta có cái tay để làm nắm tay, người có con mắt thì thấy được. Như lai, vậy hai việc này có giống nhau không?

A Nan đáp: Giống nhau.

Phật nói: Không giống. Tại sao? Ta có cánh tay mới làm ra nắm tay được. Nếu không có cánh tay thì nắm tay làm sao có? Người không có con mắt vẫn còn thấy được.

A Nan nói: Người không có con mắt làm sao thấy?

Phật bảo: Người đi hỏi người không có con mắt, trước mắt có thấy gì không? Người ấy sẽ trả lời: Trước mắt sẽ thấy đen tối.

A Nan nói: Thấy trước mắt đen tối, sao gọi là thấy?

Phật giải thích “thấy đen tối vẫn là thấy” thì thí dụ thêm. Một người không có con mắt ở trong phòng đen tối không có ánh sáng gì cả, có phải thấy trước mắt đen tối không?

A Nan đáp: Phải, thấy đen tối.

Phật nói: Vậy người có con mắt thấy trước mắt đen tối và người không có con mắt thấy trước mắt đen tối, hai thứ đen tối này có khác nhau không?

A Nan đáp: Không khác.

Phật hỏi tiếp: Vậy người không có con mắt, thỉnh linh được con mắt sáng thấy đồ vật sắc tướng trước mắt, phải là con mắt thấy không?

A Nan đáp: Phải, con mắt thấy.

Phật hỏi tiếp: Người có con mắt ở trong phòng đen tối, thỉnh linh đèn lên thấy rõ đồ vật sắc tướng trước mắt, có phải đèn thấy không?

A Nan không trả lời được. Cây đèn là hiện hiện sắc tướng để chiếu soi như lục căn vậy. Năm thức trước (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân) chỉ tác dụng như cây đèn, chứ không phải kẻ thấy, kẻ thấy là tánh thấy. Thấy là nhãn thức mà không phải nhãn căn, nhãn căn chỉ là chiếu soi như cây đèn.

Sáng với tối là hai pháp sanh diệt, lúc sáng thì không thấy tối, lúc tối thì không thấy sáng. Nếu thấy tối là không thấy thì thấy sáng cũng là không thấy. Vì lúc sáng thì không thấy tối cho là không thấy, lúc tối thì không thấy sáng cũng cho là không thấy. Nói thấy thì hai cái đều thấy, thấy sáng cũng là thấy, thấy tối cũng là thấy. Tại sao thấy tối mà nói là không thấy? Còn thấy sáng cho là thấy! Đó là mâu thuẫn.

Do thí dụ của Phật nên mình biết: Cái thấy không phải con mắt, mà cái thấy là tánh thấy. Con mắt là tác dụng như cây đèn để chiếu soi. Căn là vật chất thì chết mất, thức là thể tinh thần không chết mất. Tại sao? Vì nó không lay động nên không biến đổi.

-Tiếp theo vua Ba Tư Nặc hỏi Phật: “Ngoại đạo nói khi thân này chết thì tất cả đều biến mất” phải không?

Phật nói: Không phải, cái nào có lay động thì biến đổi chết mất. Cái nào không lay động không biến đổi không chết mất, tồn tại vĩnh viễn.

Phật hỏi vua Ba Tư Nặc: Vua biết mình có cái không chết mất không?

Vua đáp: Không biết.

Phật nói: Để cho ta nói cho vua biết.

Phật dùng tay để đối đáp với A Nan, Tay Phật nắm buông rồi hỏi A Nan: Người có thấy tay ta nắm buông không?

A Nan đáp: Thấy tay Phật nắm buông.

Phật nói: Thấy tay ta nắm buông hay tánh thấy của ngươi nắm buông?

A Nan nói: Tay của Phật nắm buông, còn tánh thấy của con đâu có lay động mà nói nắm buông!

Tay của Phật nắm buông, sau khi chết thiêu thành tro, chôn thành đất. Tánh thấy không lay động làm sao chết mất được? Vì không lay động thì không biến đổi, không biến đổi thì không chết mất. Tại vì con mất lay động thì chết mất. Tánh thấy không lay động thì không chết mất, tồn tại vĩnh viễn.

Như vậy, Phật còn chưa thỏa mãn, cái lay động là thân của Phật, còn tánh thấy không lay động là thân của A Nan, hai thân khác nhau. Phật muốn trong một thân có cái lay động và có cái không lay động. Phật phóng hào quang bên vai mặt của A Nan, A Nan ngó qua vai mặt. Phật phóng hào quang vai trái của A Nan, A Nan ngó qua vai trái.

Phật hỏi A Nan: Tại sao cái đầu ngươi ngó qua ngó lại làm cho đầu ngươi lay động vậy?

A Nan đáp: Đầu của con lay động, còn tánh thấy của con tịnh còn không có làm sao có động?

Cho nên, cái đầu lay động thì sau này sẽ chết mất, thiêu thành tro, chôn thành đất. Còn tánh thấy không lay động, không biến đổi thì làm sao chết mất được? Không những tánh thấy không chết mất, mà tánh nghe, tánh ngửi, tánh nếm, tánh xúc và tánh biết đều tồn tại vĩnh viễn, không chết mất.

Hỏi: Con xem sách thấy Thiền sư thường đánh thức tánh thấy tánh nghe, để người nhận rồi tu; không biết các vị dụng công thế nào để kiến tánh, Tổ không dạy tham thoại đầu?

Đáp: Ông thấy Tổ nào?

-Một người hỏi Tổ Vân Môn: Bạch Hòa thượng! Mười phương chư Phật chỉ một con đường vào cửa Niết Bàn, vậy đầu đường chỗ nào? Tổ Vân Môn cầm cây quạt phát lên. Có phải đánh thức tánh thấy của người đó không?

-Không phải! Lời nói hay cử chỉ của chư Tổ là muốn hành giả ngộ liền; nếu không ngộ thì không hiểu nên phát nghi, giữ nghi tình sau này sẽ ngộ. Không phải như ông tìm hiểu giải thích! Dùng nghi tình automatic chấm dứt tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết. Tất cả biết chấm dứt còn lại không hiểu không biết, sát na cuối cùng lia khỏi ý thức thì không biết cũng tan rã; biết và không biết sạch hết, biết của Bát Nhã toàn diện hiện lên khắp không gian thời gian.

Hỏi: Pháp môn Tịnh Độ là gì?

Đáp: Tịnh độ có 3 cuốn kinh: Kinh A Di Đà (tiểu và đại), Vô Lượng Thọ Phật Và Quán Vô Lượng Thọ.

Kinh đại A Di Đà nói: “Vãng sanh Cực Lạc nhờ Phật A Di Đà dạy tham thiền là từ nghi đến ngộ”. Bất cứ pháp môn nào của Phật dạy cũng từ nghi đến ngộ, không phải chỉ pháp môn Tổ Sư thiền. Các pháp môn của Phật đều lấy thiền làm căn bản, nhưng có một số người tu Tịnh Độ không nhìn nhận mình là thiền, lại bài xích thiền.

Tịnh Độ có 3 thứ:

-Thật tướng niệm Phật là thiền, giống như Tổ Sư thiền.

-Quán tưởng niệm Phật là trong kinh Quán Vô Lượng Thọ có 16 pháp thiền quán là

thiền đặc biệt của Tịnh Độ.

-Tri danh niệm Phật, niệm Phật đến nhất tâm bất loạn cũng là thiền.

Hỏi: Người tu đạo Thiên Chúa, chết về bên Chúa; người tu Tịnh Độ, chết vắng sinh Tây Phương; hành giả tham thiền, chết về đâu?

Đáp: Vì ông chưa tin tự tâm, nên không biết tự tâm không sanh không diệt; kiến tánh rồi biết không sanh tử, làm sao có đi về đâu? Bản tâm khắp không gian không có khứ lai nên gọi là Như Lai, vậy không có đi về đâu! Nếu có đi về đâu thì không cùng khắp không gian, không được gọi là Như Lai. Cùng khắp không gian nên trên mặt trăng mặt trời đều biết, không có chỗ nào không biết. Có một chỗ đi về đâu thì biết, còn mấy chỗ kia không biết.

Khắp thời gian là không gián đoạn, gọi là Niết Bàn. Người tu theo đạo Thiên Chúa tuy sanh lên cõi trời, nhưng ngủ mê, chết giấc, chết rồi họ không biết. Kiến tánh ngủ mê, chết giấc, chết rồi đều biết; tại kiến tánh biết không có sự chết, sự chết là cảm giác sai lầm. Như thân mình xoay thấy căn nhà xoay là do cảm giác sai lầm.

Hỏi: Khi ngồi tham thiền thấy cảnh trước mắt chuyển động, vậy tâm xoay hay cảnh xoay?

Đáp: Do tâm xoay, vì tất cả đều tâm tạo; năng lượng xuất phát từ tâm. Tất cả vật chất là do các hạt nguyên tử tổ chức thành, như cái bàn được tổ chức nhiều hạt nguyên tử mà thành; mỗi hạt nguyên tử ở chính có trung tử, chu vi có nhiều điện tử đang xoay ngày đêm không bao giờ ngưng. Nhà khoa học biết tốc độ xoay bằng $\frac{1}{2}$ cho đến $\frac{1}{3}$ tốc độ ánh sáng, tốc độ ánh sáng mỗi giây 300.000 km; nếu $\frac{1}{2}$ thì 150.000 km.

Chiếc xe hơi chạy 100 km giờ thấy rất nhanh, nhưng phải dùng xăng đốt cho nóng có năng lượng rồi chạy. Điện tử xoay ngày đêm nhanh, vậy năng lượng từ đâu có? Phật đã nói năng lượng phát xuất từ tâm. Cho nên nói: “Vạn pháp duy tâm”.

Hỏi: Phật nói nhỏ gốc rễ là sao?

Đáp: Phật nói nhỏ gốc rễ là gốc rễ sanh tử, tức đoạn dứt gốc nghi là đoạn dứt gốc sanh tử. Người ta nghe tôi nói đoạn dứt mạng căn lấy làm sợ, vì họ ham thích sanh mạng. Gốc rễ là gốc sanh mạng, nhỏ được gốc sanh mạng thì thoát khỏi sanh tử luân hồi; tức ra ngoài chiêm bao mở mắt.

Hỏi: Tham Tổ Sư thiền đến giai đoạn quên hết tất cả cảnh vật bên ngoài, vậy làm sao hòa hợp với chúng và biết đường về?

Đáp: Bản tâm khắp không gian thời gian, khắp thời gian thì làm việc không ngưng. Lúc hoàn toàn không biết là không biết bộ óc, chứ không phải là không biết của Phật tánh (bản tâm). Cho nên bản tâm làm việc bình thường, không có nguy hiểm. Như đang tham thiền chạy xe máy, lúc ấy không biết nhưng giữa đường có cục đá, vẫn tránh được mà người ấy không biết.

Hỏi: Thế nào là công án?

Đáp: Mục đích công án kích thích một niệm không hiểu không biết, giống như thoại đầu. Công án phức tạp hơn thoại đầu là chuyện tích dài hơn câu thoại, câu thoại thì đơn giản.

Như công án chữ “vô” của Triệu Châu:

Tăng hỏi Triệu Châu: Con chó có Phật tánh không?

Triệu Châu đáp: Có.

Tăng khác hỏi: Con chó có Phật tánh không?

Triệu Châu đáp: Không.

Tại sao Triệu Châu đáp vậy, có người đáp có, có người đáp không? Chúng sanh đều có Phật tánh, con chó là chúng sanh sao không có Phật tánh? Công án đó là tham ý của Triệu Châu, vì Triệu Châu là Tổ kiến tánh danh tiếng, sao Tổ trả lời cho người ta như vậy? Không hiểu ý Triệu Châu thế nào? Không hiểu ấy là nghi tình.

Hỏi: *Tham thiền có chọn giờ, ngồi hướng đông hay hướng tây phải không?*

Đáp: Đó là không phải Tổ Sư thiền, mà thiền khác. Tổ Sư thiền luôn cả ngồi cũng không cần, như ngồi trên ghế hoặc đi kinh hành; nấu cơm giặt đồ đều tham được, chứ không cần phải ngồi; ngồi đã không cần, vậy sao có hướng nào!

Hỏi: *Lúc trước, con chưa tin tự tâm 100%, nhận được vô duyên tri tự nhiên tâm mãnh liệt, không biết sợ, sẵn sàng vào chỗ không biết để hành thâm. Phát hiện chỗ chết rồi sống lại, nếu không chết thì không thể sống; con nhảy vào chỗ chết hành ngay, không phải không tham, nhưng không có câu thoại, rất miên mật. Vậy chỗ ấy là chân tham phải không?*

Đáp: Theo ông kể thì chưa phải, chết đi sống lại là giờ phút cuối cùng lia ý thức thì kiến tánh. Thiên tông gọi là “tuyệt hậu tái tổ”. Biết và không biết của bộ óc sạch hết gọi là chết, khi sống lại không phải cái biết đó, là cái biết của vô duyên tri.

-*Vừa trình ra là qua ngôn ngữ khó diễn tả, lúc hành thâm không phải như trình ra; tức là không có biết bộ não, còn cái không biết?*

-Nếu đi tới cảnh giới đó sẽ kiến tánh.

-*Được như vậy không có kéo dài?*

-Nếu không kéo dài thì không phải thoại đầu, đến thoại đầu rồi muốn nổi lên một niệm khác cũng không được.

-*Con trình chỗ đó để nỗ lực công phu kéo dài tới thành công?*

-Đến chỗ đó không cần cố gắng, kéo dài; vì chỗ này tự động. Nếu chưa đến chỗ đó cũng không cần cố gắng, tập trung tinh thần; tức ít phí sức chừng nào tốt chừng nấy.

Ví dụ cây viết là ý thức, đầu trên là thoại đầu, đầu dưới là thoại vi. Bắt đầu tham là lia khỏi thoại vi, nhưng chưa đến thoại đầu; từ thoại vi đến thoại đầu là đường đi ý thức, ý thức là nhất niệm vô minh từ niệm này qua niệm kia. Dùng ý thức để tham đến thoại đầu gọi là vô thi vô minh.

Ý thức gồm có 2 mặt: Dùng mặt biết để tu là Như Lai thiền, dùng không biết để tu là Tổ Sư thiền. Khi tham đến thoại đầu thì câu thoại tự mất, chỉ còn nghi tình, cái biết không thể nổi lên. Gần tới thoại đầu thì cái biết cũng có thể nổi lên. Vô thi vô minh là hang ổ của nhất niệm vô minh, nhất niệm vô minh từ chỗ đó nổi lên.

Vô thi vô minh (thoại đầu, nguồn gốc ý thức, đầu sào trăm thước) chưa lia ý thức. Ngài Lai Quả diễn tả chỗ này sát na lia ý thức là lọt vào hư không té xuống chết, chết rồi sống lại có 2 thứ: Tiểu tử tiểu hoạt và đại tử đại hoạt.

Tiểu tử tiểu hoạt là té chết nhưng còn xác, rồi sống lại. Đại tử đại hoạt là té chết không còn xác, rồi sống lại. Cái xác là thí dụ cảnh giới ngộ.

Người Tiểu thừa tuy ngộ nhưng lại ôm cảnh giới ngộ, như Niết Bàn Tiểu thừa chứng quả A La Hán cho là ta chứng, tức là ngã vi tế cho nên thí dụ còn cái xác.

Đại tử đại hoạt là không còn ngã, tức vô tu vô chứng, ngộ rồi đồng như chưa ngộ. Vì còn ôm cái ngã là còn mê, nên chưa ngộ triệt để, còn có mê để đối đãi, do mê mới có

ngộ. Hết mê thì ngộ không còn, nếu còn ngộ thì có mê để đối đãi. Cho nên đại tử đại hoạt thì xác tan rã hết.

-Con biết chưa đến thoại đầu, do trình bày không khéo. Con phát hiện một lỗi công phu để chết hết tâm ý thức nhanh hơn!

Đừng tính như vậy, cứ hỏi và nhìn, giữ nghi tình là đủ rồi. Đừng tính toán, sắp đặt và không có cho là. Thật không biết thì không có gì để nói, bây giờ nói và diễn tả được là đã biết; chứ không biết làm sao diễn tả?

-Có lúc không biết rồi một lúc biết, nhưng mình nắm chỗ không biết xâm nhập vào chỗ đó!

-Ngài Đại Huệ kiến tánh rồi chưa làm trụ trì, ngài làm Thủ Tọa của một Thiền Hội khác. Ngài Đức Sơn đã kiến tánh làm trụ trì, có một Sa Di tìm Thủ Tọa nói: Tôi đọc ngữ lục của Thủ Tọa, đem ra trình Thủ Tọa coi đúng không?

Vừa nói xong, Đại Huệ nói: Đi đi không phải!

Sa Di nói: Tôi chưa trình, sao nói không phải?

Đại Huệ nói: Đi đi không phải!

Làm cho Sa Di ngỡ ngàng, nếu đã ngộ thì lấy gì trình ra? Vì chưa ngộ nên dùng cái biết của bộ óc, mới có cái gì để trình. Biết của vô duyên tri không có kiến lập. Như 4 bài kệ chữ TRI của ngài Vĩnh Gia là tự mình biết cái tri cũng không được, huống là còn biết cái cảnh. Ông có công phu như vậy có thể đúng năm sáu phần, cứ tiếp tục hỏi và nhìn là được.

Hỏi: Tham thiền bị vọng tưởng xen vào nên công phu gián đoạn, ngài Lai Quả nói: “Lúc tham mà vọng tưởng ví như người không mắc nợ, tự nhiên đi đánh bạc bị thua lại vay nợ thêm”. Vậy như thế nào?

Đáp: Chưa đến thoại đầu thì vọng tưởng tự nhiên nổi lên. Chưa tham thiền, mình không biết có vọng tưởng; bắt đầu tham thiền phát hiện nhiều vọng tưởng, một thời sau vọng tưởng bớt dần, nhưng cứ xen lộn hoài. Ban đầu xen lộn chỉ thấy vọng tưởng, không thấy nghi tình. Cho nên nói là không có nghi tình. Sau này, vọng tưởng bớt, nghi tình nhiều hơn, rồi bớt dần dần đến thoại đầu. Chưa đến thoại đầu phải có vọng tưởng, nếu không có vọng tưởng thì đến thoại đầu. Phương tiện của chư Phật chư Tổ tùy theo trình trạng, đừng chấp vào việc ấy; tức là tùy người có khác, tùy thời gian có khác.

Hỏi: Thế nào là tin tự tâm 100% và tin pháp môn 100%?

Đáp: Tin pháp Tổ Sư thiền 100% là đến chết không đổi pháp môn khác. Tin tự tâm là tin tâm mình bằng như chư Phật, thần thông trí huệ bằng như chư Phật không kém một chút.

-Tôi hỏi: Phật tánh có giảm bớt không?

-Không.

-Phật tánh có thể gián đoạn không?

-Không.

-Phật tánh không gián đoạn là cái tri có sẵn (vô duyên tri, trí Bát Nhã). Dùng không được là do biết của bộ óc che khuất, chứ không phải tri có sẵn gián đoạn.

Hỏi: Hành giả tham thiền 24/24 mới miên mật, khi ngủ không tham thiền được là gián đoạn. Sư Phụ khai thị cho con ngủ vẫn tham thiền?

Đáp: Tập dần dần, cứ hồi và nhìn song song sẽ có một ngày đến thoại đầu. Thí dụ tham thiền có nghi tình, mỗi ngày tăng 1 phút thì 4 năm đến thoại đầu, mỗi ngày nghi tình tăng ½ phút thì 8 năm đến thoại đầu, mỗi ngày nghi tình tăng ¼ phút thì 16 năm đến thoại đầu. Tùy theo công phu của mình.

Hỏi: Tại sao xuất gia rồi mà tánh hay sân?

Đáp: Vì không tin pháp môn và cũng không tin tự tâm, không thực hành đúng làm sao sửa được tập khí phiền não!

Hỏi: Thế nào là chánh tín và mê tín?

Đáp: Chánh tín theo nghĩa rộng phải đúng nhân quả. Trong Phật pháp có 5 thứ ác kiến: Thân kiến, tà kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến. Có 5 thứ ác kiến đều thuộc về tà tín, không có 5 thứ này gọi là chánh tín.

1. Chấp thân này rồi yêu quý gọi là thân kiến.

2. Biên kiến là chấp vào một bên, như chấp thật có hay chấp thật không, chấp thật thường hoặc chấp thật đoạn, ... nhiều người giảng kinh thuyết pháp vẫn chấp một bên tự mình không biết. Phật dạy không chấp thật, mà lại chấp huyền, chấp giả; cho tất cả đều là giả, tất cả đều là huyền! Lấy cái này để dạy người, mọi người cho là một cao Tăng, đã lọt vào biên kiến không hay. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Phi huyền không thể kiến lập, huống là pháp huyền”, pháp chẳng phải huyền không thể thành lập được, huống là thành lập pháp huyền.

3. Tà kiến là không tin nhân quả, như người ta cầu cái này cầu cái kia. Nếu cầu được là không tin nhân quả, tin nhân quả thì khỏi cần cầu. Gieo thiện nhân được thiện quả, gieo ác nhân thì chịu khổ quả. Vậy cầu không thể được, cầu được là mê tín.

4. Kiến thủ kiến là chấp lấy kiến giải cho là cao nhất, như các tôn giáo kiến lập một chơn lý cho là cao nhất. Phật Giáo không kiến lập chơn lý, tất cả đều không kiến lập. Nếu nói chơn lý thì bản tâm là chơn lý, còn kiến lập thì phải 2 chơn lý; tức trên đầu mọc thêm đầu, làm cho cực khổ, phải mời bác sĩ cắt bỏ.

5. Kiến thủ kiến là chỉ chấp một giới cấm cho là đúng nhất, như ở Ấn Độ coi bò là thánh, phá hư đồ người ta không ai dám can thiệp, vì tôn trọng bò. Có người không ăn thịt heo, nhưng các thịt khác lại ăn. Kỳ thật, đó là nhân quả “ăn cục thịt trả một cục thịt”; đâu phải ăn thịt bò mới trả, ăn thịt kia không trả!

Hỏi: Vừa qua hành giả hỏi, Sư Phụ giải thích tin 100%, con thấy điểm này chưa rõ. Khi tin 100% là đạt đến đó, như Sư Phụ trình bày tin Phật tánh rõ ràng không sanh diệt, không thêm bớt. Chúng con chưa đạt đến chỗ đó, vậy có tin 100% được không, hay tham thiền đến kiến tánh mới tin 100%?

Đáp: Tin nhưng làm chưa được, như tin 100% nhưng chỉ làm 60%; tin 100% thì sau này sẽ đến chỗ 100%, nếu tin 90% thì đến 90% là ngưng. Tin và thực hiện là hai thứ khác nhau, mình chưa thực hiện nhưng đã tin rồi theo lòng tin mà thực hiện.

Tin pháp môn 100% là ai có nói pháp gì hay hơn cũng không thể lay chuyển được, nếu tin 99% thì có thể lay chuyển, vì suy nghĩ pháp môn kia 100%.

Hỏi: Quy y với thầy, phải theo pháp của thầy không? Như thầy không thích chỗ nào thì đệ tử không được đến chỗ đó, để cho đúng câu “thầy đâu trò đó”. Xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Không phải vậy! Theo giới luật nhà Phật, thầy bốn sư xuống tóc cho đệ tử, đệ tử Tăng ở với bốn sư trong 10 năm, rồi lia bốn sư thu đệ tử xuất gia; đệ tử Ni phải 12 năm được lia bốn sư. Thầy quy y cho đệ tử là thay mặt cho Tam Bảo, để chứng minh Phật tử này đã quy y Tam Bảo; chứ không phải là tài sản của thầy đó! Nếu cho là đệ tử riêng của mình thì không đúng với nhà Phật.

Hỏi: Không gần với ngoại đạo, có đúng không?

Đáp: Không phải vậy! Mình có thể làm bạn với nhau, nhưng mình không theo đạo đó, không phải cần xa người ngoại đạo. Tất cả Phật tánh chúng sanh đều bằng nhau.

Hỏi: Có người đang mắc nợ đem tiền cúng chùa, khuyên họ không nên đem tiền cúng chùa. Vậy có được không?

Đáp: Được! Theo giới luật nhà Phật, hỏi những giá nạn với người muốn xuất gia: “Hiện nay có thiếu nợ ai không?”, nếu có thiếu nợ thì không cho xuất gia.

Hỏi: Thế nào là nhiễm và không nhiễm?

Đáp: Có sở trụ là nhiễm, vô sở trụ là không nhiễm. 6 căn là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; như nhãn căn thấy cái tách cho là đẹp, hay thấy người ta mặc đồ cho là đẹp, như vậy là nhiễm.

Hỏi: Trước kia con niệm Phật đến chỗ lặng lẽ từ sáng tới chiều, lúc nhớ lại thức mắc tại sao không nhớ chuyện gì. Từ đó hỏi nhưng các thầy không biết, rồi con theo Lục Diệu Pháp Môn thực hiện một thời gian cũng đến đó. Trong Lục Diệu Pháp Môn có chỗ tùy tức, có lúc khởi thừa, trong lúc ấy thấy khó, nên con tìm Pháp Tổ Sư thiền để tu. Con tham thiền đến chỗ tịch lặng, có khi đề khởi câu thoại đầu lúc được lúc không. Trong lúc lặng lẽ con đã hội và nhìn được hết tâm con. Công phu của con là khán thoại đầu hay hỏi câu thoại?

Đáp: Lục Diệu Môn là pháp tu của Tiểu thừa, bây giờ mình tu là Đại thừa, như Tịnh Độ là Đại thừa, ... Theo giới luật nhà Phật, nếu Đại thừa dạy người tu Tiểu thừa là có tội. Như giới Bồ Tát nói: “Đại thừa dạy người tu Tiểu thừa là phạm giới Bồ Tát”. Pháp Bảo Đàn nói: “Tổ Sư thiền là Tối Thượng thừa”, siêu việt tam thừa (Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa). Trong Đại Thừa Tuyệt Đối Luận nói rõ biểu đồ 4 thừa.

Hỏi: Hồi sáng có một vị lên trình công phu, Sư Phụ nói công phu ông ấy chỉ đúng năm sáu phần. Vậy chỗ đúng đó là do từ cạn vào sâu năm sáu phần hay ông ta hành sai chỉ đúng năm sáu phần?

Đáp: Đường lối thực hành đúng, nhưng cách trình không đúng. Có cảnh giới gì đều là vọng, cho đến chứng Thánh chấp vào Niết Bàn Tiểu thừa cũng là vọng. Cho nên, Phật quả A La Hán không chịu bỏ A La Hán để tiến lên Đại thừa.

Hỏi: Con đề câu thoại đầu lên, thấy hình tượng như thác đổ, nên không biết giảng mừng trải chiếu. Vậy hiện tượng ấy là gì?

Đáp: Đó là một cảnh giới, bất cứ hiện cảnh giới gì đều là vọng; mặc kệ đừng để ý tới, cứ hỏi và nhìn tiếp tục.

Hỏi: Ban đầu con niệm Phật, thời gian sau tham thiền, nhưng lại có hồng danh Phật nổi lên. Vậy đó như thế nào?

Đáp: Vì theo thói quen niệm Phật mạnh hơn tham thiền, nên hiện lên câu danh hiệu Phật. Ngài Lai Quả nói: “Tham thiền là việc mới, niệm Phật là việc cũ; nếu việc mới mạnh một ngày, thì việc cũ yếu đi một ngày”. Cho nên, tham thiền từ từ sẽ quen. Cần phải hỏi và nhìn tăng thêm thì niệm Phật sẽ bớt.

Hỏi: Tin tự tâm, nên con chú tâm vào; vậy ý chí và nguyện lực có phải tâm của mình không?

Đáp: -Cô tin có Phật tánh không?

-Có.

-Phật tánh có thể giảm bớt không?

-Không.

-Phật tánh có gián đoạn không?

-Không.

-Vậy cô đã tin tự tâm đầy đủ, tại sao nói không tin? Phật tánh của cô với Phật tánh của Phật Thích Ca bằng nhau, nếu có kém một chút thì có thể giảm bớt. Cho nên tất cả năng lực thần thông bằng nhau. Phật tánh không gián đoạn thì bây giờ cô cũng đang là Phật, nếu không phải thì bị gián đoạn.

Phật Thích Ca dùng ra hết năng lực thần thông, cô dùng ra không được hay dùng ra rất ít, vì bệnh chấp thật của cô còn nặng. Tham thiền sẽ dần dần dùng ra, do cái biết bộ óc làm chướng ngại cái biết của Phật tánh. Giữ được nghi tình (không hiểu không biết) chấm dứt tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết. Cuối cùng hiện lên cái biết Phật tánh.

-Cái biết Phật tánh có phải là tâm không?

-Chính tâm có tánh giác ngộ nên gọi là Phật tánh, tâm khắp hư không chẳng có khứ lai nên gọi là Như Lai, tâm trống rỗng vô sở hữu nên gọi là Tánh không, tâm khắp thời gian không gián đoạn nên gọi là Niết Bàn. Bất cứ danh từ nào đều diễn tả thể dụng của tâm.

Ngày 14 – 6 đến 20 – 6 Đinh Sửu (97).

Hỏi: Thế nào là pháp thể gian và xuất thể gian?

Đáp: Pháp thể gian và xuất thể gian không khác, vì có bệnh chấp những sai lầm của thể gian, rồi muốn ra khỏi những sai lầm đó, nên mới gọi là xuất thể gian. Tại sao không khác? Người thể gian cũng là tâm này, người tu xuất thể gian cũng là tâm này. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh sẵn sàng.

Nhưng tâm có sự giác ngộ nên gọi là Phật tánh. Tâm là vô sở hữu (trống rỗng), trống rỗng thì dung nạp và ứng dụng. Như ông quỳ, nói chuyện với nhau, nhìn thấy nhau đều nhờ trống rỗng,... Nếu không có chỗ trống rỗng, muốn nhìn cũng chẳng được. Như có vách tường chắn ngang thì không thể nhìn thấy bên kia.

Tương lai, khoa học tiến bộ, từ không gian 3 chiều tiến lên 4 chiều. Tây y khám bệnh thì đúng, nhưng trị bệnh không được; càng trị thì bệnh càng nhiều, tức hết bệnh này tạm thời lại sang bệnh khác. Y khoa tốt nghiệp trường đại học của Mỹ có khán nghị chính phủ bãi công 1 tháng không trị bệnh, mà tháng đó chết bớt lại 50%. Có chỗ bác sĩ làm việc không sốt sắn thì bệnh nhân chết giảm 18% đến 38%.

Việt Nam có chỗ không dùng thuốc sát trùng và phân hóa học, vì phân bón hóa học rút hết dinh dưỡng của đất, làm hư đất. Các côn trùng làm cho đất được tốt đều bị chết. Các chất hóa học thấm vào đất làm cho nguồn nước bị ô nhiễm là cho các loài động vật dưới nước phải chết. Hiện nay là bị ô nhiễm môi trường, khắp thế giới không cách nào giải quyết và cũng đang tìm cách để giải quyết. Vì chấp thể gian, ai cũng muốn tranh giành quyền lợi của mình, chỉ cần cho mình phát tài, còn hại cho mọi

người thì không biết tới. Nhưng rốt cuộc cái hại cũng đến mình, vì mình sống chung trong đó.

Hỏi: Tham thiền thấy như có vật nặng đè trên đầu, vậy tham thiền tiếp tục hay ngưng?

Đáp: -Vật nặng đè là nguyên do gì?

-Không có nguyên do, đang ngồi thiền được một lúc như có ai để cái thùng nặng trên đầu.

-Nếu như vậy đừng nên ngồi.

-Vậy cần xả thiền không?

-Khỏi cần xả thiền, vì tham thiền đầu có nhập mà xả! Cứ hỏi và nhìn, đi đứng nằm ngồi làm việc đều vậy. Do chấp có nhập nên có xả. Thiền là trong cuộc sống hằng ngày của mình, không phải chỉ ngồi mà có thiền. Như ăn cơm, uống nước đều là thiền. Tâm trống rỗng vô sở hữu thì không có thiền, cho nên hành giả tham thiền mà còn học thiền học đạo cũng không cho. Vậy làm sao có thiền! Không có thể kiến lập. Không có kiến lập nên trống rỗng vô sở hữu mới dung nạp và ứng dụng.

Hỏi: Tham thiền ngồi nửa tiếng và đi nửa tiếng; ngồi thấy những cảnh vật hay nghe tiếng nói bên tai từ đâu không biết. Vậy phải làm thế nào?

Đáp: Hỏi và nhìn giữ nghi tình là không hiểu không biết, nếu không biết làm sao biết những cái ông vừa nói! Máy cái đó là biết, không có tham thiền mới có máy cái đó. Tham thiền giữ được nghi tình thì không có những cái đó.

Biết không tác ý cũng là biết, tác ý và không tác ý đều không biết. Vì tập thể nên quy định nửa tiếng ngồi nửa tiếng đi. Nếu chỉ một mình tham thiền, ngồi tê chân thì đứng dậy đi; đi đến mỏi chân thì ngồi, không nhất định thời giờ.

Hỏi: Trong gia đình không được thông thả rộng rãi, ban đêm lúc thanh tịnh, có thời giờ nhiều thì ngồi lâu hơn. Vậy như thế nào?

Đáp: Không phân biệt đêm hay ngày để tham thiền. Vì người ta ham ngồi nên muốn ngồi nhiều, nếu nằm không ngủ thì hỏi và nhìn cũng được; hỏi đến chừng nào ngủ quên, không nhất định phải ngồi.

Hỏi: Trước kia, con ngủ có chiêm bao thấy bay, thấy cảnh chùa rất thanh tịnh, sau khi hết chiêm bao thấy thân tâm khỏe. Gần đây, nằm mơ thấy cảnh đao binh giết chóc. Vậy những hiện tượng đó là như thế nào?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm nói “Tình nặng thì đọa xuống, tưởng nhiều thì bay lên”. Tham thiền là siêu việt tình tưởng. Các thiền dùng tưởng gọi là thiền quán tưởng, nhưng Tổ Sư thiền không dùng thiền quán tưởng, chỉ giữ nghi tình là không hiểu không biết. Quán tưởng là tập trung tinh thần, như tưởng cái gì đó.

Hỏi: Người tham thiền không tránh khỏi chướng ngại: Bệnh thân, bệnh tâm, bệnh Phật. Xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Do có suy nghĩ biết, tìm hiểu biết, ghi nhớ biết thành chướng ngại. Nếu giữ được nghi tình (không hiểu không biết) thì tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết đều chấm dứt được hết chướng ngại. Cuối cùng luôn cả không hiểu không biết cũng chấm dứt, gọi là kiến tánh thành Phật.

Hỏi: Thế nào lựa tam muội? Ấn tam muội và ngồi kiết già của Phật Thích Ca hay do Thiền sư nào đặt ra?

Đáp: Tất cả đều do người ta đặt ra, còn Phật là vô thi vô sanh. Vô thi thì không thể đặt ra, vì có đặt ra là bắt đầu. Vô thi cũng là nghĩa vô sanh, tức không có sự sanh khởi, do có sự sanh khởi nên có sự bắt đầu. Cho nên, người chứng quả là ngộ pháp vô sanh, gọi là chứng vô sanh pháp nhãn. Nếu pháp đã vô sanh thì đâu có những thứ ông nói! Đó là bày đặt.

Tam muội là chánh định để phân biệt tà định, quán lửa gọi là hỏa tam muội, quán thủy gọi là thủy tam muội. Đó là thiền quán do người ta bày đặt. Tổ Sư thiền thì không có gì hết, do Tổ sư từ đời truyền xuống, miễn cưỡng gọi là Tổ Sư thiền, chứ không có tên gọi. Luôn cả thiền cũng không có, vì trống rỗng vô sở hữu không thể kiến lập.

Hỏi: *Bỏ lại vô nhất vật, sao thấy có nhiều vật?*

Đáp: Thấy có vật là vọng tâm kiến lập, nếu không kiến lập thì không có; chính kiến lập sở hữu là chướng ngại. Ngài Long Thọ lấy hư không vô sở hữu để ví dụ cho tâm. Hư không thì trống rỗng không có gì, cho nên gọi là vô sở hữu.

Vì trống rỗng nên dung nạp và ứng dụng, tất cả mặt trời, mặt trăng, đất đai, nhà cửa,... đều từ cái trống rỗng này dung nạp và ứng dụng. Cái trống rỗng là tâm của mọi người. Vì vậy, Phật nói: “Tất cả do tâm tạo”.

Tâm tạo mới có sở hữu, nên có muôn ngàn thứ sai biệt; nhưng tánh con người ham sở hữu ham tạo. Như cuộc sống hằng ngày phải có tiền, thì cho tiền là sở hữu của tôi; phải có nhà ở thì nhà là sở hữu của tôi, phải có đất đai, đất đai là sở hữu của tôi. Tất cả đều là sở hữu, chính sở hữu làm chướng ngại vô sở hữu.

Nghe tôi nói vậy, đừng mặc quần áo và không ở nhà sao? Mình cũng mặc quần áo, ở nhà, cầm tiền; nhưng mình không có buồn, vui, yêu, ghét, đố, thối, không có sự đối đãi, tất cả đều tùy duyên. Như có tiền cũng được hay không có tiền cũng được, ăn no cũng được hoặc ăn đói cũng được.

Vì kiến lập nên có sự chết, Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Vô vô minh diệt vô vô minh tận, vô lão tử diệt vô lão tử tận”, Phật nói không có già chết và không có sanh tử. Nhưng tại sao mình thấy có sanh tử? Do tâm mình tạo, như thân mình xoay nên thấy căn nhà xoay (sanh tử luân hồi), căn nhà ngưng xoay (cứu kính Niết Bàn). Căn nhà đâu có xoay hồi nào? Tại thân mình xoay, nên có cảm giác sai lầm thì thấy căn nhà xoay.

Tâm tạo có sanh tử là do chấp thật, như căn nhà xoay không thật. Tu là phá tư tưởng chấp thật, nhưng phá rất khó. Cho nên, dùng nghi tình để chấm dứt tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết. Kiến lập đều do biết, những cái biết chấm dứt thì còn nghi tình; cuối cùng nghi tình chấm dứt là kiến tánh thành Phật, chánh biến tri hiện lên khắp không gian thời gian.

Tâm của mình không biết ở ngoài và không tự biết, không phải hoàn toàn không biết. Vì tất cả dụng tâm mình tự động, khỏi cần nôi ý muốn biết thì mới biết.

Như cảm giác lớp da của cơ thể, cảm giác tiếp xúc tách, bình thì biết. Tiếp xúc nóng biết nóng, tiếp xúc lạnh biết lạnh, đụng mạnh thì nó đau, đụng nhẹ thì ngứa. Người ta cho rằng có tiếp xúc mới biết, còn không tiếp xúc thì không biết. Đó là không đúng. Không tiếp xúc nó cũng biết, tức cảm giác lớp da luôn luôn làm việc không ngưng nghĩ. Lúc tiếp xúc thì biết có tiếp xúc, lúc không tiếp xúc thì biết không tiếp xúc.

Cái biết của mình cũng vậy, từ vô thi đến bây giờ không ngưng; mình chết cái biết vẫn làm việc bình thường. Có người hỏi: Nếu dùng nghi tình để quét sạch tất cả biết, đến thoại đầu sẽ kiến tánh thì sắp biết phải không?

Tôi nói: Không có thể nói là sắp biết.

Người ta ngạc nhiên hỏi: Như vậy, vĩnh viễn không biết sao?

Tôi nói: Không phải không biết, mà đang biết. Như lớp da đang biết, tiếp xúc nó cũng biết, không tiếp xúc nó vẫn biết. Tâm mình cũng vậy.

Nhưng người ta không hiểu, nên tôi phải dùng mặt trời để thí dụ; mặt trời chiếu soi không bao giờ ngưng, mình không thấy ánh sáng mặt trời là bị che khuất bởi mây đen và trái đất; không phải ánh sáng mặt trời có ngưng chiếu soi, mà nói trời gần sáng mặt trời sắp chiếu! Vậy không đúng.

Mặt trời có ngưng chiếu rồi nói là sắp chiếu, như cái biết của mình có ngưng biết thì mới nói sắp biết. Cái biết của tâm mình từ hồi nào chưa ngưng, như mặt trời từ hồi nào không ngưng chiếu.

Bây giờ, muốn ngưng tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết là vọng biết, không đúng với thật tế đều do kiến lập sở hữu rồi mới có. Kiến lập sở hữu thì hạn chế cái dụng. Mặt trăng mặt trời đều ở trong hư không vô sở hữu (cái không trống rỗng), Phật pháp gọi là tánh không.

Nhưng thông minh con người muốn kiến lập, đem cái không chẳng hạn chế, rồi hạn chế cái không của tách, bình, nhà,... Nếu tách bít hết nên không thể dùng, tách trống rỗng thì dùng được. Kiến lập nhiều cái không khác biệt, như cái không của tách khác cái không của bình, khác cái không của nhà. Muôn ngàn thứ khác biệt đều do kiến lập mới có.

Kỳ thật, chưa dựng lên nhà thì cái không đã có sẵn, chưa có cái không của tách thì có cái không đã có sẵn. Vì có cái không sẵn sàng nên có cái không của tách, bình, nhà,... cho đến quý vị ngồi đây đều nhờ cái không sẵn sàng đó. Nhưng mình đang dùng mà chẳng tự biết, cứ đoán mò mấy danh từ như Bồ Đề, Niết Bàn,...

Cái thật tế mình đang dùng lại bỏ, mà tìm những cái không thật tế! Phật Thích Ca muốn mình trở về thật tế, nhưng con người không chịu. Vì muốn ham sở hữu, như nhà, tiền,... cho là sở hữu của tôi. Như mình có căn nhà chưa có quyền sở hữu, cũng phải lo giấy tờ để có quyền sở hữu. Nếu sở hữu nhiều chừng nào thì chừng ngại nhiều chừng này.

Hỏi: Tham thiền là giữ chỗ không biết cho liên tục, nhưng con tham có lúc lại biết chuyện này chuyện kia, mình muốn không biết cũng không được, nên sanh ra phiền não. Xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Vì do kiến lập, như có vào thiền và xả thiền; thiền cũng không kiến lập, không có vào thiền và không xả thiền. Chấp thiền (trụ) là kiến lập thiền, Tổ Sư thiền chỉ là hỏi và nhìn, hỏi là kích thích niệm không biết, nhìn là giữ cái không biết được kéo dài, gọi là nghi tình.

Ban đầu tập tham tự nhiên vọng tưởng (biết) nổi lên quên tham, biết thì nghịch cái không biết. Nhưng phải tập tham dần dần. Tâm mình trống rỗng, cho nên đừng kiến lập. Vì vậy, hành giả tham thiền không cho hiểu thiền hiểu đạo. Đang thực hành thiền còn hiểu thiền chi nữa! Nếu tìm hiểu thiền là trên đầu mọc thêm đầu. Một cái đầu đã đủ dùng, thêm cái đầu phải nhờ bác sĩ cắt bỏ thì khôi phục cái đầu có sẵn.

Mục đích là muốn đến thoại đầu, cho nên gọi là tham thoại đầu, khán thoại đầu. Bây giờ thực hành nhưng chưa đến thoại đầu, thoại đầu là một niệm chưa sanh khởi, nếu sanh khởi một niệm không biết cũng là sanh khởi. Cuối cùng đến thoại đầu thì tất cả tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết đều chấm dứt. Đến thoại đầu là công phu ngày đêm liên tiếp, vì không có niệm nào nổi lên.

24 tiếng đồng hồ mình chỉ tham có 1 phút, nếu mỗi ngày nghỉ tình tăng 1 phút thì 4 năm đến thoại đầu sẽ kiến tánh, mỗi ngày nghỉ tình tăng ½ phút thì 8 năm đến thoại đầu sẽ kiến tánh, mỗi ngày nghỉ tình tăng ¼ phút thì 16 năm đến thoại đầu sẽ kiến tánh.

Chỉ cần công phu miên mật một chút nghỉ tình cũng đủ, khỏi cần tập trung tinh thần, khỏi cần phí sức, khỏi cần cố gắng. Cho nên, chư Tổ nói: “Ít phí sức chừng nào tốt chừng nấy”. Nếu cố gắng, tập trung tinh thần đều là phí sức.

Hỏi: Sư Phụ giảng: “Hư không vô sở hữu dung nạp tất cả vật”, có người nói: Biết trước là hư không, sau là hư không, trên là hư không, dưới cũng là hư không. Nhưng sao không ngộ được?

Đáp: Chưa đến thoại đầu làm sao ngộ! Ngộ được phải lia ý thức, phải chấm dứt tất cả biết (tìm hiểu, suy nghĩ, ghi nhớ), giờ phút cuối cùng lia ý thức, luôn cái không biết cũng tan rã mới hết nghỉ. Hết nghỉ tức là ngộ, bây giờ còn đủ thứ biết, làm sao ngộ được!

Nói trên dưới trước sau đều là kiến lập, không thật tế. Có trước sau là tương đối, có trên dưới cũng là tương đối. Mình nói ở trên đầu là trên, ở dưới chân là dưới; như mình đứng đây cho là trên, còn đứng ở nước Mỹ thì cho là dưới. Và ngược lại, vậy làm sao có trên dưới?

Cho nên, ông Newton thấy trái táo từ trên cây rớt xuống, nghỉ tại sao không rơi lên? Vì không có trên dưới, do cái nghỉ ấy, ngộ được hấp dẫn lực của quả đất. Do đó ông ngộ được hấp dẫn lực của vạn hữu, nhà khoa học gọi là từ trường (sức hút nam châm). Như cắm cây nêu, người đứng bên đông cho bên cây nêu là hướng tây, và ngược lại; người đứng bên nam cho bên cây nêu là bắc, và ngược lại.

Hỏi: Thế nào chết là hết và chết còn sanh tử?

Đáp: Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Không có già chết”, do kiến lập sanh tử thì nói chết rồi hết hay chết rồi còn. Nếu vốn không có sanh tử thì đâu nói hết với còn! Như căn nhà không xoay, nhưng do thân mình xoay mới thấy căn nhà xoay, lại muốn căn nhà ngưng xoay.

Sanh tử là do tâm mình ngày đêm hoạt động không ngừng. Rồi nói sanh tử là hết hay còn, nếu không có sanh tử thì đâu thể hết với còn! Còn và hết thì không có xảy ra. Cho nên, tu là liễu thoát sanh tử, không nói còn hay nói hết, vì không thành vấn đề rồi. Thật tế là không có sanh tử, ngộ được không có sanh tử thì tất cả đều giải quyết.

Hỏi: Hỏi “sanh từ đâu đến?”, không biết, “chết đi về đâu?”, không biết. Vậy con chết ra sao?

Đáp: Ngộ không sanh tử thì không cần giải quyết vấn đề ấy nữa. Vì chấp có sanh tử thì có bao nhiêu vấn đề nghiệp chướng phiền não. Cho nên, nói sanh tử là việc lớn, nếu không có sanh tử thì mấy cái kia đều không có, tại kiến lập sanh tử nên sanh ra đủ thứ chuyện.

Hỏi: Vô sở hữu và vô sở bất tri, nghĩa có giống nhau không?

Đáp: Vô tri thì có vô sở bất tri, tức là có kiến lập tri và bất tri để đối đãi. Không có năng tri và sở tri đối đãi, gọi là vô duyên tri. Cuộc sống hằng ngày đều trong tương đối (đối đãi). Như có không, giàu nghèo, sang hèn, trước sau,...

-Vậy cuộc sống hằng ngày mình sống với tâm vô phân biệt phải không?

-Nếu có ý vô phân biệt thì đã phân biệt rồi, vì kiến lập vô thì đã thừa nhận hữu. Vô phân biệt và hữu phân biệt cũng là đôi đũa. Nếu không kiến lập thì tất cả đều trống rỗng là bản tâm của mình. Chỗ này phải giữ nghi tình mới được, hồi để kích thích niệm không biết và nhìn niệm không biết.

Cho nên, thật tế không thể dùng lời nói để diễn đạt được. Cuốn Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải lời nói rất cao siêu, nhưng ngài Trung Phong cũng quét sạch lời nói, để cho mọi người thực hành cái thật tế.

Cần giữ nghi tình đưa đến thoại đầu sẽ ngộ thì tất cả giải quyết triệt để. Chưa kiến tánh mà dùng ý thức truy tìm thì vẫn là sản phẩm của bộ óc, cũng còn nằm trong tương đối. Nếu muốn không phân biệt cũng không được, vì thói quen của bộ óc có từ lâu đời gặp cái gì đều cũng phân biệt.

Như phân biệt có tiền và không có tiền, giàu nghèo, tốt xấu; rồi sanh ra buồn vui, yêu ghét. Giữ được nghi tình thì không thể phân biệt, phân biệt là biết. Hành giả tham thiền chỉ cần hồi và nhìn song song.

Hỏi: Thế nào là niệm thoại đầu, tham thoại đầu và khán thoại đầu?

Đáp: Tham là hỏi câu thoại, như hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” nổi lên một niệm không biết; khán là nhìn chỗ không biết, muốn xem chỗ không biết là gì; nhưng chỗ không biết thì không có chỗ, nên không có mục tiêu để nhìn vẫn còn không biết; Thiền tông gọi là nghi tình. Cứ hồi và nhìn song song để giữ nghi tình, đưa hành giả đến thoại đầu, sẽ kiến tánh thành Phật. Niệm không có nghi tình, tức là biết chứ không phải không biết. Nghi tình thì phải không hiểu không biết.

Hỏi: Con tham câu “sanh từ đâu đến, chết đi về đâu?” nhưng con không niệm sanh từ đâu đến, mà chỉ niệm chết đi về đâu. Vậy có được không?

Đáp: Niệm thì không được, vì niệm là không có thắc mắc; hỏi chứ không phải niệm, hỏi thì phải có đáp. Nhưng hỏi mà không biết thì không thể đáp được nên mới có một niệm không hiểu không biết để nhìn. Hồi và nhìn song song, vừa hồi vừa nhìn; chứ không phải hồi trước nhìn sau hay hồi sau nhìn trước. Hồi và nhìn cùng một lượt để giữ nghi tình, đưa hành giả đến thoại đầu, sẽ kiến tánh thành Phật.

Hỏi không phải dùng miệng hỏi, mà dùng tâm hỏi thầm; nhìn không phải dùng mắt nhìn, mà dùng tâm nhìn thầm. Chỉ cần giữ một chút nghi tình, nghi tình ngày đêm 24 tiếng đồng không gián đoạn là đến thoại đầu, sắp kiến tánh giải thoát tất cả khổ được tự do tự tại.

Hỏi: Vì vọng tưởng quá nhiều, nên tham thiền không kiến tánh. Vậy chết rồi tái sanh trở lại có tiếp tục tham thiền nữa không?

Đáp: Theo nhân quả, chánh nhân đã gieo thì chánh quả sẽ đến; kiếp này không kiến tánh thì kiếp sau tiếp tục tham thiền, kiếp sau chưa kiến tánh thì kiếp sau nữa, tiếp tục hoài khi nào kiến tánh mới thôi. Công phu mình tiến mau thì nhanh đến, tiến chậm thì lâu đến.

Hỏi: Thế nào là Tam Bảo?

Đáp: Tam Bảo gồm có 2 thứ: Thường trụ Tam Bảo và Tự tánh Tam Bảo.

Thường trụ Tam Bảo là dùng tượng Phật để thay thế cho Phật Bảo, lấy kinh của Phật thay thế cho Pháp Bảo, Tăng Ni hiện tiền thay thế cho Tăng Bảo, từ đời từ đời truyền xuống.

Mục đích quy y Tam Bảo là muốn nhờ Thường trụ Tam Bảo giáo hóa chúng sanh tu đúng lời Phật dạy, chứng nhập Tự tánh Tam Bảo. Tâm của mình đầy đủ Tam Bảo, nhưng phải tu đúng mới ngộ nhập được Tự tánh Tam Bảo.

Bảo gọi là quý hiếm, Phật nghĩa là giác ngộ. Có người hỏi Phật Thích Ca: Ngài là gì? Phật đáp: Tôi là người giác ngộ.

Nghĩa chữ “Phật” là giác ngộ, chứ không phải là Thần linh, ai giác ngộ thì người ấy là Phật. Tâm của con người có tánh giác ngộ, nên gọi là Phật tánh; tâm trống rỗng như hư không chẳng có khứ lai, nên gọi là Như Lai, đúng như Bản Lai; tâm khắp không gian không có sanh diệt, nên gọi là Niết Bàn.

Nếu đạt đến giác ngộ thì mới được giải thoát, nên phải có phương pháp, phương pháp đó là Pháp Bảo. Tất cả 84.000 pháp môn đều là Pháp Bảo có thể tu đến giải thoát.

Đã có Phật Bảo, Pháp bảo; nhưng Phật đã nhập diệt, nên phải nhờ Tăng từ đời trực tiếp truyền dạy chúng sanh. Nếu chỉ có Phật Bảo và Pháp Bảo, mà không có người truyền dạy thì không còn Phật pháp. Cho nên, phải nhờ Tăng Bảo. Tăng (Tăng Già) nghĩa là hòa hợp chúng. Theo quy định của giới luật thì 4 người trở lên mới thành Tăng, Tăng là đoàn thể, 3 người trở xuống cũng chưa thành Tăng.

Quy y là quy y Tam Bảo, Tăng đại diện cho Tam Bảo để truyền giới; người quy y là đệ tử của Tam Bảo, không phải đệ tử riêng của thầy ấy.

Hỏi: Vì trình độ thầy bổn sư kém Phật pháp, nên các đệ tử đi tìm thầy khác để học thêm. Vậy có coi là phản thầy không?

Đáp: Sự tu học tiến lên, cần phải tìm thầy học hỏi thêm, việc này rất đúng. Nhưng vị ấy cho là phản thầy thì đối với Phật pháp không đúng. Các thầy bên Thiên tông cho đệ tử đi tham học các nơi, còn các thầy kém Phật pháp không cho đệ tử đi tham học chỗ khác, giống như không cho đệ tử lên lớp, cứ ở một lớp mà học mãi!

Hỏi: Chết rồi thì Phật tánh ở chỗ nào?

Đáp: Phật tánh là tâm, tâm có giác ngộ nên gọi là Phật tánh, cũng là bản tâm của mình khắp không gian thời gian. Khắp thời gian thì không có sanh diệt, vì người hỏi chấp có sanh tử cho là thật nên có câu hỏi ấy. Khắp không gian thì không có khứ lai, nên gọi là Như Lai, tức đúng như bản lai. Không có khứ lai làm sao chết rồi đi về đâu? Phật tánh ở đâu? Nếu Phật tánh có chỗ thì không phải Phật tánh! Vì có chỗ là không cùng khắp không gian. Phật tánh cùng khắp không gian thì không khứ lai, nên không có chỗ.

Hỏi: Tổ Đạt Ma có kinh Lăng Già để ấn chứng, Lục Tổ có Pháp Bảo Đàn, Lai Quả có Thiên Thất Khai Thị Lục, Nguyệt Khê có Đại Thừa Tuyệt Đối Luận. Vậy, sau này Sư Phụ tịch thì chúng con căn cứ vào đâu?

Đáp: Tôi chưa kiến tánh, ngài Lai Quả, ngài Nguyệt Khê đều đã kiến tánh. Ngày xưa có 7.000 Tổ kiến tánh, nhưng lưu lại ngữ lục rất ít, không phải Tổ nào cũng lưu lại. Tôi chỉ có nuốt nước miếng của chư Tổ truyền lại để dạy cho quý vị, tự mình tôi chẳng có gì.

Nhưng thật tế bản tâm của mỗi người trống rỗng vô sở hữu. Lục Tổ nói: “Bỏ lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai”, nghĩa là xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi trần! Không có một vật, tức là trống rỗng vô sở hữu, nên gọi là tánh không. Tánh không có chỗ để trụ gọi là vô trụ. Lục Tổ nói: “Lấy vô trụ làm gốc”, bây giờ nói có lưu lại thì đã trụ rồi. Lúc Phật Thích Ca còn tại thế chẳng có kinh, sau này có kinh là do đệ tử của Phật kết tập thành kinh.

Hỏi: Sư Phụ nói: “Tham thiền giữ nghi tình đưa đến kiến tánh thành Phật”, lại nói: “Không có Phật để thành”. Người đời không tham thiền cũng không thành Phật. Vậy 2 việc này có khác không?

Đáp: Vì chưa kiến tánh thành Phật thì nói là thành Phật, đến chừng kiến tánh mới biết không có Phật để thành, vì Phật đã thành sẵn. Kinh Viên Giác thí dụ: “Vàng ở trong quặng đã thành sẵn”, nhưng không thấy vàng là do lộn đất cát tạp chất. Muốn thấy vàng thì luyện đất cát tạp chất bỏ ra. Nếu trong quặng không có vàng thành sẵn, dù luyện cách mấy cũng không có vàng hiện ra.

Phật tánh con người đã thành sẵn, nhưng không được hiện ra là do kiến lập tri kiến làm che khuất. Cho nên, kinh Lăng Nghiêm nói: “Tri kiến lập tri là căn bản vô minh, không lập tri kiến là Niết Bàn”. Không kiến lập thì vô sanh vô tử. Người chứng quả ngộ pháp vô sanh, chứng vô sanh pháp nhãn.

Hỏi: Con tham “Nam mô A Di Đà Phật” có được kiến tánh không?

Đáp: Đó là niệm Phật, không phải tham Tổ Sư thiền; Tổ Sư thiền là giữ nghi tình là không hiểu không biết, phải có nghi tình mới gọi là tham thiền. Nghi là nhân, ngộ là quả; phải từ nghi đến ngộ.

Người tu Tịnh Độ chưa tin được tự tâm, nên chưa tin pháp môn Tổ Sư thiền; khi họ vãng sanh Cực Lạc nhờ Phật A Di Đà dạy tham thiền là từ nghi đến ngộ. Điều đó ghi trong kinh Đại A Di Đà của Tịnh Độ.

Thiền là một tổng danh từ, tất cả pháp môn Phật dạy đều lấy thiền làm căn bản. Cho đến tà ma ngoại đạo đều cũng có thiền mới được thành tựu.

Tịnh Độ có 3 cấp:

Thật Tướng Niệm Phật là thiền giống như Tổ Sư thiền, vì thật tướng là vô tướng không cầu vãng sanh. Thật tướng thì chỗ nào cũng Tịnh Độ, vì tâm tịnh là Phật độ tịnh. Nhưng bây giờ không thấy ai thực hành.

Quán Tưởng Niệm Phật có một số ít người thực hành, ghi trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, chính là thiền của Tịnh Độ có 16 pháp thiền quán. Có người tu Tịnh Độ không nhìn nhận, cũng không biết; cứ tưởng mình không phải thiền, lại cho thiền chỉ là Tổ Sư thiền.

Cấp phổ thông là Trì Danh Niệm Phật, niệm “Nam mô A Di Đà Phật”. Nếu không có thiền, làm sao niệm đến nhất tâm bất loạn! Nhất tâm bất loạn là định (thiền định), nhưng họ không thể kiến tánh.

Muốn ngộ phải có nghi, như ông Newton thấy trái táo trên cây rơi xuống, ông nghi tại sao trái táo không rơi lên? Cho nên, ông dùng bộ óc tìm hiểu, rồi ngộ được hấp dẫn lực của quả đất. Theo tư tưởng người thường thấy mọi vật chỉ rơi xuống, không thể rơi lên. Nhà khoa học biết là không có trên dưới, như mình hiện giờ đứng chỗ này cho là trên, còn người Mỹ cho là dưới và ngược lại. Vậy trên dưới không có nhất định.

Tư tưởng người Tịnh Độ còn chấp thật, nên không tin tự tâm. Do đó, họ vòng xa rồi mới đến đích, phải sanh Cực Lạc rồi mới tham thiền. Nếu bây giờ mọi người có đủ niềm tin tự tâm thì bắt đầu tham thiền. Như trong Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiền có đề ra 3 đứa bé gái kiến tánh: Long nữ 8 tuổi, họ Trịnh 13 tuổi và họ Tô 15 tuổi.

Người Tiểu thừa cho rằng người nữ không thể thành Phật, nói rằng người nữ có 5 thứ chướng. Thật tế không có chướng, vì thế cũng được kiến tánh vậy. 3 người kể trên không tu lâu mà được kiến tánh. Sự thật, kinh Viên Giác nói: “Tất cả chúng sanh đều đã thành Phật”, Phật còn thí dụ quặng vàng, vàng vốn đã thành sẵn. Nếu trong quặng không có vàng, dù luyện cách mấy cũng không có vàng.

Phật tánh con người cũng vậy, là đã thành sẵn từ hồi nào rồi; vì lộn với vọng tưởng tham sân si, nên Phật tánh không hiện lên. Tham thiền là dùng nghi tình dẹp các vọng tưởng tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết; cuối cùng hiện lên là kiến tánh thành Phật. Nếu mình không có Phật tánh thành sẵn thì tu bao lâu cũng không thể thành.

Hỏi: 5 câu thoại đầu của Sư Phụ đưa ra, rồi chọn 1 câu để tham phải không?

Đáp: Cái gì mình nghi thì lấy cái đó để tham, còn không có nghi nên chọn 1 trong 5 câu để tham; câu thoại đầu rất nhiều, tôi không thể đưa ra hết, mà chỉ đưa ra 5 câu.

Không nghi thì không ngộ, cho nên người tu Tịnh Độ được vãng sanh Cực Lạc, nhờ Phật A Di Đà dạy tham thiền phát nghi rồi đến ngộ. Tất cả thiền khác cuối cùng cũng phải phát nghi rồi ngộ, nhưng Tổ Sư thiền là thiền trực tiếp, các thiền khác là thiền gián tiếp.

Hỏi: Không hiểu chơn lý và đạo pháp, nhưng nghe Sư Phụ giảng Tổ Sư thiền, tin vào đó tham thiền. Vậy có được kiến tánh không?

Đáp: Có tư tưởng chấp thật không được kiến tánh, tất cả tôn giáo có kiến lập chơn lý, chỉ có Phật Giáo không kiến lập chơn lý. Tại sao? Vì Phật Thích Ca ngộ được bản tâm, không phải ngộ chơn lý. Các tôn giáo khác ngộ chơn lý, rồi hoằng dương chơn lý của mình đã ngộ.

Bản tâm hiện lên, gọi là kiến tánh thành Phật; nói chơn lý thì bản tâm đã là chơn lý, có kiến lập chơn lý là 2 chơn lý. Thiền tông gọi là: “Trên đầu mọc thêm đầu”, phải mời bác sĩ cắt bỏ mới khôi phục đầu bản lai; vì mỗi người chỉ có một cái đầu để dùng, nếu thêm một cái đầu nữa thì chướng ngại. Người ấy không biết, nếu nói chơn lý là thành ngoại đạo, không phải Phật Giáo.

Hỏi: Cần hiểu kinh rồi để qua một bên, mới tham thiền phải không?

Đáp: Nếu có tư tưởng chấp thật thì coi kinh không thể hiểu, có hiểu là hiểu kinh bất liễu nghĩa, kinh liễu nghĩa phá chấp thật làm sao hiểu được!

-Những người chưa có đủ lòng tin, phải làm thế nào để có lòng tin?

-Thì tự mình ra hỏi, tôi mới giải đáp cho họ được đủ lòng tin.

Hỏi: Cuộc sống hằng ngày trong tương đối, làm sao không lọt vào tứ cú?

Đáp: Phật pháp có danh từ “vô sở trụ” thì không lọt vào tứ cú, nói dễ mà thực hành rất khó. Hỏi và nhìn không lọt vào tứ cú. Tại sao? Vì nghi tình là không hiểu không biết. Như gặp chuyện có thì không biết có, nên không lọt vào cú thứ nhất; gặp không có cũng không biết không biết không có, nên không lọt vào cú thứ nhì; cú thứ ba và cú thứ tư cũng vậy, vì không biết nên không lọt vào tứ cú; tức là giữ được nghi tình.

Hỏi: Tham thiền được ngưng vọng tưởng thường có kiến giải phải không?

Đáp: Đó là tự nhiên rồi.

-Làm cách nào để hết kiến giải?

-Hỏi và nhìn mới hết kiến giải, tức giữ nghi tình là không hiểu không biết thì cái biết không thể nổi lên; biết là không phải tham thiền.

Hỏi: Ở nhà tu không có thiền, sao định được?

Đáp: Tham thiền là hỏi và nhìn, ở nhà nấu ăn, giặt đồ,... đều hỏi và nhìn được.

-Nếu mình không ngồi thì không thể định được phải không?

-Đi mỗi chân thì ngồi, ngồi tê chân đứng dậy đi; đi và ngồi là để điều thân, tứ oai nghi là đi đứng nằm ngồi phải thay phiên lẫn nhau; đâu thể đứng hoài, hay đi mãi, hoặc ngồi luôn và nằm lâu!

-Có phải tại gia tu không tinh tấn bằng ở trong đại chúng?

-Tôi có đề ra 3 đứa bé gái đều ở tại gia tu được kiến tánh, có những người xuất gia cũng không kiến tánh.

Hỏi: Thế nào Ngũ Tổ truyền tâm ấn cho Lục Tổ?

Đáp: Ấn là con dấu, tâm là vô sở hữu (trông rỗng). Vì vô sở hữu, nên Lục Tổ nói: “Bỏ đi vô nhất vật”, tức là xưa nay không có vật gì, vậy làm sao để truyền? Như đem hư không làm sao truyền được? Các cơ quan hay các tiệm lớn đều có con dấu và ký tên để cho người tin. Thầy ấn chứng học trò đã ngộ gọi là truyền tâm ấn. Vì vậy, không có tâm ấn gì để truyền.

-Người khác truyền tâm ấn thì thế nào?

-Vi họ không hiểu Phật pháp, phi báng Phật pháp là tạo tội địa ngục, mà tự mình không hay biết.

Hỏi: Ngày xưa, thầy tìm đệ tử truyền pháp hay đệ tử tìm mình sư rất khó, bây giờ nhiều đệ tử gặp Sư Phụ quá dễ. Vậy việc ấy thế nào?

Đáp: Theo Phật pháp gọi là nhân duyên, phải có nhân duyên mới được; như nhân duyên đã gieo trồng nhiều kiếp. Kinh Kim Cang nói: “Có một lòng tin chân thật thì đã gieo trồng thiện căn vô lượng kiếp”, còn nói vô lượng Phật đã gieo trồng thiện căn, nên kiếp này mới có lòng tin trong sạch tin pháp môn này và tin tự tâm.

Cho nên, đệ tử muốn gặp minh sư, hay minh sư muốn gặp đệ tử rất khó. Như Tổ Đạt Ma từ Ấn Độ qua Trung Quốc, đến 9 năm tìm được Huệ Khả để ấn chứng. Nếu không có duyên gieo trồng thiện căn nhiều kiếp thì khó gặp nhau.

Hỏi: Thế nào là chấp thật?

Đáp: Chấp thật có là chấp thật, chấp thật không có là chấp thật, chấp thật chơn là chấp thật, chấp thật vọng là chấp thật. Nếu chấp thật thì lọt vào biên kiến (một bên). Phật Giáo có 5 thứ ác kiến: Thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến.

Người giảng kinh thuyết pháp cho tất cả là huyễn hóa, tức chấp huyễn hóa là thật. Người ta tưởng chấp thật là chấp có, nhưng họ lại chấp vọng. Nếu chấp có cho là thật thì bệnh chấp nhẹ nên dễ trị, còn chấp không có là thật thì bệnh chấp nặng nên khó trị. Tại sao? Vì chấp có thì dùng không để phá dễ hơn, chấp không dùng có để phá khó hơn.

Hỏi: Phật Thích Ca sắp nhập diệt có bài kệ và dặn Ca Diếp giữ gìn pháp này, rồi sau này giao lại cho A Nan. Câu “sau này giao lại cho A Nan”, con không đồng ý. Chọn người kế thừa là Ca Diếp lo, Phật lo làm chi? Nếu Phật dặn như vậy thì không tin sự kiến tánh của Ca Diếp, nhưng A Nan trở về sau thì các Tổ được quyền chọn lựa người kế thừa. Do đó con có nghi vấn?

Đáp: Ca Diếp chọn A Nan kế thừa, không phải Phật Bảo Ca Diếp cho A Nan kế thừa. Kinh Đại thừa liễu nghĩa, Phật rất sợ người chấp lời của Phật. Ngài Duy Ma Cật quở các vị Bồ Tát và A La Hán, trong đó có A Nan đi xin sữa cho Phật.

Duy Ma Cật nói: Phật làm sao có bệnh mà xin sữa để uống?

A Nan nói: Phật bảo đi xin sữa, tôi đâu có nghe lầm!

Người nào cũng bị quở là do đuổi theo lời nói để chấp, khi Phật nói xong liền phủ nhận. Cho nên, Phật nói: “49 năm thuyết pháp, tôi chưa từng nói một chữ” và “ai nói Phật có thuyết pháp là người ấy phỉ báng Phật”. Nếu theo tư tưởng người thường thấy mâu thuẫn. Tại sao? Vì sợ chấp lời của Phật.

Lời của Phật là phương tiện để phá chấp chúng sanh. Như bệnh của chúng sanh là bệnh giả, thuốc của Phật là thuốc giả; dùng thuốc giả để trị bệnh giả, bệnh giả hết thì thuốc giả phải bỏ. Kinh Kim Cang nói: “Lời thuyết pháp như chiếc bè đưa người qua sông”, đưa người qua bờ thì phải bỏ bè, làm sao còn vác chiếc bè đi chơi? Cho nên, kinh Đại thừa liễu nghĩa đều phá chấp thật, nhưng người ta lại chấp lời kinh. Nếu chấp lời của Phật thì cũng còn bệnh.

Hỏi: Chúng sanh ở đây hoàn toàn chấp thật, khi nào kiến tánh thì bệnh chấp thật hết phải không?

Đáp: Phải!

Hỏi: Có ý dùng tham thiền để trị bệnh mới, nhưng lại càng mới nhiều. Xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Quên bệnh thì mới hết bệnh, vì nhớ hoài thì bệnh càng nhiều. Đó gọi là tâm tạo.

Hỏi: Khi đề khởi câu thoại đầu, dùng tâm biết để kích động nghi tình, có lúc lạc vào bình yên. Vậy như thế nào?

Đáp: Vậy là biết, chứ chẳng phải không biết; nếu không biết làm sao biết bình yên! Nói dùng tâm kích thích là biết, không biết làm sao dùng tâm kích thích! Cứ hỏi và nhìn song song giữ nghi tình (không hiểu không biết) là được, không cần dùng tâm gì hết.

Hỏi: Tâm không thì chứa tất cả và hư không chứa tất cả vật. Vậy có 2 tánh khác biệt, xin Sư Phụ từ bi khai thị?

Đáp: Không gian tức là tâm, vì tâm cùng khắp không gian thời gian. Cho nên, nói “Tất cả đều do tâm tạo”, không phải tâm và không gian khác nhau; nếu có khác thì không gọi là bất nhị, bất nhị là không có khác. Giáo Môn nói “Tâm, Phật, chúng sanh không khác biệt”, tất cả vũ trụ vạn vật đều không khác biệt; mà phát xuất từ nguồn gốc là tâm, lại là vật do tâm hiện ra. Tâm trống rỗng vô sở hữu, không gian thời gian cũng là trống rỗng vô sở hữu. Cho nên, ngài Long thọ dùng hư không vô sở hữu để diễn tả tâm. Hư không vô sở hữu là tâm, nói hư không bao trùm là nhị; tức tâm là tâm, hư không là hư không.

Hỏi: Nói “nhất thiết duy tâm tạo”, sao còn nói “Niết Bàn diệu tâm”. Con không hiểu chỗ này?

Đáp: “Diệu” là bất khả tư nghì, kinh nói “diệu” là không dùng bộ óc để biết được. Tâm trống rỗng vô sở hữu không thể suy nghĩ đến. Cho nên, nói là diệu tâm. Niết Bàn là cùng khắp thời gian, không sanh diệt thì diệu tâm cũng không sanh diệt. Diệu tâm là bản tánh của tất cả chúng sanh.

Hỏi: Tham thiền như thế nào cho đúng, để khởi bị tẩu hỏa nhập ma?

Đáp: Vì họ có ngã chấp, nên có sở cầu, sở đắc, sở sợ; vì vậy họ bị nhập ma. Tổ Sư thiên phá ngã chấp là vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ; cho nên không bao giờ bị tẩu hỏa nhập ma. Nếu có cái ta mà cầu thì ma thừa dịp đó mới nhập, mình muốn đắc thì ma liền hiện cái ấy để vào, cái sợ cũng vậy.

Hỏi: Tại sao hành giả tu Tịnh Độ hay lạc thiên?

Đáp: Vì họ không phá Tổ Sư thiên, ngã chấp của họ rất nặng.

Hỏi: Tâm trống rỗng vô sở hữu là mình không ham tài vật danh lợi phải không?

Đáp: Không phải! Hư không trống rỗng nên cô mới quý được, nếu không có chỗ trống làm sao để quý? Lo tài vật là tâm không trống rỗng, nếu buông bỏ thì tâm cũng không trống rỗng. Trống rỗng thì lấy cái gì để buông bỏ? Tâm trống rỗng thì làm ăn cứ làm ăn. Như cái nhà có trống rỗng không?

-Có trống rỗng.

-Vậy là hiểu rồi. Nếu không ham danh lợi thì đã không trống rỗng, vậy có ai để ham danh lợi! Có này có kia thì không phải trống rỗng, trống rỗng chẳng có vật gì hết.

Hỏi: Chơn lý là do các tôn giáo bày đặt ra, vậy có phải là giả lý không?

Đáp: Không phải! Chấp chơn là bệnh nhẹ, chấp giả thì bệnh nặng; tức là cho giả là thật giả bệnh nặng hơn chấp chơn là thật chơn. Chơn lý là người ta ngồi thiền ngộ được, rồi tự mình làm giáo chủ cái gì mình đã ngộ, chứ không phải bày đặt ra. Phật Thích Ca là ngộ bản tâm, không thể lập bản tâm làm chơn lý. Vì bản tâm là chơn lý, nếu lập chơn lý là 2 chơn lý.

Ngoại đạo kiến lập chơn lý ngoài bản tâm. Phật Thích Ca nói: “Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài tâm chẳng có Phật”, cho nên nói “vạn pháp duy tâm”. Chơn còn không kiến lập, làm sao kiến lập giả? Như cái bình này người ta làm giả là có cái chơn. Chơn không thành lập thì giả cũng không thể thành lập.

Hỏi: Thế nào tu đúng đường lối Tổ Sư thiên?

Đáp: Thoại là lời nói, đầu là đầu tiên lời nói; tức là chưa khởi niệm muốn nói là thoái đầu. Nếu đã khởi niệm muốn nói, tuy chưa nói ra miệng cũng là thoái vi (đuôi), không phải thoái đầu. Tham là dùng một câu thoái để hỏi, như hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” thì nổi lên niệm không hiểu không biết; khán là nhìn chỗ không biết, xem chỗ không biết là gì; nhưng chỗ không biết thì không có chỗ, nên không có mục tiêu để nhìn; nhìn mãi không thấy gì còn không biết, Thiên tông gọi là nghi tình. Hỏi và nhìn song song, hỏi để kích thích niệm không biết, nhìn là kéo dài niệm không biết.

Hỏi: Đến thoái đầu thì câu thoái ra sao?

Đáp: Đến thoái đầu thì câu thoái tự mất, còn cái nghi có thể vài phút sau kiến tánh, hay vài ngày sau hoặc trong một tháng sẽ kiến tánh.

Hỏi: Linh hồn có đồng với tâm tánh không?

Đáp: Linh hồn là người ta bày đặt ra, kỳ thật Phật Giáo không nhìn nhận linh hồn, mà nói là thần thức, một tâm có 8 thức. Các tôn giáo khác nhìn nhận linh hồn.

Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân là tiền ngũ thức; ý thức là thức thứ 6, thức thứ 7 là mạng na thức, thức thứ 8 là a lại da thức. Mỗi thức đều có nhiệm vụ của thức đó. Phật giáo có tông Duy Thức chuyên hoằng Duy Thức.

Tôi nói nhắm mắt chiêm bao và mở mắt chiêm bao là giảng theo Duy Thức. Nhắm

mắt chiêm bao là độc đầu ý thức biến hiện, mở mắt chiêm bao là đồng thời ý thức biến hiện.

Hỏi: Tham thiền còn biết cái không biết chăng?

Đáp: Bây giờ tham thiền còn biết cái không biết, đến thoạt đầu thì không còn biết cái không biết. Vì mình còn có suy nghĩ, tánh lâu đời là tìm hiểu, ghi nhớ. Đến thoạt đầu thì 3 cái biết này chấm dứt, còn có nghi tình là không hiểu không biết. Cuối cùng sát na lia ý thức thì cái không biết cũng tan rã, lúc đó biết và không biết sạch hết; biết của tự tánh hiện lên, gọi là kiến tánh thành Phật.

Hỏi: Trạng thái con hình như bật hết ý thức, vậy hỏi câu thoạt để kích thích phải là vọng không?

Đáp: Nói kích thích là đề diễn tả, hỏi câu thoạt là tự nhiên kích thích. Ngài Lai Quả nói: “Chơn tham gọi là vô tham”, vô tham không phải là không có tham, luôn cả tham thiền không biết mình đang tham thiền. Bây giờ, biết mình đang tham thiền, nên chưa đạt đến chỗ chơn tham. Vì vậy, hành giả muốn hiểu thiền hiểu đạo cũng không cho.

Hỏi: Lúc đi hương và tọa hương, con không biết gì nữa. Vậy thế nào?

Đáp: Nếu biết không biết gì nữa thì lọt cái biết, lúc không biết thì thời gian qua rất nhanh. Như ngài Hư Vân nhập định nửa tháng, có người hỏi: Ngài nhập định bao lâu? Ngài đáp: Chỉ có chốc lát. Ngài Huệ Trì nhập định hơn 700 năm, ngài cũng nói chốc lát. Lúc không biết thì không biết có thời gian, còn bây giờ biết thì không phải.

-Lúc đó con không biết, khi đánh chuông thì biết mình đang ngồi thiền?

-Không còn biết đó gọi là định, nhưng tham Tổ Sư thiền luôn luôn phải có hỏi và nhìn để giữ nghi tình, giữ được nghi tình thì hoàn toàn không biết.

Hỏi: Không biết của người đề câu thoạt đầu khởi nghi tình thì đúng phương pháp tu. Nhưng cái không biết không nghe, một lúc giật mình biết là vô ký không chăng?

Đáp: Không phải nhất định là vô ký không, mới tập tham thiền giữ được nghi tình thì tự nhiên không biết; nhưng cái không biết này là do hỏi và nhìn. Vô ký không là không có vọng tưởng và không có nghi tình. Hỏi và nhìn thoạt đầu đang tiến hành mà không biết, tức là giữ được nghi tình. Ánh sáng mặt trời không bao giờ ngưng chiếu, cũng như cái biết của chúng sanh không bao giờ ngưng biết.

-Nếu cái không biết đó khi mình sứt tỉnh, thấy còn đang đề câu thoạt có nghi tình thì thật sự không biết của nghi tình phải không?

-Phải rồi!

Hỏi: Phật tánh chúng sanh sẵn sàng cùng khắp hư không, sao kinh Kim Cang nói “vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”?

Đáp: Tâm trống rỗng vô sở hữu thì không có chỗ để trụ; cho nên nói “lấy vô trụ làm gốc”, vì trống rỗng nên dung nạp và ứng dụng. Sanh kỳ tâm là dụng, trống rỗng là vô sở hữu; tức là tánh không, không là hiện bày cái dụng.

Muốn dùng thì phải có cái không, như cái tách này bít hết là cái tách chết nên không dùng được, vì có cái không (trống rỗng) mới dùng được. Các vị đang ngồi, nếu không có khoảng trống thì không thể ngồi. Cho nên cái dụng của tâm hiện ra là vô sở trụ. Vô sở trụ không có kiến lập nên gọi là vô thi vô sanh, kiến lập thì có sở hữu nên dụng bị chướng ngại.

Ví dụ cái tay là tự tánh hoạt bát vạn năng, muốn lấy cái gì cũng được. Nếu có sở trụ như tay cầm nón thì hoạt bát vạn năng của tay bị mất, nên lấy cái gì nữa không được. Tham Tổ Sư thiên dùng nghi tình là cây chổi automatic quét sạch cái biết của bộ óc được trống rỗng, nên dụng tự tánh hiện ra.

Tay cầm vật là pháp có, nếu không cầm vật và tự làm nắm tay là pháp không thì mất hết dụng hoạt bát vạn năng của tay, muốn lấy vật gì cũng không được. Cho nên, cần phải buông nắm tay khôi phục lại cái dụng hoạt bát vạn năng của tay.

Vì vậy, nói “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, sanh kỳ tâm là cái dụng của tâm hiện ra, nhưng hiện ra là từ chỗ vô trụ. Lục Tổ nói: “Lấy vô trụ làm gốc”, Duy Ma Cật nói: “Từ gốc vô trụ lập tất cả pháp”, tức là từ gốc vô trụ dụng nạp và ứng dụng.

Hỏi: Khi ngồi có một khoảng không hiểu không biết, có 2 trường hợp: Lọt vào vô ký không và định. Làm sao biết được định hay vô ký không?

Đáp: Khi giữ được nghi tình thì không biết, nếu muốn biết vô ký không là biết, biết định cũng là biết. Cho nên, không được móng tâm biết định hay vô ký không, giữ được nghi tình là định.

-Các vị nhập định một thời gian dài là các vị muốn như vậy phải không?

-Không phải! Vọng tưởng hết không còn nổi lên thì được vào định, đó là tự nhiên.

-Khi nào hết định thì tự nhiên hết, vị ấy cũng không biết phải không?

-Xuất định là có xuất nhập, đại định không có xuất nhập, như đang nói chuyện cũng định. Lục Tổ nói: “Cầm đao kiếm ra trận cũng định”, định này không xuất nhập gọi là Na Già định.

Hỏi: Hành như phong, tọa như chung, lập như tùng, ngọa như cung. Vậy ngọa như cung là như thế nào?

Đáp: Theo sinh lý của mình phải nằm nghiêng qua bên mặt, đầu đến chân co lại giống như cái cung, tay mặt lót dưới đầu làm gối, tay trái để xuôi trên hông trái. Ngọa (nằm) như cung là giống tượng Phật nhập Niết bàn. Theo nằm như vậy thì phổi không bị đè, có ích cho sức khỏe hơn nằm ngửa hay nằm bên trái.

-Các vị ở rừng núi, nếu nằm nghiêng bên mặt thì cọp sư tử không thể làm hại, vậy đúng không?

-Không phải vậy! Cọp sư tử không làm hại là người ấy không có nhân đó thì không bị cái quả. Những người có thiên định nên sức của tâm mạnh, tự nhiên sức tâm yếu của sư tử cọp không dám lại gần.

Hỏi: Dạy cho con giảm được nghiệp khổ?

Đáp: Tham Tổ Sư thiên là dùng không hiểu không biết (nghi tình) để tu, thì dễ định không bị ngoại cảnh quấy phá, như thấy đẹp không biết đẹp nên không ham thích, thấy xấu không biết xấu nên không chê bai. Vì vậy, buồn vui yêu ghét tự nhiên chấm dứt. Được định thì sức tâm mạnh nên cọp beo đều phải sợ. Tâm lực mình mạnh đối diện người tâm lực yếu, ý niệm yếu chịu theo ý niệm mạnh. Cho nên, người tham thiên có sức của tâm tăng thì sửa được nghiệp.

Những người có tiền vượt biên trên biển bị chết đói, có tiền do có thiện nghiệp, chết là do có ác nghiệp. Hai nghiệp không thể trừ với nhau, cho nên họ có tiền cũng bị chết đói. Theo có tiền thì không thể chết đói, nhưng có chỗ, tiền cũng không dùng được. Vì vậy, cũng phải bị chết đói.

Ví dụ tạo nghiệp chết đói là 1 độ, tham thiền có tâm lực từ 1 độ lên đến 10 độ; nên nghiệp chết đói lui lại sau, cái quả của nghiệp 10 độ đến trước. Nếu không tham thiền thì tâm lực 10 độ hết dần còn 1 độ, nghiệp chết đói cũng phải hiện ra. Từ 10 độ mà tham thiền có sức tâm 1.000 độ thành Phật thì nghiệp chết đói 1 độ không có cơ hội đến, nhưng thành Phật là cứu độ chúng sanh, tức trước kia làm cho họ bị chết đói thì họ được ưu tiên độ trước, nên nghiệp mới tiêu (tự mình sửa lại nghiệp mình).

Cho nên, tham Tô Sư thiền mới sửa được nghiệp. Như hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?”, cảm thấy không biết, rồi nhìn chỗ không biết thì không có chỗ nhìn, nên thấy trống rỗng không có gì, vẫn còn không biết. Nếu giữ không biết miên mật thì đến thoát đầu sẽ kiến tánh thành Phật.

Hỏi: Nhiều năm niệm lục tự Di Đà được không?

Đáp: Được, vì dùng tâm biết thì dễ bị ngoại cảnh lôi kéo, thế nào cũng có chuyện buồn vui yêu ghét, nên sức của tâm không được mạnh. Cho nên, mấy chục năm không thấy gì là vậy.

Hỏi: Con chỉ hỏi “về đâu” và nhìn ngay đó, mà không hỏi nguyên câu được không?

Đáp: Không được! Phải hỏi nguyên câu, nếu bỏ đoạn trên thì dễ ra đáp án. Như chỉ hỏi “Ta là gì?”, bỏ “khi chưa có trời đất” cũng có nghi tình, nhưng dễ có đáp án. Ta là đàn ông, ta là đàn bà, ta là người,... Khi chưa có trời đất thì khó biết được, cho nên không được bỏ đoạn trên.

Hỏi: Tham thiền lúc nào cũng phải giữ nghi tình cho miên mật và nhờ có tánh không nên mình ngồi đây, mà tánh không là tâm; nhưng trong đầu mang nghi tình, làm sao có tánh không được?

Đáp: Nghi tình là không biết tức trống rỗng, chính người hỏi câu đó lấy nghi tình làm một vật gì, thành ra không có trống rỗng.

Ngày 14 – 7 đến 20 – 7 – Đinh Sửu (97).

Hỏi: Không sanh tử sao lại có nhân quả?

Đáp: Nhân quả ở trong chiêm bao, nếu lia khỏi chiêm bao thì nhân quả trong chiêm bao cũng không còn.

-Chiêm bao không thật, sao lại có nhân quả?

-Không phải không có chiêm bao, nhưng việc chiêm bao không thật.

-Bom nguyên tử nổ tung trái đất. Vậy ai trả nhân quả?

-Bom nguyên tử nổ tung trái đất, vũ trụ sụp hết; nhưng tâm mình vẫn y nguyên.

Hỏi: Không sanh khởi, sao lại có người?

Đáp: Vì có tâm chấp nên mới có, nếu không có tâm chấp thì trống rỗng vô sở hữu. Tại mình kiến lập sở hữu như tiền, nhà, đất,... đều của tôi. Nhà chưa có quyền sở hữu thì phải lo giấy tờ để có quyền sở hữu.

Hỏi: Ý thức với tự tánh giống nhau hay khác?

Đáp: Tự tánh không phải tự tánh, tự tánh thì phải là ý thức.

-Hỏi câu thoát, sao ý thức không chết?

-Kiến tánh thì lia ý thức là ý thức mới mất. Nếu không kiến tánh thì ý thức hoạt động bình thường, rồi theo nghiệp có thể đầu thai thành heo, chó,...

-Vọng tưởng không thật, sao có vọng tưởng?

-Vì kiến lập mới có.

-Tánh không, sao lại có chiêm bao?

-Vô sở hữu (trống rỗng) cũng là tánh không.

-Mọi người đều có thần thông trí huệ bằng chư Phật, vậy lúc nào dùng ra được?

-Khi nào sở hữu không còn nữa thì thần thông trí huệ tự nhiên hiện lên.

-Sao có vô thường?

-Chấp vô thường là thật thì bệnh nặng hơn chấp thường. Chấp thường là thường kiến ngoại đạo, chấp vô thường là đoạn kiến ngoại đạo.

Hỏi: Tâm niệm phát xuất từ đâu? Tâm này là cái gì?

Đáp: Tâm niệm phát xuất từ tâm, tâm là cái gì thì phải kiến tánh mới biết được; nhưng mình đang dùng. Ngài Long Thọ ví dụ hư không vô sở hữu cho tâm của ông, vô sở hữu là trống rỗng dung nạp và ứng dụng. Tâm của ông trống rỗng, Phật pháp gọi là tánh không; mặt trăng, mặt trời, đất đai, nhà cửa,... đều ở trong vô sở hữu này.

Có vô sở hữu nên có chỗ cho ông quý, ông hỏi tôi đáp cũng phải nhờ vô sở hữu này; ông nhìn thấy tôi, tôi nhìn thấy ông cũng phải nhờ vô sở hữu này; cuộc sống hằng ngày nói năng tiếp khách đều nhờ vô sở hữu này, tức là ông đang ứng dụng mà chẳng tự biết.

Sát na lia ý thức thì tâm toàn diện hiện lên khắp không gian thời gian. Khắp không gian không có khứ lai, nên gọi là Như Lai; khắp thời gian không gián đoạn, nên gọi là Niết Bàn; tâm mình có tánh giác ngộ, nên gọi là Phật tánh. Tất cả danh từ đều diễn tả sức dụng của tâm, tuy nói muôn ngàn danh từ sai biệt; nhưng bản thể của tâm trống rỗng vô sở hữu không có khác biệt.

Hỏi: Thế nào cội nguồn chân thật của tự tánh?

Đáp: Chỗ trống rỗng vô sở hữu là tâm ông, cũng là nguồn gốc chân thật, là tự tánh, Phật tánh, trí Bát Nhã, vô duyên tri, chánh biến tri, Bồ Đề, Niết Bàn, giải thoát, vô trụ,... Vì trống rỗng nên không có chỗ để trụ, gọi là vô trụ; vì trống rỗng nên không có trói buộc, gọi là giải thoát.

Hỏi: Không biết luật, nhân duyên,... làm sao tu biết mình có tự tánh?

Đáp: Thực hành hỏi và nhìn song song thì sau này sẽ tự biết, không thể nói cho biết được. Nếu nói được thì Phật Thích Ca nói cho mình biết thì khỏi tu. Vì không nói được, nên Phật Thích Ca nói “49 năm thuyết pháp, tôi chưa từng nói một chữ” và “ai nói Phật có thuyết pháp, người ấy phi báng Phật”.

Hỏi: Cư sĩ tham thiền có bị bùa yểm không?

Đáp: Minh có tạo nhân mới có quả, nếu không tạo nhân thì không có quả. Tạo nhân ác nên có quả khổ, tạo nhân thiện thì có quả phúc. Vậy không có tạo nhân làm sao sợ trừ yểm!

Hỏi: Vô sở trụ làm sao có thân này?

Đáp: Thân này có là do nghiệp của ông tạo ra, không những thân người, mà sau này có thể tạo thân chó, thân heo,... Nếu còn ăn thịt heo, gà thì sau này phải đầu thai heo gà để cho người ta ăn lại. Đó là nhân quả.

Hỏi: Hỏi câu thoại là quyết tâm tìm ra đáp án. Vậy có đúng không?

Đáp: Tìm ra đáp án là sai lầm, vì tìm ra là dùng bộ óc tìm hiểu thì nghịch với Tổ Sư thiên. Tham thiền là dùng nghi tình chấm dứt tìm hiểu, cần giữ niệm không hiểu không biết (nghi tình); hỏi câu thoại là kích thích niệm không hiểu không biết, muôn ngàn câu thoại chỉ là đề khởi lên niệm không hiểu không biết.

Hỏi: Hỏi câu thoại là để cho tâm mình không phóng bậy phải không?

Đáp: Hỏi câu thoại để kích thích lên niệm không hiểu không biết, thì không biết phóng bậy hay không phóng bậy. Nếu giữ được không biết thì tâm không phóng bậy. Dùng cái biết thì tâm có thể phóng bậy.

-Vậy cần để tìm hiểu trả lời không?

-Không cho tìm hiểu, sao còn hiểu! Tham thiền là không biết để chấm dứt tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết. Hỏi và nhìn để kéo dài nghi tình, đến thoại đầu thì hoàn toàn không còn niệm nào; rồi tiến thêm một bước, biết và không biết của bộ óc đều sạch; biết của Phật tánh hiện lên khắp không gian thời gian, gọi là kiến tánh thành Phật. Biết cùng khắp không gian không có khứ lai, nên gọi là Như Lai; khắp thời gian không gián đoạn, nên gọi là Niết Bàn; vì trống rỗng không có chỗ để trụ, nên gọi là vô trụ; vì có tánh giác ngộ, nên gọi là Phật tánh.

Hỏi: Thế nào đi và ngồi trong Thiền đường?

Đáp: Ngày xưa chưa có đồng hồ, nên khi ngồi đốt cây hương; cháy hết cây hương lại đốt cây hương khác để đi, cứ như thế thay phiên ngồi và đi để tham thiền. Cho nên, ngồi gọi là tọa hương, đi gọi là đi hương. Tọa hương và đi hương là điều chỉnh sức khỏe thân thể. Vì ngồi đến tê chân rồi phải đi, đi tới mỏi chân nên phải ngồi; chứ không phải tham thiền cần ngồi cần đi! Điều kiện cần nhất là giữ nghi tình được kéo dài.

Nếu giữ được không hiểu không biết thì ngoại cảnh không lôi kéo. Dùng cái biết để tu thì dễ bị ngoại cảnh lôi kéo, vì biết tốt xấu nên có tâm khen chê. Cho nên, dùng cái không biết để tu để đưa đến kiến tánh thành Phật. Vì vậy, gọi là pháp thiền trực tiếp. Dùng cái biết để tu là pháp thiền gián tiếp.

Hỏi: Người chưa biết tu còn mê chấp, người biết tu còn mê chấp không?

Đáp: Mê chấp là tập khí từ lâu đời, cũng gọi là thói quen; theo Phật pháp gọi là tập khí phiền não, rất khó dứt. Có khi người xuất gia làm tội địa ngục, mà tự mình không biết. Vì ham tài lợi trước mắt để xây dựng bản ngã cho mình. Như kinh nói:

Một hạt gạo của Thí chủ,
Lớn bằng núi Tu Di.
Nếu không tu giải thoát,
Mang lông đội sừng trả.

Họ biết nhưng không tin, chỉ biết đồng tiền; có nhiều chùng nào tốt chùng nấy, lại không tu giải thoát.

Lục Tổ nói có 4 loại người:

Thân xuất gia mà tâm tại gia.
Tâm xuất gia mà thân tại gia.

Thân và tâm đều tại gia.
Thân và tâm đều xuất gia.

Nếu cư sĩ thân tại gia mà tâm xuất gia, thì tốt hơn những người thân xuất gia mà tâm tại gia.

Hỏi: Không biết nhân duyên gì, từ khi con gặp Sư Phụ lại có lòng tin và mọi người câu hội về Chùa Tam Bảo cùng thương nhau; tất cả đều muốn thành Phật, nhưng sự tu của chúng con không được bao nhiêu. Nếu chúng con giữ tâm đó mãi cho đến ngày nào được giải thoát không?

Đáp: Thầy giúp cho mọi người được thành Phật thì sau này Thầy sẽ thành Phật, vì đã tạo nhân thành Phật. Tuy mình tu Pháp xuất thế gian, nhưng ở nhà chiêm bao thì ăn mặc, ở làm việc đều trong chiêm bao. Nhưng làm việc cho đúng, như thu chi trong Thiền đường phải rõ ràng mới duy trì lâu dài, người hộ pháp được an tâm.

-Con nguyện theo lời Sư phụ dạy, từ đây trở về sau, con không dám gì hết. Nếu có ai xin một cục đất, con cũng phải trình hỏi Sư phụ.

-Không phải vậy! Năm nay, tôi 75 tuổi rồi, nay mai tôi chết cũng không biết; tôi muốn Chùa Tam Bảo là Đạo tràng Thiền tông, dầu cho ông chết hay tôi chết vẫn còn tiếp tục.

Hỏi: Tự tứ là gì?

Đáp: Giải tự tứ có kiến, văn, nghi. Sau kiết hạ 3 tháng, mỗi người ra trước Đại chúng tự kiểm thảo, nếu tự mình không biết phạm giới hay không phạm giới thì ra hỏi “3 tháng đây, có ai thấy, nghe, nghi tôi phạm giới không? Nếu có thì xin xử tội tôi” trong Đại chúng có người biết bạn mình phạm giới mà không cử tội thì người ấy cũng đồng phạm tội như người phạm giới. Cho nên, người ở trong Tăng đoàn khó phạm giới, nếu có phạm cũng rất ít; vì thường coi với nhau.

Hỏi: Di Quang gặp Đại Huệ liền nghi, nhưng qua một thời gian không ngộ. Di Quang hỏi Đại Huệ: Tại sao đến chỗ này con không ngộ, vậy bệnh chỗ nào?

Đại Huệ nói: Bệnh của ông thì thầy thuốc cũng bó tay, vì người chết không thể sống lại, còn ông sống thì không thể chết.

Xin Sư phụ khai thị chỗ này?

Đáp: Muốn chết phải dùng nghi tình chấm dứt tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết; chỉ còn nghi tình mới ngộ được; tức là không bị nhục thân này và ý thức của bộ óc hạn chế. Sát na lìa khỏi ý thức thì luôn cả không biết cũng tan rã; lúc đó biết và không biết sạch hết thì biết của tự tánh hiện lên, gọi là kiến tánh thành Phật. Đó gọi là sống lại (tuyệt hậu tái tô), chết ý thức phân biệt, sống lại bản thể. Bản tri là không có đối đãi tri và bất tri, không thể kiến lập tri; vì cái tri đã sẵn, như ánh sáng mặt trời có từ hồi nào.

Có người hỏi tôi: Đến thoại đầu gần kiến tánh, có phải sắp biết phải không?

Tôi nói: Không phải! Vì cái biết của bản tâm đâu có ngưng mà nói sắp biết! Như ánh sáng mặt trời: Trời gần sáng mặt trời sắp chiếu phải không? Không phải! Ánh sáng mặt trời không bao giờ ngưng chiếu, sao nói là sắp chiếu? Nếu ánh sáng có ngưng chiếu thì nói sắp chiếu mới đúng. Không thấy mặt trời chiếu là bị che khuất bởi mây đen hay quả đất.

Cái biết của mình bị che khuất là do kiến lập sở hữu, sở hữu nhiều chùng nào thì bị che khuất nhiều chùng nấy; tức là tự mình che khuất. Nếu có kiến lập thì có sanh (bất

đầu). Cho nên, người chứng quả là ngộ pháp vô sanh, cũng gọi là chứng vô sanh pháp nhãn.

Hỏi: Thời gian sau, Đại Huệ nói với Di Quang: Ông ăn xong rồi rửa bát hãy nói một câu?

Di Quang nói: Nứt bể.

Đại Huệ nạt Di Quang: Ông còn thiền sao!

Ngay đó Di Quang ngộ.

Xin Sư phụ khai thị?

Đáp: Vì có tâm kiến lập, nên có “nứt bể” và còn chấp có Thiền. Vì vậy, Thiền Tông không cho hiểu thiền hiểu đạo.

Hỏi: Đại Huệ hỏi Di Quang: “Ông chết không biết sống lại”. Vậy yếu chỉ chỗ đó như thế nào?

Đáp: Chết là chết của bộ óc, sống lại là hiện lên bản tri (vô duyên tri, trí Bát Nhã). Di Quang còn dùng bộ óc tìm hiểu nên chưa chết, chứ không chấm dứt tìm hiểu, suy nghĩ, ghi nhớ của bộ óc.

Hỏi: Chúng con đến Thiền đường, ai cũng muốn kiến tánh; sao không được có tâm chờ ngộ?

Đáp: Có đi thì có đến, không đi thì không đến; đi nhanh thì mau đến, đi chậm thì lâu đến. Như muốn đi Sài Gòn, có đi sẽ đến bằng phương tiện xe hơi, xe gắn máy, xe đạp, đi bộ. Đã đi khỏi cần nói rồi sẽ đến, khỏi cần chờ đợi cũng đến. Nếu không đi mà nói “tôi muốn đi Sài Gòn”, làm sao đến được?

Tham thiền có tâm chờ ngộ là kiến lập thành chướng ngại. Vì bản tâm vốn vô sở hữu, tức là không có chỗ trụ thì dụng của tâm hoạt bát vạn năng. Dầu cho có ngộ cũng không được cái ngộ triệt để, cho nên Thiền Tông nói “ngộ rồi đồng như chưa ngộ”. Nếu còn ôm cái ngộ thì chưa phải là thật ngộ, vì có ngộ nên có mê để đối đãi; người triệt ngộ thì hết mê nên không còn ngộ. Có tin tự tâm thì mới hiện ra tự tâm, nhưng phải có đi, đi là giữ nghi tình.

Hỏi: Ngày xưa, Tổ dùng chuyển ngữ hay hoạt cú. Vậy, ngày nay với ngày xưa có khác không?

Đáp: Ngày xưa và ngày nay không khác, ngày nay không có người kiến tánh nên không nói được chuyển ngữ. Người kiến tánh mới nói được chuyển ngữ, tức là lời nói không có chỗ trụ, không bị gì làm chướng ngại. Thiền Sư nói: “chết rồi thiêu xong có nhiều xá lợi không bằng nói ra một chuyển ngữ”. Có nhiều xá lợi chưa phải là kiến tánh.

Hoạt cú thì người kiến tánh mới sử dụng được, còn người chưa kiến tánh nói tới đâu trụ tới đó, gọi là tử ngữ, chứ không phải hoạt ngữ. Vì nói có chấp thật có, nói không chấp thật không. Nhiều người lọt vào biên kiến mà tự mình không biết, như cho tất cả là huyền hóa thì lọt vào biên kiến.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “phi huyền còn không được, huống là pháp huyền”. Huyền và phi huyền là tương đối, tức là chẳng có huyền chân thật để kiến lập. Chấp chơn, chấp huyền, chấp vọng, chấp giả đều là biên kiến. Chấp thật chơn thì bệnh dễ trị, chấp thật vọng là bệnh nặng khó trị.

Như chấp thật giả thì bệnh nặng khó trị, vì chấp thật giả là chơn lý. Không thể kiến lập, nếu có kiến lập là có bắt đầu. Pháp của Phật Thích Ca là Pháp bản trụ, vốn không có sự bắt đầu và không có sự sanh khởi. Nếu có sự sanh khởi thì phải có cuối cùng, có

sanh phải có diệt là ở trong tương đối. Người ngộ đạo là ngộ pháp vô sanh, chứng vô sanh pháp nhãn.

Vô sở hữu thì trống rỗng không có bắt đầu, không có sanh khởi. Bất cứ kiến lập cái gì hay kiến lập Phật cũng lọt vào biên kiến. Phật là giác ngộ, nếu chấp vào Phật thì còn mê, vì có mê nên mới có ngộ. Cho nên, kinh Viên Giác nói: “Nếu chấp ngộ chấp chứng thì lọt vào ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng” là tứ tướng của bậc thánh còn chướng ngại vi tế, gọi là mê trí tứ tướng. Tứ tướng của phàm phu là mê thức.

Hỏi: Người tôn giáo khác đến gặp Tổ Sư Thiền rồi tu, có phải phản bội tôn giáo mình không?

Đáp: Không phải! Thật tế, Phật giáo không phải một tôn giáo, là giáo dục bao gồm tất cả; không những nhân loại mà luôn cả chúng sanh đều bao gồm. Nhân loại chỉ một phần của chúng sanh. Trong nhân loại có đủ thứ tôn giáo, tà ma ngoại đạo, công thương kỹ nghệ, không thiếu sót một cái nào. Vì Phật nói tất cả chúng sanh bình đẳng Phật tánh, Phật pháp muốn hiển bày tâm của mọi chúng sanh.

Ngài Long Thọ nói “Tâm như hư không vô sở hữu dung nạp và ứng dụng”. Tất cả tôn giáo cũng nhờ vô sở hữu dung nạp và ứng dụng, cho đến tất cả chúng sanh không có cái nào ở ngoài vô sở hữu này. Phật giáo không phân biệt tôn giáo, vì Phật Thích Ca là giáo dục. Do người ta cho Phật giáo là tôn giáo, bản chất không phải một tôn giáo.

Hỏi: Việc cầu siêu cầu đảo có thật không?

Đáp: Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiền nói: “Vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”. Phàm chánh pháp phải phá ngã chấp, nếu cầu được thì phá hoại nhân quả; tức là không làm nhân mà được quả. Nhân quả là tạo thiện nhân được quả tốt, tạo ác nhân chịu quả khổ. Nếu cầu được thì tạo ác cũng không sao! Cũng khỏi cần tu hành.

Hỏi: Ngài Lai Quả phạm qui cũ bị đánh hương băng. Việc ấy thế nào?

Đáp: Cảnh giới này là Ngài đến chân tham.

Hỏi: Đòi thượng sư có Phật Thích Ca chứng ngộ, sau này có ai giác ngộ không?

Đáp: Các vị kiến tánh trong lịch sử Thiền tông Trung Hoa ghi 7.000 Tổ, có tên họ đàng hoàng.

-Nói có, nói không là thế nào?

-Nói có là thường kiến ngoại đạo, nói không là đoạn kiến ngoại đạo; tức là nói có và không đều không đúng. Phật pháp không thiên về một bên có hoặc không, nên gọi là bất nhị, nhị là tương đối.

-Phim Tây Du Ký là như thế nào?

-Tác giả của Tây Du Ký là Ngô Thừa Ân theo Đạo giáo phỉ báng Phật giáo. Tác giả tiểu thuyết Phong Thần để công kích Đạo giáo. Nếu mình tin vào Tây Du Ký thì cũng liên lụy đến tội địa ngục.

Hỏi: Tác ý và tạo tác giống nhau không?

Đáp: Tác ý là ý thức khởi niệm lên, tạo tác là đã làm. Như tác ý là nổi niệm lên muốn ăn cắp trái tắc, nhưng chưa ăn cắp; tạo tác là lấy trái tắc rời chỗ.

-Tác ý có nhân quả không?

-Nếu thọ giới Bồ Tát tác ý thì phạm giới, giới Thịnh văn làm rồi mới phạm. Như thọ giới Bồ Tát khởi ý niệm lấy thì phạm giới, giới Thịnh văn là lấy vật rời khỏi chỗ thì phạm giới. Nhưng thọ nhân quả có khởi tâm là phạm.

Hỏi: Tại sao Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả?

Đáp: Vì tạo nhân thì quả sẽ có. Chúng sanh tạo ác nhân để cho mình được lợi ích phát tài, lúc quả đến thì sợ. Bồ Tát sợ nhân nên không tạo nhân thì không có quả.

Hỏi: Phật tử theo những người tự xưng là đạo Phật, rồi cho các vị ấy là Phật sống hay là Quan Thế Âm để dạy người khác mê lầm. Như vậy chánh đạo hay là tà đạo?

Đáp: Những người gắn băng hiệu Phật giáo, mà hành theo ngoại đạo thì phải bị tội địa ngục. Như giới luật nhà Phật nói “Chưa chứng mà nói chúng bị tội ba la di, nếu nói một lần chịu chín triệu năm địa ngục”. Các vị đã chứng quả Bồ Tát cũng không xưng là Vô Thượng Sư, vì trên Bồ Tát còn có quả vị cao hơn.

Hỏi: Tham thiền là chấm dứt tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết. Khi đề câu thoại khởi nghi tình, ngay lúc đó dù tác ý hay không tác ý thì cũng lọt vào ghi nhớ biết nghi tình. Xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Không phải vậy ! Nếu giữ được nghi tình thì không hiểu không biết. Nổi lên cái biết thì có thể tìm hiểu. Vì không biết nên không nổi lên tìm hiểu, tự động chấm dứt cái biết. Khởi lên suy nghĩ là biết đang suy nghĩ thì không phải nghi tình. Nổi lên nói mình có trí nhớ là biết, nên không phải tham thiền. Tham thiền là không có trí nhớ hay không có trí nhớ đều không biết thì gọi là nghi tình. Như ông cho nhớ hay quên là sai lầm, nếu giữ được nghi tình thì quên hết tất cả, chưa quên hết tất cả là công phu còn cạn.

Hỏi: Ngài Lai Quả nói “Tham thiền và vọng tưởng không phải là hai, đề câu thoại đầu lên thì thấy không có vọng tưởng”. Vậy nhớ câu thoại đầu để hỏi thì có phải ghi nhớ biết không?

Đáp: Phải rồi ! Vì ngài Lai Quả muốn giải thích, mới dùng lời nói của thế gian. Như tôi muốn giải thích, cũng phải dùng chỗ không biết. Vì không có mục tiêu để nhìn, nên tôi dùng phương tiện là nhìn chỗ đen tối. Nhưng nhìn chỗ đen tối là không đúng, chỉ là phương tiện tạm thời để cho họ được vào cửa, mới dùng đen tối để thí dụ cho chỗ không biết. Tất cả lời của chư Phật chư Tổ là phương tiện tạm thời.

Hỏi: Khởi câu thoại vĩ có thể lọt vào pháp tạo tác không? Và tin tự tâm chưa đầy đủ làm sao dụng công?

Đáp: Thoại đầu là chưa khởi niệm muốn nói câu thoại, mục đích muốn đến thoại đầu; tuy chưa đến thoại đầu, nhưng cũng gọi là tham thoại đầu.

Tham là hỏi, khán là nhìn; hỏi để kích thích lên một niệm không hiểu không biết, hỏi không phải tạo tác. Đó là đường lối thực hành để đến thoại đầu (chỗ hoàn toàn không tạo tác). Vì mình hay tạo tác, nên Phật dạy đường lối chấm dứt tạo tác. Do có tạo nên có thành, phải có hoại là không phải pháp bản trụ (bản lai diện mục).

-Nếu nói tất cả mình đầy đủ, vậy mình khởi ăn cơm. Đầy đủ rồi cần ăn cơm mặc áo chỉ nữa! Vì mặc áo ăn cơm là tạo tác. Nếu vậy thì Phật tánh lại có gián đoạn?

-Phật tánh không gián đoạn, tại mình hạn chế; tuy hạn chế làm che khuất, nhưng Phật tánh không bao giờ gián đoạn.

Có người hỏi: Nếu dùng không biết để tu đến thoại đầu thì sắp kiến tánh là sắp biết phải không?

Tôi nói: Không thể nói sắp biết, vì cái biết là pháp bản trụ (vốn sẵn có), không có bắt đầu gọi là vô thi (vô sanh). Do sanh nên có bắt đầu thì tạo tác, tạo tác phải có kiến lập. Cái biết vốn sẵn có, làm sao nói là sắp biết? Nếu sắp biết thì đã có ngưng, nên không cùng khắp thời gian không gian.

Như trời gần sáng, mặt trời sắp chiếu phải không? Không phải. Vì mặt trời đâu có ngưng chiếu, sao nói là sắp chiếu! Như cái biết của mình đâu có ngưng biết mà nói là sắp biết? Vì không thấy mặt trời chiếu là do bị mây đen và trái đất che khuất.

Hỏi: Thế nào dụng công ít phí sức?

Đáp: Tham Tổ Sư thiền ít phí sức chừng nào tốt chừng nấy, giữ nghi tình như sợi chỉ được kéo dài; đừng tập trung tinh thần, không cần cố gắng; tập trung tinh thần cố gắng là phí sức. Nếu hỏi một lần, rồi cách một hồi hỏi nữa thì có kẽ hở mà vọng tưởng nổi lên. Phải hỏi khít khít thì vọng tưởng không thể nổi lên, gọi là miên mật. Chỉ cần nghi tình miên mật một chút là đủ.

Hỏi: “Ngoài dứt các duyên, trong không nghĩ tưởng”, dụng công như vậy có thể vào đạo không?

Đáp: Đó là lời chư Phật chư Tổ dạy làm phương tiện tạm thời, không phải người nào cũng vậy; Tổ dạy mỗi người có khác. Trong lịch sử Thiền tông có nhiều trường hợp này, như có người hỏi thì Tổ trả lời thế này; người khác hỏi thì Tổ trả lời thế kia. Vì không có pháp nhất định, nên gọi là Phật pháp; tức là Phật pháp tùy duyên, Giáo môn gọi là tùy duyên bất biến.

Nếu dùng ngôn ngữ để diễn tả thì không phải thật tế. Như câu trên diễn tả cho tâm là không đúng thật tế. Vì thật tế tâm là vô sở hữu, do vô sở hữu nên gọi là tánh không. Nhờ tánh không, nên nhà cửa, núi sông, đất đai,... đều ở trong đó dung nạp và ứng dụng. Bản thể vô sở hữu đâu thể nói là vách tường hay cái gì!

Có người hỏi ngài Long Thọ: Tại sao không nói hư không quảng đại vô biên dung nạp tất cả vật, mà nói hư không vô sở hữu dung nạp tất cả vật?

Ngài Long Thọ nói: Hư không vô sở hữu là không có hư không, nhưng lại dung nạp và ứng dụng. Đã biết không có hư không sao còn nói quảng đại? Vì có kiến lập khái niệm rồi nói quảng đại. Tất cả không thể kiến lập, nên nói là vô thi vô sanh. Nếu có kiến lập thì không phải thật tế, không phải pháp bản trụ sẵn có.

Cho nên, dùng ý thức phân biệt để tìm hiểu nhiều thì càng xa cho sự kiến tánh. Vì vậy, cần phải chấm dứt tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết. Các nhà bác học có thực nghiệm cũng biết được. Tu có định lực cao thì phân biệt bớt, định lực thấp thì phân biệt nhiều. Các nhà bác học qua sự nghiên cứu phát hiện người lâm chung, thấy hành vi cuộc đời của người ấy hiện trong một sát na, mỗi chi tiết đều hiện ra một lượt, tuy tiếp xúc một lần cũng hiện đầy đủ.

Hỏi: Khi niệm câu thoại vãng và hỏi câu thoại cũng là thoại vãng. Vậy như thế nào?

Đáp: Hỏi và nhìn là lia thoại vãng, nhưng chưa đến thoại đầu, mà đang đi ở giữa đường. Ví dụ cây viết cho ý thức, đầu trên cây viết là thoại đầu, đầu dưới cây viết là thoại vãng. Ý thức gồm có 2 mặt: Dùng cái biết để tu, gọi là tu Như Lai thiền; dùng không biết để tu, gọi là tu Tổ Sư thiền. Cuối cùng hai pháp tu đều đến thoại đầu.

Đến thoại đầu là đường đi ý thức hết thì tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết đều chấm dứt; nhưng còn không hiểu không biết (nghi tình), chỗ này gọi là vô thi vô minh (đầu sào trăm thước, nguồn gốc ý thức). Nghi tình cũng là một mặt của ý thức nên còn dính líu với ý thức. Sát Na từ đầu sào trăm thước tiến lên một bước là lia khỏi ý thức thì được kiến tánh thành Phật.

Sát na lia ý thức thì biết và không biết của bộ óc, cái biết chánh biến tri hiện lên khắp không gian thời gian; ngài Vĩnh Gia gọi là vô duyên tri, Giáo môn gọi là trí Bát nhã, chánh biến tri cũng là cái biết của bản thể. Cái biết này không gián đoạn, như vừa rồi tôi nói là không thể sắp biết, vì không có ngưng biết.

Người ta cho rằng dùng cái biết mới tu được, nhưng dùng cái biết để tu dễ bị ngoại cảnh lôi kéo. Tại sao? Vì gặp tốt thì sanh lòng tham thích, thấy xấu thì chê bai. Nếu dùng không biết để tu thì tốt đẹp cũng không biết nên không ham thích, gặp xấu thì không biết nên không chê bai. Cho nên dễ đến thoái đầu, vì vậy gọi là pháp thiên trực tiếp.

Nếu tìm hiểu để đáp án câu thoái là sai lầm, hay dùng ý thức phân biệt cho là trí khôn, vọng tưởng, nghi tình, đó là dùng cái biết chứ không dùng cái không biết. Khi thực hành tham thiền, nếu hiểu thiền hiểu đạo còn không cho, hướng chỉ hiểu cái khác! Vì hiểu là biết, tham thiền là cần cái không hiểu không biết.

Hỏi: Tu thiền voga, khi ngồi họ bay lên, vậy có giống Tổ Sư Thiền không?

Đáp: Tổ Sư Thiền không có những cái đó, những cái đó giống như tà ma ngoại đạo.

-Có những câu chuyện như thần giao cách cảm?

-Bài hồi sáng là tôi chỉ để tăng cường lòng tin tự tâm cùng khắp không gian thời gian. Nhưng người phát hiện cũng có người cao người thấp, không phải bản thể của tâm. Vì họ có thiên định nên sức tâm mạnh thì phân biệt ít, được tầng số cao. Nếu họ có tầng số thấp thì phân biệt nhiều. Phân biệt theo Phật pháp gọi là thức, còn trí thì không phân biệt.

Hỏi: Thế nào căn bản của Tổ Sư Thiền?

Đáp: Tham thiền là mục đích giải thoát tất cả khổ, mọi người đều được làm chủ cho mình; không bị người khác chi phối, không bị ngoại cảnh chi phối; mới được tự do tự tại thì không ỷ lại người khác, tự làm chủ cho mình thì phải biết mình là cái gì. Nếu không biết mình là cái gì thì sao làm chủ mình được! Tham thiền để biết chính mình là gì, giải thoát tất cả khổ vĩnh viễn, muôn ngàn kiếp sau không trở lại nữa. Muốn giải thoát tất cả khổ phải thực hành tham thiền, hỏi câu thoái là kích thích niệm không hiểu không biết.

-Tôi hỏi ông: Khi chưa có trời đất ông là gì?

-Ông ấy đáp: Không biết.

-Khán là nhìn chỗ không biết, muốn xem chỗ không biết đó là gì; chỗ không biết thì không có chỗ, nên không có mục tiêu để nhìn; vẫn còn không biết, Thiền tông gọi là nghi tình. Hành giả tham thiền hỏi và nhìn đồng thời song song để giữ nghi tình, đưa hành giả đến thoái đầu sẽ kiến tánh thành Phật là giác ngộ chính mình, được làm chủ cho mình.

Hỏi: Nhìn chỗ không mục tiêu, vậy không biết nhìn chỗ nào?

Đáp: Nếu nhìn không thấy gì thì cứ nhìn mãi, nhìn không có mục tiêu mới đúng; còn nhìn có mục tiêu là sai lầm, vì đường lối của Phật Thích Ca là vậy. Ban đầu tôi dùng phương tiện là nhìn chỗ đen tối, nhưng không phải chỗ đen tối. Nhìn chỗ đen tối tạm thời, nhưng người ta chấp đen tối là mục tiêu; như vậy đã kiến lập đen tối, tức là có sáng rồi mới có tối. Tự tánh bất nhị không có tương đối luôn cả cái biết cũng không thể kiến lập.

Có người hỏi: Tu đến thoái đầu thì sắp biết phải không?

Tôi nói: Đầu thể nói là sắp biết! Cái biết đó sẵn sàng thì sao nói là sắp biết? Cái biết

ây đâu có ngưng biết mà nói sắp biết. Như ánh sáng mặt trời đâu có ngưng chiếu mà nói sắp chiếu! Vì vậy tôi nói chấm dứt tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết. Mặc dù, chưa đến thoại đầu, nhưng cũng có ích lợi.

Hỏi: Thoại đầu là gì?

Đáp: Thoại là lời nói, đầu là đầu tiên lời nói; tức là khi chưa khởi niệm muốn nói gọi là thoại đầu. Nếu khởi niệm muốn nói, tuy chưa nói ra miệng là thoại vĩ (đuôi), không hiểu không biết là nghi tình, chứ không phải thoại đầu; nhưng nhờ nghi tình mới đưa đến thoại đầu.

Niệm thoại đầu là không đúng, phải hỏi câu thoại. Nếu niệm là pháp môn khác, không phải pháp môn Tổ Sư Thiên.

-Vậy lấy chi để nhớ?

-Không cho nhớ, quên là tiến bộ. Quên hết tất cả là tốt, mục đích chấm dứt cái nhớ. Học để ứng dụng vô sở hữu, vô sở hữu là không bị hạn chế.

Hỏi: Thế nào là công án?

Đáp: Công án là để cho người tham thiền thành linh được ngộ, nếu không ngộ thì không hiểu phải phát nghi rồi đến ngộ. Vì nghi là nhân, ngộ là quả; còn ngộ rồi thì hết nghi, tức không còn gì để nghi nữa, là tất cả vũ trụ đều biết hết.

-Công án và thoại đầu có khác không?

-Không khác, công án phức tạp hơn thoại đầu. Nhưng người ta thường tham công án chữ “vô” của Triệu Châu.

Tăng hỏi Triệu Châu: Con chó có Phật tánh không?

Triệu Châu đáp: Có.

Tăng khác hỏi: Con chó có Phật tánh không?

Triệu Châu đáp: Không.

Theo người ta biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tại sao Triệu Châu nói không? Không lẽ Triệu Châu là một Thiền sư danh tiếng mà lại nói sai!

-Nếu hiểu công án rồi thì sao?

-Hiểu rồi thì đã ngộ, ngộ là tất cả đều biết, khỏi cần hỏi tôi nữa. Mặt trăng, mặt trời, ... đều biết, không chỗ nào không biết, không lúc nào không biết.

-Con hiểu theo ý con thì thế nào?

-Hiểu theo ý cô là ngu, tức chưa lìa ý thức. Ý thức cần phải chấm dứt. Theo bộ óc của cô thì ngủ mê, chết giấc, chết rồi đều không biết; ngộ triệt để thì ngủ mê, chết giấc, chết rồi đều biết.

-Có người giải thích như thế này, có người hỏi Triệu Châu: Con chó có Phật tánh không?

Triệu Châu đáp: Có.

Đáp có là phá chấp không của người hỏi.

Người khác hỏi Triệu Châu: Con chó có Phật tánh không?

Triệu Châu đáp: Không.

Đáp không là phá chấp có của người hỏi. Như vậy có phải không?

-Nếu kinh thì giải thích như vậy là đúng, công án không thể giải thích; nếu giải thích công án là nghịch với ý Tổ cũng là phi báng Tổ có tội địa ngục. Vì giải thích thì hết nghi, không đúng với thực tế. Mục đích tham thiền là chấm dứt hiểu biết, tại sao còn giải thích?

Hỏi: Công phu có cái biết không phải bộ não, đôi lúc không liên tục, lời nói lập lại gián đoạn, vọng tưởng không thông suốt. Xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Cái biết sẵn sàng không thể kiến lập, có kiến lập là hai rồi. Thiền Tông gọi là trên đầu mọc thêm đầu, vì có một cái đầu đủ dùng, nên phải mời Bác sĩ cắt bỏ, mới khôi phục lại cái đầu sẵn có. Như cái biết đã sẵn có, không thể kiến lập cái biết khác; nếu kiến lập cái biết thì phải có không biết để đối đãi, vì Phật tánh bất nhị không có đối đãi.

Tại sao dùng không hiểu không biết để chấm dứt tất cả biết của bộ óc? Vì một người chỉ có một cái biết, không thể có hai cái biết. Nếu cái biết của bộ óc hiện hành thì cái biết Phật tánh không thể hiện lên. Cho nên, phải dẹp hết cái biết của bộ óc thì cái biết Phật tánh mới hiện lên.

Ví dụ mặt mũi mình chỉ có một, khi bệnh thì hiện ra xanh vàng ốm yếu; nên tướng mạnh không thể hiện ra, khi nào trị hết bệnh thì tướng mạnh hồng hào hiện ra. Như cái biết Phật tánh hiện lên là tướng mạnh, bây giờ tướng mạnh không hiện là do tướng bệnh bộ óc che khuất. Nếu dùng tướng bệnh để tìm tướng mạnh thì không thể được.

Hỏi: “Bên ngoài lia tướng là thiên.” Vậy lia tướng là gì?

Đáp: Đó là phương tiện của Tổ, Phật Thích Ca có giải thích 4 tướng: Ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Có chia ra làm 2 loại: Mê thức tứ tướng của phàm phu và mê trí tứ tướng của bậc thánh.

Tại sao mê trí tứ tướng của bậc thánh? Vì ôm cái ngộ cho là ta, tức là phá ngũ uẩn ngã là ta; lại ôm sở ngộ sở chứng là ta, cuối cùng ôm Niết Bàn là ta chứng. Cái ngã vì tế vẫn còn thay thế cái ngã ngũ uẩn, nên còn có thọ giả tướng; kinh Viên Giác gọi là thọ mạng tướng (mạng căn chưa cắt đứt). Thiền Tông khi ngộ triệt để thì mạng căn cắt đứt, không còn cái gì là ta.

Nhiều người nghe nói mạng căn đứt thì sợ vì mất cái ta. Nhưng nhà bác học Tây phương có định lực cao cũng phát hiện điều đó, có thể chứng tỏ vạn pháp duy tâm. Mình chưa kiến tánh thì thấy tướng và tánh khác nhau nhưng kiến tánh thì không phân biệt tướng và tánh. Cho nên, Phật tánh hiện lên gọi là thật tướng, thật tướng là vô tướng tức không có 4 tướng này.

Hỏi: Người kiến tánh thì cái biết của bộ óc đều xóa hết, nếu chưa kiến tánh thì những hiểu biết của bộ óc đều mang theo. Vậy có đúng không?

Đáp: Chưa kiến tánh thì phải nói vậy, kiến tánh rồi không có chết và sống. Như Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Vô lão tử”. Vì mình chấp sanh tử, nên có diễn tả những việc trước khi chết. Nếu không có sanh tử thì sao có chuyện trước khi chết hay sau khi chết! Chấp có sanh tử nên bị hạn chế trong ngũ giác quan, không gian và thời gian.

Thực tế không có khái niệm không gian và thời gian. Do mình kiến lập không gian thời gian nên bị không gian thời gian hạn chế. Đến chừng kiến tánh triệt để thì không gian thời gian đều tiêu diệt. Như nhà khoa học phát hiện tốc độ ánh sáng cao nhất, nhưng tâm lực của mình sẵn có; nếu đem so với tốc độ ánh sáng thì tốc độ ánh sáng là thấp nhất.

Tốc độ ánh sáng đi 1 giây 300.000 km, nhà khoa học tính ánh sáng mặt trời đi đến địa cầu mất 8 ngày. Tốc độ ánh sáng đi một năm gọi là một quang niên. Ví dụ ánh sáng từ mặt trời đến một hành tinh khác 1000 năm, thì sức của tâm mình chỉ khởi lên một niệm là đến; hay ánh sáng đi 10.000 năm đến thì tâm mình cũng khởi lên một niệm là đến.

Cho nên, biết sức của tâm không bị không gian hạn chế. Nhà bác học cũng phát hiện được điểm này, vì họ có tâm niệm cao; còn mình cũng có tâm niệm, nhưng lại yếu hơn.

Hỏi: Tự tánh đã sẵn có cái biết, Hòa Thượng dạy cái không biết chấm dứt cái biết là thế nào?

Đáp: Vì kiến lập biết thì có không biết để đối đãi, không thể kiến lập cái biết; nhưng không phải là không biết. Do không có đối đãi nên có vô duyên tri. Như bài kệ của ngài Vĩnh Gia:

Tay không cầm như ý,
Chẳng tự làm nắm tay.
Không phải là không tay,
Vì tay vẫn an nhiên.
Không đồng như sừng thỏ.

Tay vẫn an nhiên thì hoạt bát vạn năng, muốn lấy cái gì cũng được. Muốn hoạt bát vạn năng thì tay không cầm như ý. Cho nên, ngài Vĩnh Gia dùng cái tay ví dụ rất dễ hiểu, nếu chỉ dùng lời nói thì mọi người không thể hiểu. Hiểu được ý này thì hiểu được câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”.

Hỏi: Chỗ nhìn không có chỗ để nhìn, nên không đặt nặng chỗ nhìn; vì vậy hỏi câu thoại cảm thấy không biết thì con đề lên liên tục. Xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Không được! Hỏi và nhìn đồng thời song song, có nhìn mới giữ được không biết kéo dài thì được đến thoại đầu. Nếu không có nhìn mà hỏi thì có thắc mắc, ngưng hỏi lại không có thắc mắc; hay vừa hỏi thì không biết, rồi cái biết nổi lên; lúc biết lúc không biết cứ nổi lên hoài, rồi tự mình không hay. Vì tâm niệm mình thay đổi từng sát na. Nhìn vào chỗ không thấy gì cứ nhìn mới đúng, nếu nhìn thấy có gì thì không đúng.

-Con nhìn một thời gian thì câu thoại cũng mất, không biết mình có tham thiền hay không?

-Thì cứ hỏi và nhìn tiếp tục nữa, nếu vậy sẽ mau đến chân tham; chân tham là có tham, nhưng không biết mình đang tham thiền.

-Chỗ nhìn không biết thì con quên hỏi câu thoại đầu, nên có vọng tưởng nổi lên.

-Nếu vậy, hãy đề lại nữa. Như ngài Lai Quả có lần ngưng tham thiền 2 ngày rồi sau mới đề lại. Phải hỏi và nhìn song song, đến thoại đầu thì câu thoại tự mất, muốn hỏi câu thoại cũng không được.

Hỏi: Câu thoại đầu là một ý niệm, nhưng ý niệm này không thể tìm; một thời gian có nghi tình và vỡ ra thì câu thoại đầu tự mất, cho nên ý niệm tiêu. Vậy có phải không?

Đáp: Không phải! Câu thoại là kích thích niệm không biết. Nếu không hỏi câu thoại thì niệm không biết chẳng thể nổi lên. Cho nên phải hỏi và nhìn song song.

-Thiền Thất Khai Thị Lục nói “Không cho ông buông ý niệm” là thế nào?

-Chính không biết là ý niệm, chư Phật chư Tổ sợ người ta chấp theo lời nói. Như A Nan nói tâm ở trong thân thì Phật nói chẳng phải, A Nan nói tâm ở ngoài thân thì Phật nói chẳng phải, A Nan nói tâm ở giữa thì Phật nói cũng chẳng phải, A Nan nói tâm đến 7 chỗ thì Phật nói chẳng phải. Nhưng cái chẳng phải của Phật cũng không đúng, nếu y lời chẳng phải của Phật là sai lầm.

Vì tâm cùng khắp không gian, nếu không ở trong, ở ngoài, ở giữa làm sao có cùng khắp? Phật rất sợ người ta chấp lời nói của Phật, vì vậy Phật nói: “49 năm thuyết pháp, tôi chưa từng nói một chữ” và “ai nói Phật có thuyết pháp là người ấy phi báng Phật”.

Hỏi: Trước kia con đã tu thiền khác, bây giờ muốn tham Tổ Sư thiền. Vậy phải làm thế nào?

Đáp: Thiền là tông danh, Phật dạy các pháp môn đều lấy thiền làm căn bản. Như người tu Tịnh Độ tưởng là không có thiền, nhưng Tịnh Độ cũng có thiền. Các thiền kia đều khác Tổ Sư thiền, Tổ Sư thiền là do Phật Thích Ca truyền cho Ma Ha Ca Diếp, rồi truyền cho A Nan, A Nan truyền cho Thương Na Hòa Tu, từ Tổ từ Tổ truyền xuống đến Tổ thứ 28 là Bồ Đề Đạt Ma.

Tổ Bồ Đề Đạt Ma sang Trung Quốc làm Sơ Tổ, rồi truyền cho Nhị Tổ là Huệ Khả, Tam Tổ là Tăng Xán, Tứ Tổ là Đạo Tín, Ngũ Tổ là Hoàng Nhẫn, Lục Tổ là Huệ Năng.

Lục Tổ là người không biết chữ, mà nổi tiếng khắp thế giới; sức dụng của các Tổ biết chữ không bằng. Pháp Bảo Đàn Kinh được dịch ra truyền khắp thế giới.

Các chùa tu Tịnh Độ nhưng lại thờ Tổ Đạt Ma (Tổ Thiền tông). Không những Phật pháp có thiền, tà ma ngoại đạo cũng đều có thiền. Không biết bà nói tu thiền gì? Còn tôi hoàng dương Tổ Sư thiền, do các Tổ sư từ đời từ đời truyền xuống.

Chỉ có Tổ Sư thiền mới gọi là Thiền tông, còn các thiền khác không gọi là Thiền tông. Tịnh Độ tông cũng có thiền, Thiên Thai tông có chỉ quán thiền, Hiền Thủ tông có pháp giới quán thiền, Duy Thức tông có duy thức quán thiền; mỗi tông mỗi phái đều có thiền riêng biệt của tông phái đó.

Nhưng các thiền kia đều dùng cái biết để tu, gọi là Như Lai thiền; dùng không biết để tu, gọi là Tổ Sư thiền. Tổ Sư thiền rất giản dị chỉ hỏi câu thoại và nhìn thoại đầu.

-Tôi hỏi cô: Khi chưa có trời đất cô là cái gì?

-Không biết.

-Không biết là đúng rồi, hỏi câu thoại là kích thích niệm không hiểu không biết; khán thoại đầu là nhìn chỗ niệm không biết, muốn xem chỗ không biết là gì; tuy nói chỗ không biết nhưng không có chỗ, nên không có mục tiêu để nhìn, nhìn mãi không thấy gì vẫn còn không biết, Thiền tông gọi là nghi tình.

Chỉ cần hỏi và nhìn song song để giữ nghi tình được kéo dài, đưa hành giả đến thoại đầu; sẽ được kiến tánh thành Phật, khi ấy chỗ nào cũng biết và lúc nào cũng biết. Cái biết bộ óc không cùng khắp thời gian thì ngủ mê, chết giấc, chết rồi đều không biết. Cái biết Phật tánh thì ngủ mê, chết giấc, chết rồi đều biết.

Chỗ nào cũng biết gọi là cùng khắp không gian, lúc nào cũng biết là cùng khắp thời gian. Đó là sức dụng của tâm và sức dụng tâm cô cũng đầy đủ tất cả.

-Tôi hỏi cô: Tin có Phật tánh không?

-Có.

-Phật tánh có thể giảm bớt không?

-Con không biết được.

-Nếu Phật tánh giảm bớt thì không được gọi là Phật tánh, vì Phật tánh vĩnh viễn không sanh diệt; nếu Phật tánh giảm bớt thì có ngày phải hết nên bị sanh diệt, nên

thành Phật cũng vô dụng. Tin mình có Phật tánh thì phải biết Phật tánh không thể giảm bớt. Phật tánh không gián đoạn, nếu gián đoạn cũng bị sanh diệt.

Cho nên, kiến tánh là lia khỏi luân hồi, Phật tánh không thể giảm bớt thì năng lực mọi người bằng Phật Thích Ca. Nếu năng lực kém hơn Phật một chút thì có giảm bớt. Muốn ngộ chỉ có hỏi và nhìn, hỏi câu thoại để kích thích một niệm không biết; nhìn chỗ không biết là để kéo dài niệm không biết, rồi sẽ đưa đến thoại đầu; từ thoại đầu tiến thêm một bước là lia khỏi ý thức, luôn cả không biết cũng tan rã. Lúc ấy, biết và không biết của bộ óc đều sạch hết, thì biết Phật tánh hiện lên khắp không gian thời gian.

Thực hành như hỏi câu thoại “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Cảm thấy không biết, rồi nhìn chỗ không biết; hỏi và nhìn song song, không có trước sau; hỏi không gián đoạn, nhìn cũng không gián đoạn; hỏi không phải dùng miệng hỏi, dùng tâm hỏi thầm; nhìn không phải dùng mắt nhìn, mà dùng tâm nhìn thầm.

Hỏi: Có phải giới luật đều trong công phu?

Đáp: Khi thọ giới phải giữ giới của mình thọ. Giữ giới có 3 cấp:

-Giới phổ thông là mỗi nửa tháng bố tát có tụng giới, trước khi tụng giới có kiểm thảo. Tăng chúng họp mặt lại cử một người làm chủ tịch hỏi: “Nửa tháng nay có ai phạm giới không? Nếu có thì ra trước đại chúng phát lồ sám hối”.

Vì sám hối là diệt tội, hỏi 3 lần chẳng ai lên tiếng thì biết mọi người đều giữ giới thanh tịnh, nên bắt đầu tụng giới. Nếu mình biết người bạn phạm giới không ra chúng sám hối, phải ra chúng cử tội người đó. Mình không cử tội người đó, sau này người khác phát giác thì mình và bạn mình đều cùng một tội.

Như phạm ba la di là bị địa ngục 9 triệu năm, người che dấu cũng phải bị địa ngục 9 triệu năm. Ngày xưa truyền giới của các giới đều trong ngày bố tát. Ngày tự tứ là mỗi Tăng chúng ra trước đại chúng tự kiểm thảo và hỏi “ai có thấy, nghe, nghi tôi phạm giới không? Nếu các vị biết thì xin ra chúng cử tội tôi”.

-Thiền giới là mình ở trong thiền định thì không phạm giới. Trong ngày đêm 24 giờ nếu có giây phút không thiền định thì có thể giây phút đó phạm giới.

-Đạo cộng giới là đã đắc đạo thì tự nhiên không phạm giới.

Bất cứ pháp môn nào cũng lấy giới làm căn bản, tu thiền cũng phải giữ giới, vì mình không thể thiền định luôn 24/24.

Hỏi: Tại sao Sư Phụ chỉ đưa ra 5 câu thoại đầu để tham?

Đáp: 5 câu thoại đầu này là của chư Tổ, tôi chỉ chọn 5 câu để tham; nhưng câu thoại đầu rất nhiều, nếu tự mình có cái nghi thì tốt hơn.

-Có thắc mắc, tại sao con có mặt ở cõi Ta Bà và chết đi về đâu?

-Nếu tự mình thắc mắc như vậy thì tự nghi việc ấy tốt hơn.

-Vậy ông trời ở đâu sanh?

-Phật đã nói tất cả là vô thi, tức là không có bắt đầu làm sao có tạo thiên lập địa? Cho nên, người chứng quả ngộ pháp vô sanh. Các nhà khoa học có đề ra 2 câu hỏi: Vũ trụ có bắt đầu chăng? Và con gà có trước hay trứng gà có trước? Điều không giải quyết được. Tại sao? Vì con gà có trước không được, vì không có trứng gà thì không thể ấp ra con gà. Trứng gà có trước cũng không được, tại không có con gà thì không đẻ ra trứng gà. Cho nên, Phật nói không có bắt đầu.

Nhà khoa học tìm bắt đầu của vũ trụ, theo Phật gọi là ngu si; vì không có bắt đầu, mà tìm sự bắt đầu. Như bây giờ cô có cái nghi đó là kiếp trước đã tham thiền, cũng là con cháu của Thiên tông, nếu tham thiền mau kết quả. Kinh Pháp Hoa nói: “Người nữ có 5 thứ chướng ngại”, nhưng sự thật không phải vậy. Chính kinh Pháp hoa nói: “Long nữ 8 tuổi thành Phật” và tôi có đề ra cô họ Trịnh 13 tuổi, cô họ Tô 15 tuổi đều kiến tánh.

Hỏi: Thế nào là tà ma ngoại đạo thiên?

Đáp: Thiên tà ma ngoại đạo là còn chấp ta, nên họ không bao giờ giải thoát được. Có nghi về cái ta thì dễ phá chấp cái ta, như nghi: Tại sao thành lập cái ta?

-Tham Tổ Sư thiên có còn thiên Tịnh Độ nữa không?

-Thiền Tịnh Độ là không tin tự tâm, Tịnh độ có 16 pháp thiền quán trong kinh Quán Vô Lượng Thọ là còn chấp thật. Tham Tổ Sư thiên là phá chấp thật. Đã biết thân cô là cha mẹ sanh, nhưng không thành lập cái ta được. Cho nên, mới nghi làm sao có ta? Tịnh Độ đã chấp cái ta thì không thể tham Tổ Sư thiên. Đến khi họ vãng sanh Tây Phương nhờ Phật A Di Đà dạy tham thiền, vì bây giờ không tin Tổ Sư thiên.

Hỏi: Nếu tu chưa đến kiến tánh, gặp nhiều chướng ngại bị sanh tử thì như thế nào?

Đáp: Cô đã có cái nghi về ta, nhưng qua 30 năm gặp những người chấp thật nói phải nhờ tha lực; nhưng đến nay gặp tôi mới biết cô có căn cơ tham thiền. Khi chánh nhân đã gieo thì chánh quả sẽ đến. Cho nên, kiếp này tham thiền chưa kiến tánh rồi chết thì kiếp sau tiếp tục tham.

Hỏi: Vọng tưởng nổi lên liền buông, có phải không còn vọng chướng?

Đáp: Vọng tưởng nổi lên mặc kệ, đừng biết tới; không có vọng tưởng cũng không biết, vì nghi tình là không biết. Biết có nghi tình không phải tham thiền, có vọng tưởng cứ hỏi và nhìn (giữ cái không biết được kéo dài) thì vọng tưởng tự mất. Đừng có tâm buông vọng tưởng hay dẹp vọng tưởng.

Hỏi: Người tu đã đạt đạo, khi bỏ xác thì thân thức đi về đâu?

Đáp: Không có đi về đâu, nếu có về đâu thì không cùng khắp không gian. Vì khắp không gian chỉ khởi lên một niệm là đến, mà ánh sáng đi có thể 1.000 năm mới đến. Còn chấp tâm nên không cùng khắp, chánh pháp là phá ngã chấp. Đường Lối Tục Hành Tham Tổ Sư Thiên có điều thứ nhất là “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ” để phá ngã chấp.

Hỏi: Người tu Tịnh Độ, nếu chưa được nhất tâm, khi bỏ xác có được hạ phẩm hạ sanh và đời nghiệp vãng sanh không?

Đáp: Tu Tịnh Độ phải đúng tông chỉ Tịnh Độ thì mới được vãng sanh. Nếu không đúng tông chỉ Tịnh Độ có xê xích một sợi tóc cũng không được vãng sanh. Ví dụ tổng đài là cái nguyện của Phật A Di Đà, radio nhỏ là cái nguyện của mình. Nếu mình vặn đúng tần số của tổng đài thì máy radio sẽ nhận được tổng đài phát ra, nếu vặn xê xích một chút thì không tương ứng với tổng đài. Cái nguyện mình cũng vậy, khế hợp với nguyện Phật A Di Đà thì mới tương ứng được vãng sanh. Nếu xê xích một chút thì không được tương ứng nên không được vãng sanh.

Hỏi: Yếu chỉ của Giáo môn như thế nào?

Đáp: Yếu chỉ của Giáo môn có ghi trong kinh chia ra làm tam thừa (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát). Cách tu của Giáo môn là tụng kinh và quán tưởng (tùy duyên

quán tướng). Lúc tụng kinh là tu, chứ không tụng suông; tụng đến đâu quán tưởng đến đó.

Ngài Đê Nhân của tông Thiên Thai (Pháp Hoa tông). Quán Tông tự của tông Thiên Thai ở tỉnh Triết Giang, Trung Quốc. Tăng chúng ở chùa đều phải có ba thời kinh, mỗi thời 2 giờ. Nếu chúng tăng tụng không đủ 2 giờ thì ngài quở làm biếng.

Theo kinh giáo thực hành thì chứng quả từng cấp bậc như: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng (50 cấp), đến Đăng Giác và Diệu Giác (tổng cộng là 52 cấp).

Hỏi:

**Các việc ác đừng làm,
Các điều thiện nên làm,
Để ý mình trong sạch,
Ấy là lời Phật dạy.**

Có phải tu theo Giáo môn không?

Đáp: Không những Giáo môn mà Thiên môn cũng vậy. Phật gần nhập Niết Bàn, A Nan hỏi Phật: Sau khi Phật nhập Niết Bàn, chúng con biết y chỉ với ai để làm thầy? Phật trả lời: Phải lấy giới luật làm thầy.

Tổng quát của giới luật là “các việc ác đừng làm, các điều thiện nên làm”. Các việc ác đừng làm là chỉ trì, các điều thiện nên làm tác trì. Giới luật gồm có: Tỳ kheo là 250 giới, Tỳ Kheo Ni là 348 giới, Sa Di và Sa Di Ni là 10 giới, giới Bồ Tát xuất gia có 10 giới trọng và 48 giới khinh, Bồ Tát tại gia có 6 giới trọng và 28 giới khinh. Phật đối với giới luật rất tỉ mỉ. Bây giờ thọ giới ở Việt Nam chỉ có 3 ngày, ở Trung Quốc 53 ngày rồi học giới Đường 3 năm (học giới luật).

Hỏi: Thế nào là tự tâm được trong sạch?

Đáp: Không có thiện ác là trong sạch, như Lục Tổ nói: “Có niệm, niệm là tà; không niệm, niệm là chánh. Tà chánh đều quét sạch, trong sạch đến cùng tột”. Nếu còn chánh niệm thì đối với tà niệm, tức là còn ôm cái niệm cũng chưa sạch đến cùng tột. Cho nên tà chánh đều quét sạch.

-Ngoài Giáo môn còn có con đường nào khác không?

-Ngoài Giáo môn còn có Tối thượng thừa là bất lập văn tự. Tất cả các ngữ lục như: Bá Trưng Ngữ Lục, Đại Huệ Ngữ Lục, Truyền Tâm Pháp Yếu, Pháp Bảo Đàn, Công Án Phật Thích Ca và Tổ Đạt Ma,...Người ta chỉ biết “niêm hoa thị chúng” của Phật Thích Ca, còn các công án khác không biết, tôi soạn ra từ trong kinh điển. Các Tổ sau này đều y theo niêm hoa thị chúng, mỗi mỗi có kiến lập; nhưng không trái với niêm hoa thị chúng.

-Con thấy mấy cái ấy chưa ra khỏi văn tự phải không?

-Lục Tổ nói: “Bất lập văn tự, chứ không phải phé bỏ văn tự”, tức là không chấp vào văn tự. Hai chữ “bất lập” cũng là văn tự vậy!

Hỏi: Xin sư phụ khai thị công án: Ăn một chén cháo cũng kiến tánh?

Đáp: Không phải ăn một chén cháo mà được kiến tánh. Theo giới luật thì Sa Di trở lên phải trì ngô. Ngài Lai Quả thấy cái nào có chướng ngại tham thiền thì ngài bỏ, cái nào có giúp ích cho tham thiền tuy không đúng giới luật nhưng ngài vẫn thực hành. Vì toạ hương và bào hương (chạy nhanh) thêm thời tiết lạnh nên buổi chiều ngài cho chúng Tăng ăn cháo để có sức tham thiền.

Trì ngộ giúp cho tu, nhưng ngài lai Quả không trì ngộ cũng giúp cho tu; mục đích cho tu để thành tựu, chứ không mỗi ngày ăn một chén cháo là tu! Phật pháp không có việc cố định (bất định pháp). Nếu ở miền nhiệt đới tu hành trì ngộ là tốt.

Hỏi: Chỉ là việc hôm nay che khuất mặt bốn lai là như thế nào?

Đáp: Việc ngày nay là hỏi và nhìn, sẽ đưa đến mặt bốn lai.

Hỏi: Xin sư phụ khai thị công án của Hương Nghiêm?

Đáp: Ngài Hương Nghiêm thông minh lanh lợi hiểu rất nhiều kinh sách. Nhưng ý lại thông minh của mình nên không được kiến tánh, bạn đồng tham nhiều người kiến tánh. Ngài Bá Trọng là thầy của Hương Nghiêm đã tịch, Quy Sơn là sư huynh đệ kiến tánh hỏi Hương Nghiêm: Tất cả trong kinh sách ông đều biết, vậy có biết mặt mũi bốn lai của ông như thế nào không?

-Hương Nghiêm xem lại kinh sách, nhưng không thấy để trả lời; tự thấy hổ thẹn, đem kinh sách đốt hết. Rồi hỏi Quy Sơn: Xin trả lời cho tôi?

-Quy Sơn nói: Nếu tôi nói trắng ra sau này ông sẽ chửi mắng tôi.

-Hương Nghiêm hỏi nhiều lần nhưng Quy Sơn không nói, rồi Hương Nghiêm từ giả mọi người đến quốc sư Huệ Trung cuộc đất trồng trọt sống qua ngày. Một hôm lượm miếng gỗ liệng ra trúng cây tre phát ra tiếng “cốc” thì ông liền ngộ, mới biết lòng từ bi của Quy Sơn không nói trắng ra để cho ông được ngộ. Nếu Quy Sơn nói thì ông không được ngộ.

Cho nên, Hương Nghiêm hướng về Quy Sơn đánh lễ và nói: Ân của thầy rất lớn.

Hỏi: Con thấy Sư Phụ có tình cảm riêng với thầy vừa rồi, thấy không công bằng; ông ấy chỉ hỏi câu “chỉ việc hôm nay che khuất mặt bốn lai”, nhưng Sư Phụ lại nói “hỏi và nhìn”. Nên con thấy có cái gì đó?

Đáp: Bây giờ, dấu cho người muốn ăn gậy cũng chưa đủ tư cách. Vì ông cứ dùng ý thức để phân biệt nên chưa hiểu được. Như Hương Nghiêm nói: Nhờ thầy không nói, nên con có việc ngày hôm nay.

Hỏi: Làm sao để phát khởi nghi tình mạnh?

Đáp: Hỏi là kích thích một niệm không hiểu không biết, như hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Cảm thấy không hiểu không biết; khán thoại đầu là nhìn chỗ không biết, muốn xem chỗ không biết đó là gì; chỗ không biết là không có chỗ, nên không có mục tiêu để nhìn; nhìn mãi không thấy gì vẫn còn không biết, Thiền tông gọi là nghi tình. Hỏi và nhìn song song đưa hành giả đến thoại đầu, sẽ kiến tánh thành Phật. Những người có nhìn thấy cái gì là sai lầm, không bao giờ kiến tánh. Cho nên, phải tự tham tự ngộ mới được, chứ dùng bộ óc để tìm hiểu là không đúng.

Hỏi: Thế nào đại nghi là đại ngộ?

Đáp: Không có tư tưởng chấp thật là đại nghi, còn có chút chấp thật là tiểu nghi.

Hỏi: Sau khi Hương Nghiêm ngộ thì trình kệ như thế nào?

Đáp: Khi Hương Nghiêm ngộ rồi, truyền đến Qui Sơn biết; Qui Sơn nói với Ngưỡng Sơn: Hương Nghiêm đã ngộ.

Ngưỡng Sơn nói: Chưa chắc!

Hương Nghiêm có làm bài kệ:

Năm xưa nghèo chưa phải là nghèo,
Năm nay nghèo mới thật là nghèo.

Năm xưa nghèo còn đất cắm dùi,
Năm nay nghèo, dùi, đất đều không.

Ngưỡng Sơn nói: Theo bài kệ này thì cho Hương Nghiêm ngộ Như Lai thiền, chứ Tổ Sư thiền thì chưa phải.

Rồi Ngưỡng Sơn hỏi Hương Nghiêm: Nghe nói sư đệ ngộ rồi, có gì để chứng tỏ?

Hương nghiêm làm bài kệ khác:

Ta có một cơ nháy mắt nhìn y,
Nếu mà chưa ngộ đừng gọi Sa Di.

Ngưỡng Sơn nói: Cung hỷ! Mừng cho sư đệ ngộ Tổ Sư thiền.

Bài kệ trước có thể dùng cho ý thức để giải thích, bài kệ sau không thể dùng ý thức để giải, tức là không có nghĩa lý.

Hỏi: Tại sao con mới ban đầu gặp Sư Phụ khai thị biết tu, nhưng về sau nghe Sư Phụ khai thị nhiều lại không biết tu?

Đáp: Vì cứ muốn biết muốn hiểu thì trái với Tổ Sư thiền là chấm dứt tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết. Tất cả hoạt động phân biệt của ý thức đều chấm dứt, cuối cùng chỉ còn nghi tình là không hiểu không biết.

Sát na lia khỏi ý thức thì không hiểu không biết cũng tan rã, lúc đó biết và không biết đều sạch hết thì biết của trí Bát Nhã hiện lên khắp không gian thời gian; tức là không chỗ nào không biết và không lúc nào không biết.

Bây giờ, muốn dùng ý thức để lãnh hội thì đối với sự kiến tánh càng xa.

Hỏi: Tâm niệm lực là gì?

Đáp: Tâm mà cô tin có sức mạnh gọi là tâm niệm lực. Nếu phát huy được tâm niệm lực, có thể một niệm thì quả đất này biến thành bụi; có sức mạnh nữa thì luôn cả mặt trăng mặt trời cũng biến thành bụi, có sức mạnh luôn cả vũ trụ cũng biến thành bụi. Đó là tâm niệm lực phát huy đến cùng tột.

Hỏi: Những người phát huy được tâm niệm lực, vậy có tu Tổ Sư thiền không?

Đáp: Hàm linh sâu bọ đều có tâm niệm lực; chó, mèo, chuột,... đều có tâm niệm lực, nhưng của nó yếu. Cây cỏ cũng có tâm niệm lực, bất quá sức yếu; không phải tu Tổ Sư thiền mới có!

-Những người ở phương Tây có tu không mà có sức đó?

-Những người đó có thiên định, nhưng không phải tu Tổ Sư thiền.

-Như vậy có kiến tánh chưa?

-Tu Tổ Sư thiền mới được kiến tánh, những người đó chưa kiến tánh; họ có thể có thần thông, cho đến con chồn cũng có thần thông.

-Vậy Sư Phụ cho tài liệu Tâm Niệm Lực để làm gì?

-Để tăng cường niềm tin tự tâm cho những người còn mê tín, giảm bớt tư tưởng mê tín. Những người tin tự tâm rồi không cần tài liệu ấy.

Hỏi: Tâm con được lắng động, vậy có coi là được tự do tự tại không?

Đáp: Tâm được thanh thanh tịnh tịnh, theo Tổ Sư thiền là chướng ngại. Nếu dùng cái biết để biết thanh tịnh là chướng ngại, tức là dùng tịch lặng làm sở tri; không có sở tri cũng bị chướng ngại, vì còn tương đối là tri và bất tri để đối đãi. Không phải là vô duyên tri không có đối đãi. Nếu tham thiền không dùng nghi tình, mà dùng cái biết để biết tịch lặng thì không phải tham thiền, tức nghịch tham thiền.

Hỏi: Làm thế nào hành giả tham thiền không lọt vào chỗ thanh thanh tịnh tịnh?

Đáp: Người chấp vào thanh tịnh thì lọt vào, nếu không chấp làm sao lọt vào! Chưa đến thanh tịnh thì không thể lọt vào. Chấp Phật thì lọt vào Phật, chấp Bồ Tát thì lọt vào Bồ Tát; chấp cái gì thì lọt vào cái đó.

Hỏi: Tham thiền thì thích, nhưng pháp lý không thích. Vậy có được không?

Đáp: Tu Tổ Sư thiền không có pháp lý, quét sạch tất cả pháp lý; không còn pháp lý thì đúng với bản tâm trống rỗng vô sở hữu.

-Có vị nói cần phải học Phật pháp mới tu được, vậy thế nào?

-Đó là Giáo môn, còn đây là Thiền môn; Thiền môn ở ngoài Giáo môn, Giáo môn phải có văn tự, Thiền môn bất lập văn tự.

-Khi con hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” vừa dứt câu, nhưng không biết câu sau là gì, đang thiền thỉnh thoảng lại có đếm một, hai, ba, bốn. Tại sao như vậy?

-Vì thói quen nhiều đời.

Hỏi: Con có ý niệm để thành Phật, rồi hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” hỏi liên tiếp. Vậy như thế nào?

Đáp: Như vậy, không có miên mật, cách một hỏi rồi lại hỏi thì có kẽ hở và trước tiên có ý niệm thành Phật là không đúng. Thoại đầu là không có ý niệm nào hết, nếu khởi lên ý niệm thì không phải thoại đầu. Ngoài nghi tình là không hiểu không biết thì không được khởi một ý niệm nào khác. Tuy nghi tình cũng là một ý niệm, nhưng ý niệm không biết của bộ óc để tự động quét sạch những ý niệm khác; không để ý niệm khác nổi lên, như chầm dứt tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết. Hỏi phải khít khít mới miên mật, hỏi và nhìn không gián đoạn. Dẫn cho nhìn miên mật mà cách hỏi không miên mật cũng không được.

Hỏi: Nhớ lại từ ngày con xuất gia có phát nhiều tâm: Phát tâm xuất gia, phát tâm học thiền gặp được Sư Phụ. Sau này, có những tâm ô nhiễm, bây giờ học được những gì Sư Phụ dạy và được thọ dụng. Con thấy có cái gì khởi ra, xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Đó là tập khí lâu đời thành thói quen bám chặt trong tâm, nếu muốn gỡ ra cũng rất khó; chỉ một cách là công phu miên mật, thì tập khí ấy tẩy sạch dần dần; nhưng tẩy sạch là tự động tẩy, không có ý muốn tẩy. Một sát na có thể có muôn ngàn ý niệm. Các nhà bác học dùng tâm niệm lực phát hiện được cuộc đời mấy mươi năm hiện trong một sát na, quá nhanh cũng là rất chậm. Như cuộc đời từ nhỏ đến lớn có những buồn vui yêu ghét, tiếp xúc muôn triệu ngàn người đều trong một sát na; mỗi mỗi phát hiện rõ ràng, nên nói rất chậm. Chứng tỏ sức của tâm khắp không gian thời gian, tức là siêu việt không gian thời gian.

Hỏi: Thích bình thường xấu xa, sao chỉ một thứ?

Đáp: Vì tâm trống rỗng vô sở hữu thì không có nhiều thứ, nếu có một thứ cũng không được; vì có kiến lập sở hữu. Một thứ tức là đồng (nhị), nhị mới có khác. Cái này đồng với cái kia, gọi là một thứ. Hương bãng này dài và hương bãng kia ngắn là khác. Phải có 2 cái trở lên mới có đồng có khác. Bản tâm bất nhị nên không có đồng có khác.

-Biết lời sư Phụ dạy là do một tâm và con thích bậy cũng từ tâm đó ra, không biết tại sao?

-Nếu thí dụ cái này với cái kia là nhị.

Hỏi: Thế nào là nhìn thoại đầu?

Đáp: Tham thoại đầu là hỏi câu thoại để kích thích một niệm không hiểu không biết, nhìn chỗ không biết; nhưng chỗ không biết thì không có chỗ, nên không có mục tiêu để nhìn, cũng nhìn không thấy gì vẫn còn không biết; Thiên tông gọi là nghi tình, đưa hành giả đến thoại đầu sẽ kiến tánh.

Nhưng hỏi không phải dùng miệng hỏi, dùng tâm hỏi thăm; nhìn không phải dùng mắt nhìn, mà dùng tâm nhìn thăm. Hỏi và nhìn song song, nhìn chỗ mênh mông chẳng có gì mới đúng. Nếu nhìn thấy cái gì là không đúng. Cho nên, người ta nói “tôi nhìn không được”, vậy thì đã nhìn được rồi. Tại sao? Vì có nhìn nên thấy nhìn không được, cứ tưởng có cái gì để nhìn! Nhìn không thấy gì vẫn nhìn, tức là chỗ không biết thì nhìn mãi cũng không biết. Cho đến kiến tánh thì tất cả đều biết.

Hỏi: Hành giả luôn luôn an trú trong cái nghi, đến kiến tánh thì nghi mới giải quyết. Do đó, tham đường như niệm phải không?

Đáp: Không phải! Niệm Phật không có nghi, vì đã biết sẵn. Tham thiền có cái không hiểu tức là có nghi. Nếu chỉ hỏi thì có thể biến thành niệm, hỏi và nhìn thì không thể biến thành niệm. An trú và không an trú đều không biết, vì đó là sản phẩm của bộ óc. Hỏi và nhìn song song để giữ chắc mắc không hiểu. Mục đích tham thiền là dẹp hết sản phẩm của bộ óc, không cho bộ óc hoạt động.

-Tại sao nghi tình được rất ráo hơn niệm?

-Vì nghi là nhân, có nghi mới có ngộ; không nghi thì không ngộ, tức là không nhân thì không quả. Pháp thế gian và pháp xuất thế gian đều như vậy. Pháp thế gian nghi là dùng bộ óc tìm hiểu, cuối cùng ngộ được giá trị việc thế gian; xuất thế gian nghi là không cho bộ óc tìm hiểu, muốn dẹp tìm hiểu của bộ óc.

Theo sự hiểu biết bình thường thấy trái táo trên cây rớt xuống, đầu thế rơi lên! Do tư tưởng của mình cho trên đầu là phía trên, dưới chân là phía dưới. Thật tế không phải trên cũng không phải dưới, vì quả đất tròn. Như mình ở đây cho là trên, bên Mỹ cho là dưới; nếu cho bên Mỹ là trên, bên này là dưới.

Nói có 4 phương là đông, tây, nam, bắc; nhưng thật tế không có 4 phương. Tại sao? Như cắm cây nêu, người đứng bên đông cho bên kia cây nêu là hướng tây và ngược lại; nam bắc, trên dưới cũng vậy. Nếu đem 4 phương có nhất định để tránh cái thì không đúng. Nhưng theo thói quen của bộ óc phải có đông, tây, nam, bắc, trên, dưới.

Cho nên, Newton nghi trái táo rớt xuống, mà không rơi lên? Vì không có trên dưới, nên ông phát minh được hấp dẫn lực của trái đất; từ đó ông phát minh được hấp dẫn lực vạn hữu. Tất cả vật chất đều có hấp dẫn lực, nhà khoa học gọi là từ trường (sức hút nam châm).

Hỏi: Có phải tu niệm không tích cực bằng tham thoại đầu?

Đáp: Đừng biết tới mấy cái đó! Cứ hỏi và nhìn, không được giải thích so sánh. Nếu vậy thành chướng ngại, vì nghi tình là không hiểu không biết. Không được dùng 2 chữ “cho là”, cho là có lý hay cho là vô lý thì không đúng; có cho là tức biết, chứ không phải không biết.

Hỏi: Tham thiền là gì?

Đáp: Tham Tổ Sư thiền là dùng cái không biết để tu, Như Lai thiền là dùng cái biết để tu. Ví dụ cây viết là ý thức, 5 thức trước là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân. Hằng ngày mình đang dùng ý thức là tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết để ứng phó cuộc sống.

Tham thiền cũng dùng ý thức, trên đầu cây viết là thoại đầu; dưới đầu cây viết là thoại vi. Ý thức gồm có 2 mặt: Biết và không biết. Mặt biết là tu Như Lai thiền, như Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa. Dùng mặt không biết là tu Tổ Sư thiền, chỉ có Tổ Sư thiền mới gọi là Thiền tông. Các pháp môn khác đều có thiền, nhưng không gọi là Thiền tông.

Thiền tông gọi không biết là nghi tình, tức là tình trạng của khối nghi. Muốn khởi lên khối nghi, phải làm sao? Phải mượn câu thoại, như hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” cảm thấy không hiểu không biết; khán là nhìn chỗ không hiểu không biết, muốn xem chỗ không biết là gì; nhưng chỗ không biết thì không có chỗ, nên không có mục tiêu để nhìn; nhìn mãi không thấy gì vẫn còn không biết, Thiền tông gọi là nghi tình; đưa hành giả đến thoại đầu, sẽ được kiến tánh thành Phật.

Ngày 14 – 8 đến 20 – 8 – Đinh Sửu (97).

Hỏi: “Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh”. Xin Sư Phụ giải thích?

Đáp: Câu này là Đạo Đức kinh của Lão Tử, ý nghĩa gần giống với Phật pháp; nhưng vẫn còn tư tưởng chấp thật, Phật pháp phá chấp thật. Vì tất cả do tâm tạo, nếu tâm tạo chẳng phải thật; cái chân thật thì không thể tạo. Cho nên, không có sanh khởi, không có bắt đầu; cũng là nghĩa vô sanh. Người chứng quả là ngộ pháp vô sanh, chứng vô sanh pháp nhẫn. Tất cả vốn sẵn có, chứ không thể kiến lập; luôn cái biết của mình cũng không thể kiến lập, nhưng 2 câu Đạo Đức thì có kiến lập rồi. Họ chấp có đạo thật.

Danh là tên gọi, nhưng thật tế là khác. Họ nói thì giống, nhưng phải thì chẳng phải. Ai cũng biết tâm là danh từ mà ai cũng nói được, nhưng tâm là cái gì, không có ai biết! Tâm như hư không vô sở hữu. Mọi người cho có hư không mới dung nạp, như nói “hư không quảng đại vô biên dung nạp tất cả vật”. Thật tế chẳng phải vậy, không có (vô sở hữu) hư không mới dung nạp tất cả vật.

Nếu không có hư không thì lấy gì nói là quảng đại! Đó là thật tế, như nhà cửa, đất đai, cây cối, mặt trời, mặt trăng, ... bất cứ cái gì đều ở trong vô sở hữu này. Bây giờ, ngồi đây cũng phải nhờ vô sở hữu mới ngồi được. Cuộc sống hằng ngày là ăn cơm, mặc áo, nói năng, tiếp khách, làm việc đều nhờ vô sở hữu này. Cho nên, nói đạo và không phải đạo hay tên (danh) với không phải tên đều không đúng.

Vì tên chẳng phải thật, thật chẳng đúng tên; nhưng cũng phải nhờ cái tên cho người truyền dạy để hiểu phần nào. Ngày xưa, người Trung Quốc rất sùng bái Lão Tử, đến chừng Phật Giáo truyền sang Trung Quốc, người ta mới biết đạo ấy giống thì giống, nhưng chẳng phải.

Hỏi: Thế nào là Giáo môn và Thiền tông?

Đáp: Giáo môn có nghĩa lý giải thích căn cứ theo kinh điển của Phật. Tu chứng từ cấp, như phổ thông có 52 cấp: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa (5 quả vị này gồm có 50 cấp), Đăng Giác và Diệu Giác.

Tổ Sư thiền không có cấp bậc, từ địa vị phàm phu tu chứng đến Đăng Giác. Tuy có nói Sơ quan, Trùng quan, Mạt hậu lao quan; nhưng có người (Lâm Tế) không cần phải qua Sơ quan, Trùng quan, mà thấu luôn Mạt hậu lao quan. Cho nên, 3 quan này không phải cấp bậc. Thiền môn không có nghĩa lý để giải thích. Giáo môn giải thích là hiểu theo bộ óc, không phải thật tế; Thiền môn là muốn ngộ thật tế.

Hỏi: Tại sao dùng cái biết để tu thì chậm kiến tánh hơn dùng cái không biết?

Đáp: Vì cái biết là vọng, biết cái gì đều chẳng phải thật. Qua lục căn tiếp xúc lục trần nhận biết được là chẳng phải thật, không phải thật tể. Phải lìa khỏi những thứ căn, trần, thức mới ngộ được thật tể. Cho nên, Bát Nhã Tâm Kinh phá ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), dùng chữ “vô” để phá lục căn, lục trần, lục thức; không phải không có, có nhưng không thật; tức là lục căn, lục trần, lục thức đều không thật. Cho đến Tứ Diệu Đế (khổ, tập, diệt, đạo) cũng không thật, đến Thập Nhị Nhân Duyên (từ vô minh...lão tử) cũng không thật.

Bát Nhã Tâm Kinh có 262 chữ, nhưng dùng 17 chữ “vô” để phá hết tất cả tri kiến của bộ óc. Cuối cùng thêm 2 chữ “viễn ly” để quét sạch tri kiến Phật. Vì không phải thật bởi do tâm tạo, tức là tâm có kiến lập. 4 bài kệ của ngài Vĩnh Gia nói về chữ tri (biết): Cái biết cũng không thể kiến lập, nếu kiến lập thành 2 cái biết; như trên đầu mọc thêm đầu, phải mời bác sĩ cắt bỏ một cái thì khôi phục lại sức khỏe.

Hỏi: Hằng ngày dùng bộ óc để học hỏi ghi nhận, nếu họ tu Tổ Sư thiền là dùng cái không biết thì bị cản trở trên sự học vấn. Vậy họ phải làm sao?

Đáp: Ngày đêm có 24 giờ, 8 giờ làm việc thì ngưng tham thiền; còn lại 16 giờ tập tham thiền được thuần thục, lúc 8 giờ làm việc thì nghi tình tự động nổi lên. Lúc đó bộ óc không biết, nhưng vẫn làm xong công việc của bộ óc; lại nhanh hơn và tốt hơn. Việc ấy có nhiều Phật tử đã chứng tỏ.

Như có thanh niên vô mục nguyên tử, trước kia dùng bộ óc để ý vô mục, mỗi ngày hơn 40 cây nhưng mục ra không đều; sau này y đang tham thiền, bộ óc không làm việc nhưng vô mục hơn 80 cây, mục ra đều.

Có người hỏi tôi: Con rất thích tham thiền, nhưng trong lu gạo con hết làm sao tu được?

Tôi nói: Tôi dạy tham thiền, chứ đâu bảo ông đừng kiếm gạo! Làm nghề gì vẫn làm như cũ. Tham thiền còn giúp cho ông còn kiếm gạo nhiều hơn. Thật tể là vậy, tại vì người ta đuổi theo bộ óc nên nói như thế.

Hỏi: Thoại đầu không còn, công phu còn không?

Đáp: Nếu vậy, người ấy không tin tự tâm, thoại đầu không còn là kiến tánh thì không còn công phu. Thoại đầu cũng gọi là vô thi vô minh, đầu sào trăm thước, nguồn gốc ý thức. Sát na lìa khỏi ý thức gọi là kiến tánh thành Phật. Lúc ấy không còn thoại đầu, nếu còn thoại đầu thì chưa kiến tánh.

Hỏi: Các vị kiến tánh rồi, sao còn tu nữa?

Đáp: Đó không phải tu, gọi là bảo nhậm; như Lục Tổ kiến tánh rồi, phải còn bảo nhậm 15 năm để dứt tập khí từ lâu đời.

Hỏi: Người kiến tánh thì dụng khắp không gian thời gian. Vậy dụng của tiểu ngộ và đại ngộ khác nhau thế nào?

Đáp: Người này hỏi còn chưa tin tự tâm, đã biết tự tâm là vô sở hữu; ngộ được tự tâm gọi là kiến tánh. Tuy mình chưa ngộ, nhưng tự tâm mình cũng khắp không gian thời gian. Do kiến lập nên dụng tự tâm bị che khuất. Như mặt trời đang chiếu soi, nhưng bị mây hay trái đất che khuất nên không thấy ánh sáng.

Hỏi: Chúng sanh đều có Phật tánh đồng nhau. Tại sao là Phật? Tại sao là chúng sanh? Các ngài kiến tánh rồi, tại sao không đủ 32 tướng tốt như Phật? Vậy phải tu cách nào để được?

Đáp: Câu hỏi này cũng chứng tỏ là chưa tin tự tâm. Trống rỗng vô sở hữu thì lấy cái gì để làm tướng tốt? Lấy cái gì để làm chúng sanh? Lấy cái gì để làm Phật? Khi kiến tánh thành Phật thì thấy không có Phật để thành. Vì ngộ được tự tâm vô sở hữu.

Hỏi: Tham “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” cho thêm nghi tình, hỏi thêm câu hỏi khác được không?

Đáp: Không được! Hỏi câu thoại là để kích thích không hiểu không biết, rồi nhìn chỗ không biết.

-Tôi hỏi ông: Khi chưa có trời đất ông là cái gì?

-Không biết.

-Không biết là đúng rồi, nhìn chỗ không biết; hỏi và nhìn song song, không phải hỏi trước nhìn sau; không phải hỏi sau nhìn trước, giữ chỗ không biết được kéo dài là được.

-Có phải cái không biết là....?

Đừng suy nghĩ cái ấy, không hiểu không biết gọi là nghi tình. Biết là không phải tham thiền.

Hỏi: Các vị nhận được bản lai diện mục, rồi khởi tu. Sao Sư Phụ nói kiến tánh rồi khởi tu?

Đáp: Tất cả Phật pháp đều hiển bày tâm của chính mình. Tâm là danh từ mà ai cũng nói được, nhưng tâm là thể nào không ai biết? Ngài Long Thọ nói: “Tâm như hư không vô sở hữu dung nạp và ứng dụng tất cả vật”. Nếu có sở hữu thì dùng không được, ví dụ tay cầm vật gì thì dụng của tay bị mất, nên lấy cái gì không được nữa. Nếu không cầm cái gì hay không tự làm nắm tay thì lấy cái gì cũng được.

Có kiến lập sở hữu thì dụng hoạt bát vạn năng của tự tánh bị mất. Cho nên, tham Tô Sư thiền dùng nghi tình (không hiểu không biết), tự động quét sạch sở hữu, khôi phục lại dụng tự tánh được hoạt bát vạn năng. Sở hữu của Phật đều hết, nên thần thông biến hóa có vô lượng vô biên. Do mình có sở hữu, nên cái dụng bị hạn chế.

Kiến tánh là tâm của mình hiện ra, tuy nói tu nhưng không tu không chứng. Tại sao? Vì trống rỗng vô sở hữu không phải tu mới thành, không phải chứng mới đắc! Vốn sẵn như vậy, vô thi vô chung, vô sanh, vô diệt; nhưng lại dung nạp và ứng dụng trước mắt rõ ràng.

Như cái bàn để đầy đồ, muốn để đồ thêm cũng không được. Có chỗ trống mới để đồ được. Chỗ các vị ngồi cũng vậy. Đó là cái dụng thật tế trước mắt, mình đang dùng. Phật pháp là thực dụng thật tế, chứ không phải đuổi theo những danh từ đoán mò bậy bạ.

Vì vô sở hữu là trống rỗng, nên gọi là tánh không; do tánh không nên dung nạp tất cả, tánh không thì không chỗ trụ gọi là vô sở trụ. Tánh không thì khắp không gian thời gian không có gì chướng ngại. Khắp không gian chẳng có khứ lai, nên gọi là Như Lai; khắp thời gian không có gián đoạn sanh diệt, nên gọi là Niết Bàn; tâm mình có tánh giác ngộ, gọi là Phật tánh.

Bồ Đề, Niết Bàn, giác ngộ, giải thoát,... tất cả danh từ khác biệt; nhưng nghĩa không khác, đều hiển bày dụng của tâm. Những người làm tà khôn đuổi theo những danh từ đoán mò bậy bạ, thành ra không biết được thật tế. Thật tế mình đang dùng, dù mình đến chân trời góc biển, ngủ mê, chết rồi thì cũng đang dùng. Không giờ phút nào ngưng dùng, vì kiến lập sở hữu nên dùng ít. Nếu sở hữu sạch hết thì dụng không hạn chế bằng như Phật.

Hỏi: Tụng kinh, niệm Phật, trì chú kết hợp như vậy có đúng không?

Đáp: Tụng kinh là cách tu của Giáo môn, vừa tụng vừa thiền quán; tụng đến đâu quán tới đó. Quán Tông tự của tông Thiên Thai mỗi ngày 3 thời kinh, mỗi thời phải 2 giờ. Bây giờ các chùa tụng kinh thường thường có 45 phút, tụng cho Phật nghe; nhưng kinh là lời của Phật dạy. Ngày xưa tôi dạy học, bắt học trò trả bài thì tôi phải nghe; mà tôi ngán quá rồi cũng phải ráng nghe, vì tôi có lãnh lương.

Phật dạy mình tu, chứ Phật đâu cần nghe! Mà nói tụng cho Phật nghe là có công đức. Tụng kinh là để cho mình và khởi lên thiền quán, đó là cách tu của Giáo môn. Như trong chùa có 20 chúng thì tụng kinh phải đủ, không phải chỉ vài người tụng kinh rồi các người kia khởi tụng! Tụng kinh là giờ phút tu. Chúng của ngài Đế Nhân, tụng kinh không đủ 2 giờ của mỗi thời, thì bị ngài quở làm biếng.

Hỏi: Nghi tình là không biết thì chẳng có hình tướng, vậy làm sao nhìn?

Đáp: Bởi vậy, nhìn không thấy gì vẫn còn không biết, giữ cái không biết mới gọi là nghi tình; nếu thấy có gì là không đúng.

Hỏi: Ở thế gian, các Giáo chủ đều xưng mình là chánh pháp nhãn tạng. Vậy đâu là chánh, tà?

Đáp: Nếu có Giáo chủ là tà, vì cõi Ta Bà là tam thiên đại thiên thế giới chỉ có một Phật làm Giáo chủ. Quả đất này chỉ là 1 đại bộ châu gọi là Nam Thiệm Bộ Châu, 1 tiểu thế giới có 4 đại bộ châu (có 4 địa cầu), 1.000 thế giới (tiểu thiên thế giới), 1.000 tiểu thiên thế giới (trung thiên thế giới), 1.000 trung thiên thế giới (đại thiên thế giới). Gọi chung là tam thiên đại thiên thế giới. Tại sao là tam thiên? Là 3 cái thiên nhân với nhau.

Hỏi: Phật tánh vốn vắng lặng, sáng suốt do đâu lại làm chúng sanh?

Đáp: Phật tánh thì khởi cần tu, vì đã sẵn có; không phải tu mới thành. Nếu có thành thì phải có hoại, như thân này có thành phải có hoại; sau này chết rồi chôn thành đất, thiêu thành tro. Phật tánh không thành không hoại, nên tồn tại vĩnh viễn.

Kinh Viên Giác nói “Tất cả chúng sanh đều đã thành Phật”, để cho người ta tin, nên dùng quặng vàng thí dụ. Vàng trong quặng đã thành sẵn, không thấy vàng là do lộn với đất cát tạp chất. Luyện bỏ đất cát tạp chất thì vàng thật hiện ra, nếu không có vàng dù luyện cách mấy cũng không có vàng hiện ra.

Phật tánh của mình đã thành sẵn, nhưng lộn với tạp chất tham sân si, vọng tưởng, nên không thể hiện ra. Tu là luyện bỏ các tạp chất tham sân si thì Phật tánh hiện ra. Nếu không có Phật tánh thành sẵn thì tu cách mấy cũng không thể Phật tánh hiện ra.

Phật tánh mỗi chúng sanh đều bằng nhau, nhưng nghiệp của mỗi chúng sanh tạo có khác. Như con người tạo nghiệp thiện được phước báo, tạo nghiệp ác phải nghèo khổ.

Hỏi: Khi tham thiền công phu thành khối thì ăn không biết ăn, vậy có nguy hiểm gì không?

Đáp: Không có nguy hiểm, đến cảnh giới đó là thoại đầu thì sắp kiến tánh; có thể một phút sau, vài giờ sau hay vài ngày sau kiến tánh. Đang tập tu, khởi cần biết khối nghi gì.

Tham thiền không cần tập trung tinh thần, cố gắng; chư Tổ nói “ít phí sức chừng nào, tốt chừng nấy”. Cố gắng và tập trung tinh thần là phí sức, chỉ cần một chút nghi tình kéo dài là được.

Hỏi: Nếu nghi tình kết thành khối, hành giả qua đời. Theo nhà Phật nói cận tử nghiệp rất quan trọng. Vậy như thế nào?

Đáp: Đó là giải theo Giáo môn, còn Thiên môn chỉ tu một chút rồi chết thì kiếp sau vẫn tiếp tục tu; vì chánh nhân đã gieo thì chánh quả sẽ đến. Việc gì cũng phải đúng theo nhân quả, chứ không phải tạo nhân rồi bỏ qua. Không phải tạo nhân rồi tự nhiên lại chấm dứt, người học Phật phải tin nhân quả. Pháp thế gian và xuất thế gian đều có nhân quả.

Có nhân phải có quả, tà nhân thì bị tà quả, chánh nhân thì được chánh quả. Nếu thật đến chỗ không biết gì, thì cái dụng của tâm tự hiện ra thay thế bộ óc để làm việc. Đó là chưa đến thoai đầu, nhưng vẫn có cái dụng. Như có người bình thường may 1 bộ, đến chừng công phu được tự động thì bộ óc không biết, mỗi ngày may được 2 bộ lại tốt hơn.

Có người tham thiền lái xe tốc độ hơn 100 km/giờ, họ không thấy xe nhưng không bị dụng xe. Như vậy rất nguy hiểm, nhưng không có nguy hiểm. Bộ óc mình không thể giải thích, vì bộ óc nhận biết là không đúng với thật tế.

Thật tế phải lia lục căn, lục trần, lục thức. Cho nên, Bát Nhã Tâm Kinh dùng 17 chữ “vô” để quét sạch hết tri kiến. Chữ “vô” chẳng phải không có, có mà không thật. Như chiêm bao có, mà không thật. Cuối cùng, dùng 2 chữ “viễn ly” (xa lìa), luôn cả cứu cánh Niết Bàn cũng phải xa lìa.

Vì những thứ ấy là hiểu biết sai lầm, vừa rồi cô hỏi cũng là những hiểu biết sai lầm; rồi chấp sai lầm cho là đúng, nên không bao giờ đạt đến kiến tánh. Dùng cái không biết là dẹp hết tất cả sai lầm do bộ óc nhận biết.

Trương Quốc Anh là người Hoa ở Chợ Lớn, năm 1979 qua Pháp. Khi xuống phi trường đi về nhà chị trên chiếc xe cùng mấy chục người. Đi được nửa đường bị lật xe, mọi người đều bị thương. Xe Hồng Thập Tự đến đưa mọi người lên xe, khi kéo Trương Quốc Anh ra xe thì y hỏi “các vị làm gì vậy?” không biết mình đang bị tai nạn. Đến nhà thương khám mọi người, khám Trương Quốc Anh thì y nói “khỏi ròi kiến, tôi không có bị thương”.

Nhân viên y tế nói: Tuy bên ngoài không có gì, nhưng có thể bị thương ở bên trong?

Ròi kiến rồi, chứng tỏ không bị thương. Vì lúc ấy, y giữ nghi tình nên không biết gì; những người biết đều bị thương. Vậy có nghi tình là không biết thì không nguy hiểm.

Hỏi: Thân và tâm liên quan mật thiết thế nào, như thân làm thì tâm chịu, tâm làm thì thân chịu?

Đáp: Nếu không có tâm mà có thân là thân chết thì không làm gì được, phải có tâm nên mới hoạt động. Tất cả Phật pháp nguồn gốc là tâm, nguồn gốc vũ trụ cũng là tâm. Tâm này không phải tâm của ai, tâm của chính mình. Thân này chỉ là một hạt bụi trong vũ trụ. Tất cả nguồn gốc gì đều là tâm mình, không phải tâm của người khác. Tin tự tâm là phải tin như vậy.

Tâm chỉ huy thân làm, làm thiện thì được phước báo; làm ác thì chịu khổ báo. Đó là nhân quả do tâm mình tạo. Người ta không để ý tâm, cứ để ý thân; muốn thỏa mãn dục vọng cho thân, không biết thân thay đổi từng sát na.

Như mới sanh đứa bé, cho đứa bé là ta; lớn lên thành con nít, cho con nít là ta; rồi thành người lớn, cho người lớn là ta; biến thành người già, cho người già là ta; người già chết thiêu thành tro chôn thành đất, cho đất tro là ta. Nếu đất tro là ta thì chẳng có giá trị gì! Đất tro không phải là ta thì người già không phải là ta, người trẻ không phải

là ta, con nít không phải là ta, đứa bé cũng không phải là ta. Nhưng ai cũng chấp thân này là ta, muốn thỏa mãn dục vọng, tranh giành giết hại lẫn nhau, nên mới sanh ra đủ thứ phiền não.

Nếu biết nguồn gốc của ta là hư không vô sở hữu, trống rỗng chẳng có gì. Vậy ai hưởng? Chẳng có ai hưởng. Nhưng bây giờ cho thân này hưởng, đến chừng hơi thở hết; rồi muốn cho con cháu của ta hưởng, tất thở cũng còn chấp cái ta. Cho nên, có sự luân hồi sanh tử.

Hỏi: Muốn khỏi sanh tử luân hồi phải làm sao?

Đáp: Không muốn sanh tử luân hồi thì phải tham thiền là hỏi câu thoại và nhìn thoại đầu, đến chừng kiến tánh mới ra khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Tham thiền không cần biết tới ái dục hay không ái dục, chỉ là giữ nghi tình đến khi kiến tánh. Nếu giữ được nghi tình thì ái dục làm sao nổi lên! Không những ái dục không nổi lên, mà không ái dục cũng không nổi lên. Vì dục và không dục là tương đối.

Hỏi: Có thể Thiền Giáo song hành được không?

Đáp: Vậy là không tin tự tâm và không tin pháp môn, làm sao thành tựu được? Dầu cho tin pháp môn Tổ Sư thiền 100% cũng còn chưa được, huống là chưa tin! Việc gì tin mới thực hành được, còn chưa tin thì không thể thực hành.

Hỏi: Không biết mà chụp được trái banh, vậy có phải là cái biết của Phật tánh không?

Đáp: Cái biết của tâm mình không bao giờ ngưng, mà khắp không gian. Tại chưa tin tự tâm nên tưởng là không biết, tin tự tâm đầy đủ thì biết cái biết đã sẵn sàng từ hồi nào.

-Pháp môn Tổ Sư thiền là phương tiện để ngưng biết bộ óc thì biết Phật tánh hiện ra phải không?

-Ngưng hết tất cả tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết; còn lại không biết là nghi tình. Ban đầu dùng nghi tình ngưng 3 cái biết trên, nếu công phu miên mật cũng hiện cái biết sẵn để dùng.

**Hỏi: Người xưa nói “Tham thiền học đạo là làm dụng tâm, thành Phật làm Tổ là làm dụng tâm; trừ ngoài cái này ra thì làm cái gì, mới chẳng là làm dụng tâm?”
Xin Sư Phụ khai thị?**

Đáp: Đây là bản tâm vô sở hữu như hư không, đã vô sở hữu thì lấy cái gì để làm? Nếu có làm là có kiến lập thì không phải vô sở hữu. Nguồn gốc của Phật pháp như hư không vô sở hữu, nguồn gốc của vũ trụ như hư không vô sở hữu. Vô sở hữu là trống rỗng không có cái gì, gọi là tánh không; vì tánh không nên dung nạp tất cả mặt trăng, mặt trời, cây cối,... và ứng dụng.

Đã vô sở hữu thì ai làm Phật? Ai làm Tổ? Kiến lập Phật, kiến lập Tổ là làm dụng tâm. Nghĩa chữ “Phật” là ngộ, ngộ là tại mê; vô sở hữu thì không có mê ngộ. Nếu kiến lập ngộ tức là mê, có mê để đối đãi.

Như 4 bài kệ nói về chữ “tri” của ngài Vĩnh Gia: Kiến lập cái biết thì có không biết để đối đãi. Kiến lập sở biết tịch lặng là thanh thanh tịnh tịnh cũng là kiến lập, đều có năng sở để đối đãi.

Thấu rõ được hư không vô sở hữu thì lấy cái gì gọi là thiền? Lấy cái gì gọi là đạo? Lấy cái gì gọi là Phật? Cho nên, người xưa nói là làm dụng tâm. Nếu không có sai lầm thì tâm trống rỗng vô sở hữu, tự nhiên dung nạp và ứng dụng.

Hỏi: Thế nào là chánh nghi?

Đáp: Chánh nghi là không dùng tâm đi tìm hiểu, không dùng tâm để suy nghĩ, không dùng tâm ghi nhớ; chỉ có nghi tình là không hiểu không biết. Dùng tâm đi nghiên cứu tìm hiểu gọi là hồ nghi. Nhà khoa có nghi, nhưng dùng bộ óc đi nghiên cứu tìm hiểu; họ ngộ được pháp thế gian, chỉ có giá trị thế gian; không ngộ được bản tâm của chính mình, tức là không biết được chính mình thì không làm chủ nên không được tự do.

Chánh nghi là ngộ được bản tâm chính mình nên làm chủ thì được tự do, giải thoát tất cả khổ. Trống rỗng vô sở hữu không gì trói buộc gọi là giải thoát, trống rỗng vô sở hữu không chỗ để trụ gọi là vô trụ, trống rỗng vô sở hữu tự nhiên cùng khắp không gian thời gian, cùng khắp không gian gọi là Như Lai, cùng khắp thời gian không sanh diệt gọi là Niết Bàn, tâm có tánh giác ngộ gọi là Phật tánh.

Bồ Đề, Niết Bàn, giác ngộ, giải thoát,... dù có nhiều danh từ sai biệt, nhưng ý không khác; đều là diễn tả thể dụng của bản tâm vô sở hữu. Kỳ thật là mình đang dùng, nên Phật nói “tất cả do tâm tạo”. Tất cả bạn đồng tham nhìn thấy nhau, nói chuyện, chỗ ngồi,... đều nhờ trống rỗng vô sở hữu. Nhưng tiếc rằng mình ứng dụng hằng ngày mà chẳng tự biết, rồi đuổi theo những danh từ đoán mò bậy bạ; không đúng với thật tế, thật tế là mình đang dùng. Cho nên, muốn làm Phật làm Tổ là làm dụng tâm vậy.

Hỏi: Tại sao Lâm Tế là đệ tử lại đánh thầy là Hoàng Bá?

Đáp: Đó là biểu thị bất nhị (không có khác), Lâm Tế đánh bạt tai Hoàng Bá thì không khác đánh bạt tai cho Đại Ngu; nếu có khác là nhị, như Phật Thích Ca đản sanh nói “Trên trời dưới đất chỉ có mình ta” là hiển bày nghĩa bất nhị. Có người hỏi Vân Môn: Thế nào trên trời dưới đất chỉ có mình ta?

Vân Môn đáp: “Lúc đó biết được, ta đánh chết cho chó ăn”. Tại sao? Nếu đánh chết còn xác là nhị, đem xác cho chó ăn thì xác không còn, chỉ có Vân Môn là bất nhị, tức là hiển bày nghĩa bất nhị. Không phải Vân Môn muốn đánh chết Phật Thích Ca.

“Gặp Phật chém Phật, gặp ma chém ma”, là chém tâm chấp Phật chấp ma của người đó. Chấp cái gì thì chém cái đó.

Hỏi: Vừa rồi, Hòa thượng khai thị là muốn tham thiền là làm dụng tâm, muốn thành Phật làm Tổ cũng là làm dụng tâm. Vậy Hòa thượng đang dạy chúng con là làm dụng tâm sao?

Đáp: Do người ta hỏi nên tôi mới đáp, nếu không hỏi thì không đáp. Vì hỏi là làm dụng tâm mà người ta không biết, qua sự giải đáp thì biết là làm dụng tâm. Tâm vốn là vô sở hữu thì không có làm dụng hay không làm dụng.

Nói làm dụng và không làm dụng đều không đúng, vì là tương đối. Bản tâm trống rỗng vô sở hữu không có tương đối. Cho nên, ngài Vĩnh Gia nói là vô duyên tri (không có nhân duyên đối đãi).

Người hỏi có tư tưởng chấp thật là làm dụng tâm, như chấp Phật là thật, chấp đạo là thật. Vì vậy, Lục Tổ nói “bỏ lại vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai”, tức là xưa nay vốn không có vật gì, thì ở chỗ nào để dính bụi trần?

-Như thế chỗ nào để khỏi làm dụng tâm?

-Bây giờ thầy hỏi cũng là làm dụng tâm vậy, tôi giải thích để khỏi làm dụng tâm rồi chuyên hỏi và nhìn đến chỗ kiến tánh. Làm dụng tâm là chướng ngại sự kiến tánh.

Hỏi: *Gặp Phật chém Phật, gặp Tổ chém Tổ, gặp cái biết cũng chém. Vậy cái không biết làm sao chém?*

Đáp: Cái không biết cũng phải chém, vì biết và không biết là đối đãi cũng là biên kiến; biên kiến là một trong năm thứ ác kiến. Có người hỏi tu đến thoại đầu thì sắp biết phải không? Tôi nói: Không phải! Không thể nói là sắp biết, vì cái biết đã sẵn có từ hồi nào là vô thi vô chung; không bao giờ bị gián đoạn. Như mặt trời không bao giờ ngưng chiếu! Nếu nói trời gần sáng, mặt trời sắp chiếu thì không đúng. Không thấy mặt trời là bị mây đen và trái đất che khuất.

Cái biết của mình bị che khuất là do có tư tưởng kiến lập đạo, kiến lập Phật, kiến lập Bồ Tát,... Không có kiến lập mới đúng như hư không vô sở hữu dung nạp và ứng dụng. Cho nên, Phật Thích Ca nói là “vô thi”, không có kiến lập thì không có bắt đầu; cũng là nghĩa vô sanh, không có sự sanh khởi. Nếu có sanh khởi thì phải có bắt đầu.

Hỏi: *Hư không vô sở hữu, sao người sở hữu?*

Đáp: Hư không vô sở hữu là để thí dụ cho tâm mọi người, vì tâm mọi người hay ham sở hữu rồi kiến lập sở hữu; nên mới chướng ngại cái dụng của tâm. Nếu hoàn toàn vô sở hữu thì thân thông trí huệ bằng như của Phật, dụng không có gì hạn chế thì tất cả dung nạp và ứng dụng.

Bây giờ, các vị ở đây cũng được ứng dụng, nhưng ứng dụng còn ít. Do mình kiến lập nên bị chướng ngại, chứ không phải hư không vô sở hữu rồi tại sao sở hữu! Nếu có sở hữu thì lấy gì để thí dụ cho tâm.

Hỏi: *Bất lập văn tự, sao lại có lập văn tự?*

Đáp: Hai chữ “bất lập” cũng là văn tự, nên Lục Tổ nói “bất lập văn tự không phải phé bỏ văn tự”. Tất cả kinh Phật đều phải nhờ văn tự mới hoằng dương. Thiền tông cũng nhờ văn tự, nhưng không chấp vào văn tự gọi là bất lập văn tự. Nếu chấp vào văn tự thì 2 chữ “bất lập” cũng là văn tự.

Hỏi: *Việc trên đời là do người ta suy nghĩ mới có, nếu không suy nghĩ thì không có phải không?*

Đáp: Có và không có đều là sai lầm, vì kiến lập có nên có cái không có để đối đãi; kiến lập không có thì đã nhìn nhận có rồi. Chấp có và không có đều là biên kiến, biên kiến là một trong năm thứ ác kiến.

Hỏi: *Biết cũng chém và không biết cũng chém. Vậy lấy cái gì để chém?*

Đáp: Ngài Lâm Tế nói “Gặp Phật chém Phật, gặp ma chém ma”, chứ không phải là chém cái biết. Cái biết của bản tâm đã sẵn sàng từ hồi nào, không có thể chém được; không có thể kiến lập. Nên Phật nói là vô thi, cũng là nghĩa vô sanh. Người chứng quả gọi là ngộ pháp vô sanh, chứng vô sanh pháp nhẫn.

Pháp đã vô thi vô sanh thì lấy gì để chứng? Nếu có gì để chứng thì có bắt đầu là có sanh, cũng là kiến lập rồi. Tất cả pháp đều không thể kiến lập, có kiến lập là có bắt đầu thì có sanh. Cái biết cũng vậy, không thể kiến lập. 4 bài kệ của ngài Vĩnh Gia nói về chữ “tri”:

Kiến lập sở tri tịch lặng, như người tu cho thanh thanh tịnh tịnh là cao; nhưng vì kiến lập nên bị chướng ngại cái dụng của tâm. Rồi tiến lên một bước nữa là không biết sở

tri, nhưng tự mình biết mình có cái tri; cũng là kiến lập, không phải là vô duyên tri. Vì kiến lập cái tri nên có bất tri để đối đãi.

Ngài Vĩnh Gia dùng cái tay để thí dụ cho tâm. Nếu tay không cầm đồ vật và cũng không tự làm nắm tay thì dụng của tay hoạt bát vạn năng, nên lấy thứ gì cũng được. Tham thiền dùng nghi tình tự động chấm dứt tất cả biết của bộ óc, rồi sau cùng cái không biết của bộ óc cũng chấm dứt, thì đến thoại đầu rồi kiến tánh.

Hỏi: Thế nào là kiến, văn, giác, tri?

Đáp: Lục căn chia làm 4 bộ phận:

Kiến là nhãn căn thấy.

Giác có 3 phần (xúc giác, khứu giác, vị giác).

Văn là nhĩ căn nghe.

Tri là ý căn.

Hỏi: Cội Nguồn Truyền Thừa của ngài Nguyệt Khê nói: “Lìa kiến văn giác tri, nếu dính với kiến văn giác tri là kiến văn giác tri, chứ không phải Phật tánh”. Xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Cuộc sống hằng ngày đều dùng kiến văn giác tri để đối phó. Vì chấp vào kiến văn giác tri, nên phải lìa kiến văn giác tri. Nếu không chấp vào kiến văn giác tri thì khỏi cần lìa, tức là không lấy cũng không bỏ.

Bộ não làm chủ thì theo ngã chấp tạo ra đủ thứ nghiệp, vì bộ não là chánh phủ trung ương điều khiển toàn thân. Thuận theo ngã chấp nên tạo ra nhiều thứ tội lỗi, như ham ăn thì giết hại chúng sanh. Vì vị giác cho ngon nên giết hại không kể, chỉ là muốn thỏa mãn vị giác.

Người kiến tánh cũng dùng bộ óc, lục căn, nhưng Phật tánh làm chủ thì bộ óc, lục căn làm nô lệ của Phật tánh. Phật tánh chỉ có thiện, chẳng có ác; chỉ giúp đỡ chúng sanh, chứ không giết hại chúng sanh. Nhưng vẫn dùng lục căn, lục căn không có chủ quyền.

Như Tòng Lâm có nuôi trâu bò để cày ruộng, nuôi ngựa để chở đồ; nhưng phải qua sự tịnh thí (cho cư sĩ), tức là không có quyền bán hay cho người khác. Tại sao? Vì bán cho người khác thì người khác có thể giết nó, cho người ta cũng vậy. Mặc dù, đã thí cho cư sĩ, nhưng cư sĩ cũng không có quyền bán hoặc cho. Tu sĩ phải nuôi con vật đó cho đến chết. Giới luật gọi là tịnh thí.

Giới giữ tiền của Sa Di, Tỳ Kheo là không được cầm tiền bạc cũng phải sự tịnh thí, để cho cư sĩ giữ tiền bạc; nếu có muốn dùng thì phải hỏi cư sĩ, nên không dám dùng bậy. Vì dùng bậy thì cư sĩ biết. Cho nên, giới luật nhà Phật kiểm chế rất tỉ mỉ.

Vì ngã chấp nặng nên không làm chủ được, nên Phật dạy giữ nghi tình là không hiểu không biết; không biết tốt đẹp thì không ham thích, không biết xấu thì không chê bai. Tập dần dần không ham chê, nên mới tránh được giết hại, tranh chấp danh lợi.

Hỏi: Pháp môn thoại đầu có từ hồi nào? Tại sao không ai biết để thực hành?

Đáp: Không phải là không ai biết! Như ở Việt Nam có phái Vô Ngôn Thông và phái Liễu Quán, phái Trúc Lâm. Thiền sư Vô Ngôn Thông là đệ tử của Thiền sư Ngưỡng Sơn thuộc phái Quy Ngưỡng. Bây giờ, mình khỏi cần truy cứu những thứ đó, chỉ cần lo cho mình tu, hỏi và nhìn được miên mật. Đừng có lo Duy Lực kiến tánh hay chưa kiến tánh, có đủ tư cách dạy người hay không có. Nếu thấy dạy đúng thì theo tu, thấy không đúng thì đừng theo.

Hỏi: Người bạn nói với con “Lấy trí tuệ làm sự nghiệp, nếu ông tham thiền gieo nhân khờ ngốc thì ngày càng khờ ngốc thêm”. Vậy như thế nào?

Đáp: Vì người bạn đó có kiến lập sở hữu, tưởng là trí huệ do học mà được. Nhưng Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Vô trí diệc vô đắc”, vậy là người bạn đó nghịch với ý của Phật mà tự mình không biết. Bát Nhã Tâm Kinh có 262 chữ, mà dùng 17 chữ “vô” để quét sạch tất cả hiểu biết từ phàm phu đến Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa và dùng 2 chữ “viễn ly” để quét Phật thừa.

Thật tế, nói xa lìa cũng không đúng, vì đâu có cái gì để xa lìa! Cũng không có người để xa lìa. 4 bài kệ chữ “tri” của ngài Vĩnh Gia dùng cái tay để thí dụ rất rõ. Nhưng những người học Phật không biết nguồn gốc trống rỗng vô sở hữu. Ngài Long Thọ nói “Tâm như hư không vô sở hữu nên dung nạp và ứng dụng”.

Phật pháp Đại thừa vẫn còn sở hữu, pháp tâm tâm số cũng còn sở hữu. Tuy không có hình tướng, không có số lượng thấy giống, nhưng có khác; không phải giống hết. Các vị Giáo môn giải thích tuy tỉ mỉ, nhưng tỉ mỉ không bằng ngài Long Thọ giải thích. Người giáo môn cũng không thể hiểu được, vì có kiến lập của mình.

Vô trí diệc vô đắc, vậy trí huệ làm sao học được? Rồi dùng bộ óc để ghi nhớ cho là trí huệ, nhưng không biết bộ óc sau khi chết, đi thiêu biến thành tro, chôn dưới đất biến thành đất. Tất cả ghi nhớ đâu còn nữa, dầu cho còn cũng không dùng được. Phật pháp là thật tế thật dụng là mình đang dùng, sao còn ghi nhớ những danh từ đoán mò bậy bạ cho là cao!

Hỏi: Phật tánh của chúng sanh đầy đủ khắp không gian thời gian, tại sao chúng con không dùng ra được?

Đáp: Như ánh sáng mặt trời không nghiêng về người nào, chiếu cùng khắp không gian thời gian; người không thấy ánh sáng mặt trời là do lỗi người mù, chứ không phải do lỗi mặt trời.

-Mình là người mù không có Phật tánh sao?

-Mình tuy mù nhưng có Phật tánh, mà lại bị che khuất. Phật tánh không thể nói có hay không có. Vì vốn vô thi vô sanh, nếu nói có là biên kiến; nói không có cũng là biên kiến, tức là nghiêng về một bên có tương đối. Biên kiến là một trong năm thứ ác kiến.

Người ham kiến giải cứ đuổi theo lời nói danh từ để chấp. Nghe Phật nói có cho có là chơn lý, nghe Phật nói không có thì cho không có là chơn lý. Kỳ thật, Phật Thích Ca không kiến lập chơn lý. Tất cả tôn giáo đều có kiến lập chơn lý mà ngộ được, rồi đem chơn lý đó hoằng dương.

Phật Thích Ca ngộ trống rỗng vô sở hữu, không có gì hết thì lấy gì để làm chơn lý. Vì chơn lý thì có giả lý để làm tương đối, cho nên kinh Lăng Nghiêm nói “chơn với vọng là 2 thứ vọng”. Nếu nói tất cả là huyễn hóa đã lọt vào biên kiến mà tự mình không biết. Kinh Lăng Nghiêm nói “phi huyễn không thể kiến lập, huống là pháp huyễn!”

4 bài kệ nói về chữ “tri” của ngài Vĩnh Gia, luôn cả chữ “tri” cũng không thể kiến lập, nếu kiến lập thành 2 tri; tức là Thiên tông nói “trên đầu mọc thêm đầu”, nên mời bác sĩ cắt bỏ. Vì đó là bệnh. Cũng không thể kiến lập Phật, Phật là do mê mới có.

Cho nên, đã đoạn dứt nghi căn thì không có ngộ nữa. Lúc đó cái mê hết. Nhưng người Tiểu thừa cho là có cái ngộ, tức là chứng quả Niết Bàn thì còn mê. Vì vậy, Thiên tông nói “ngộ rồi đồng như chưa ngộ”.

-Vậy, khỏi cần hỏi và nhìn phải không?

-Nếu ngộ rồi khỏi cần hỏi và nhìn, gọi là bảo tham (đã no thì không muốn ăn); bây giờ còn đói thì phải ăn. Thiền sư Nghĩa Thanh kiến tánh đến nhập chúng chùa của Đầu Tử (kiến tánh), tối ngày ăn xong rồi ngủ, không theo chúng tham thiền. Chúng Tăng bất mãn rồi phản ảnh lên trụ trì, trụ trì đến nói với Nghĩa Thanh: Sao thầy không theo chúng tham thiền?

Nghĩa Thanh đáp: Đồ ăn ngon, nhưng no quá nên không thèm.

Trụ trì nói: Nhiều người đói với ông thì bất mãn.

Nghĩa Thanh đáp: Nếu có thỏa mãn thì đâu có ích lợi gì!

Trụ trì mới biết ông đã kiến tánh. Sau này, Thiền sư Nghĩa Thanh ở lại núi Đầu Tử thuộc tông Tào Động.

Hỏi: Con hỏi câu thoại, sao có lúc con muốn thức thì buồn ngủ, muốn ngủ lại thức?

Đáp: Thức cũng hỏi và nhìn, ngủ cũng hỏi và nhìn, nhớ cũng hỏi và nhìn, quên cũng hỏi và nhìn, đang ăn cơm cũng hỏi và nhìn, đi cầu cũng hỏi và nhìn.

-Dùng cái không biết để tu, khi kiến tánh thì có biết không?

-Kiến tánh sẽ tự biết. Ngài Long Thọ nói: “Sao không nói hư không quảng đại vô biên dung nạp tất cả vật, mà nói hư không vô sở hữu dung nạp tất cả vật?” Theo hiểu biết người thường là hư không quảng đại mới dung nạp tất cả vật, nếu chẳng có hư không làm sao dung nạp tất cả vật? Trước mắt mình thấy rõ, bất cứ cái gì, như mặt trời, mặt trăng, đất đai, nhà cửa, cây cối,... đều ở trong hư không. Cho nên, ngài nói “hư không vô sở hữu dung nạp và ứng dụng”.

-Pháp tâm, tâm sở không có hình tướng số lượng, tại sao không dung nạp?

-Tâm theo Duy Thức gọi là tâm vương, tức là 8 thức (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức; 5 thức này gọi là tiền ngũ thức. Thức thứ 6 là ý thức mà hằng ngày mình thường dùng để đối phó với cuộc sống. Thức thứ 7 là mạn na thức. Thức thứ 8 là a lại da thức). Tác dụng của tâm vương có 51 tâm sở (sở hữu của tâm), như buồn, vui, yêu, ghét,... nói chung là pháp tâm tâm sở (tâm số).

Ngài nói: Pháp tâm, tâm sở là tướng giác tri, không phải tướng dung nạp. Lại, pháp tâm, tâm sở còn có nghĩa là không dung nạp. Tại sao? Vì tâm tà kiến không dung nạp tâm chánh kiến, tâm chánh kiến không dung nạp tâm tà kiến; còn hư không đều dung nạp tất cả. Tất cả pháp đều vô sở hữu, sao còn dùng hư không để thí dụ?

Ngài trả lời: Chúng sanh ở nơi các pháp hư vọng sanh tâm chấp trước, nhưng hư không tuy là hư vọng mà không sanh tâm chấp trước. Cho nên, mới dùng hư không để thí dụ. Vì hư không chẳng có gì để chấp trước.

Hỏi: Tại sao chẳng nói hư không quảng đại vô biên dung nạp tất cả vật, mà lại nói hư không vô sở hữu dung nạp tất cả vật? Đại thừa cũng vô sở hữu sao không dung nạp tất cả vật?

Đáp: Hiện tiền thấy hư không vô sở hữu, tất cả vạn vật đều ở trong đó, vì vô sở hữu nên mới dung nạp.

Hỏi: Pháp tâm, tâm sở cũng vô hình tướng, tại sao không dung nạp tất cả vật?

Đáp: Pháp tâm, tâm sở là tướng giác tri, chẳng phải tướng dung nạp; lại chẳng có trụ xứ trong ngoài, gần xa... chỉ do tướng phân biệt mới biết có khái niệm của tâm.

Sắc pháp có trụ xứ, do sắc mới biết có hư không, vì sắc chẳng dung nạp nên mới biết hư không dung nạp; bởi do vô minh nên biết có minh, do khổ nên biết có vui, do chỗ không có sắc nên nói có hư không, chẳng có tướng khác.

Lại nữa, pháp tâm, tâm sở còn có cái nghĩa không dung nạp: Cũng như tâm tà kiến không dung nạp chánh kiến, tâm chánh kiến không dung nạp tà kiến, còn hư không thì chẳng phải vậy, tất cả đều dung nạp.

(Như bây giờ để cái bình chỗ này thì muốn để thêm cái gì cũng không được, vì chỗ này không thể dung nạp được nữa. Bình thường người học giáo môn nói chúng sanh do vô minh, kỳ thật vô minh là đối với minh; tại cái minh mới biết vô minh).

Lại pháp tâm, tâm sở là tướng sanh diệt, là pháp có thể đoạn dứt, hư không thì chẳng thể đoạn dứt. (Tu có thể đoạn dứt tà kiến, nếu đoạn dứt không được thì tu đâu có ích lợi gì! Còn hư không thì không thể đoạn dứt).

Pháp tâm, tâm sở với hư không chỉ giống ở chỗ vô hình vô sắc, chứ không được nói là tất cả đều chẳng khác. Do đó nên trong các pháp nói hư không dung nạp tất cả. (8 thức, 51 tâm sở và hư không là giống chỗ không hình tướng).

Hỏi: Ý tôi hỏi là tại sao chẳng nói hư không quảng đại vô biên dung nạp tất cả vật, mà lại nói vô sở hữu nên dung nạp tất cả vật?

Đáp: Tôi nói hư không chẳng tự tướng, do sắc tướng nói có hư không. Nếu chẳng có tự tướng thì chẳng có hư không, nếu chẳng có hư không thì lấy gì nói quảng đại vô biên! (Nếu nói quảng đại vô biên là kiến lập hư không rồi, đã có chứ không phải là không có).

Hỏi: Ông nói tướng dung nạp tức là hư không rồi, tại sao lại nói chẳng có?

Đáp: Tướng dung nạp tức là chẳng có sắc tướng, là chỗ sắc chẳng đến, gọi là hư không. Nếu hư không là thật thì lúc chưa có sắc phải có hư không; nếu chưa có sắc mà có hư không thì hư không vô tướng. Tại sao vậy? Vì chưa có sắc vậy. Do có sắc nên biết có hư không, vì có sắc mới có vô sắc. Nếu trước có sắc sau mới có hư không thì hư không lại thành pháp tạo tác, pháp tạo tác chẳng gọi là thường. (Vì pháp tạo tác thì phải có hoại, còn hư không là thường, không thể hoại, không có ai tạo tác được).

Nếu có pháp vô tướng thì chẳng thể được, do đó nên chẳng có hư không.

(Chẳng có hư không, nhưng dung nạp và ứng dụng tất cả. Đó là nghịch với hiểu biết của bộ não, là đúng với thật tế; còn bộ não là không đúng với thật tế. Cái thật tế mà người ta không chịu, không đúng thật tế thì người ta mới chịu, gọi là tập khí phiền não. Cho nên, ngài Lai Quả nói “tôi nói thật thì người ta không tin, tôi nói dối mà các vị lại tin).

Hỏi: Nếu vậy hư không là thường có, bởi do sắc mà có tướng hư không hiện rồi chứng tỏ có hư không ư?

Đáp: Nếu hư không trước đã vô tướng thì sau cũng là vô tướng. Nếu hư không trước đã hữu tướng thì tại sao tướng ấy không có sở tướng (chẳng có tướng sở hữu của hư không)? (Mặc dù, trước mặt mình là hư không, mình cũng ngồi ở trong hư không; nhưng không có tướng sở hữu của hư không, thật tế là vậy).

Nếu trước vô tướng thì sau cũng vô tướng (chẳng có tướng mạo của hư không). Nếu lia hữu tướng vô tướng thì chẳng có trụ xứ của tướng. Nếu tướng chẳng trụ xứ thì sở tướng cũng chẳng trụ xứ. Sở tướng chẳng có nên tướng cũng chẳng có, lia tướng và sở tướng đâu còn pháp nào nữa!

Cho nên hư không chẳng gọi là tướng, chẳng gọi là sở tướng, chẳng gọi là pháp, chẳng gọi là phi pháp; chẳng gọi là hữu, chẳng gọi là vô, ngôn ngữ cách tuyệt, tịch diệt như vô dư Niết Bàn, tất cả pháp khác cũng như thế. (Tất cả tương đối không thể kiến lập, vì vô sở hữu; nhưng người ta lại chấp các pháp thật có, nên mới sanh ra đủ thứ phiền não).

Hỏi: Nếu tất cả pháp đều như thế tức là hư không, tại sao còn lấy hư không để thí dụ?

Đáp: Nhân quả của các pháp đều là hư vọng, bởi vô minh mới có. (Như con gà sanh ra trứng gà, trứng gà ấp ra con gà và cha mẹ sanh ra con cái, con cái sanh ra con cái nữa; nhưng không có cha mẹ đầu tiên, tức là không có bắt đầu. Cho nên nói đều là hư vọng).

Cái hư vọng đó lừa gạt chúng sanh, vì chúng sanh ở nơi các pháp hư vọng sanh tâm chấp trước, mà chẳng phải ở nơi hư không sanh tâm chấp trước, mặc dù hư không cũng là hư vọng. Lục trần hư vọng lừa gạt tâm chúng sanh, hư không dù hư vọng nhưng chẳng phải như thế, cho nên lấy hư không để thí dụ. (Lục trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Tâm chúng sanh bị lục trần lừa gạt, nên Bát Nhã Tâm Kinh dùng chữ “vô” để quét sạch lục căn, lục trần, lục thức. Tuy hư không hư vọng, nhưng không có lừa gạt chúng sanh).

Dùng việc thô hiện tiền để phá việc vi tế, như hư không bởi sắc mới có nên chỉ là giả danh, chẳng phải pháp nhất định. (Vì chấp trước khó phá, việc thô dễ thấy, việc vi tế khó thấy. Cho nên, dùng việc thô để chứng tỏ việc vi tế là hư vọng. Hư không vốn là sở hữu, vì có sắc mới chứng tỏ có hư không, sắc thì thấy được, còn hư không vi tế nên không thấy được).

Chúng sanh cũng thế, do ngũ uẩn hòa hợp mới có, cũng là giả danh, chẳng phải pháp nhất định. (Ngũ uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; sắc là nhục thân này; thọ, tưởng, hành, thức là thể tinh thần; thọ là cảm thọ, như biết buồn vui,...; tưởng là biết suy nghĩ; hành là thay đổi biến hóa, như từ con nít biến thành người lớn, biến thành người già hay là hành vi mỗi ngày; thức là phân biệt, như phân biệt cái này đẹp thì thích, cái kia xấu thì chê).

Đại thừa Phật pháp cũng như thế, bởi do chúng sanh tánh không, nên chẳng Phật chẳng Bồ Tát, bởi do chúng sanh chấp có, nên có Phật có Bồ Tát. (Tâm của chúng sanh như hư không vô sở hữu là tánh không, nếu hiểu được tánh không thì chẳng có Phật, cũng chẳng có Bồ Tát, có Phật có Bồ Tát thì chẳng phải là tánh không, tức đã có kiến lập).

Nếu chẳng Phật chẳng Bồ Tát thì chẳng có Phật pháp Đại thừa. Do đó Đại thừa dung nạp vô lượng vô biên A Tăng Kỳ chúng sanh. (Chẳng có Phật pháp Đại thừa, tức là vô sở hữu nên mới dung nạp. Hư không vô sở hữu dung nạp vũ trụ, vạn vật, mặt trời, mặt trăng, nhà cửa, cây cối,... Phật pháp Đại thừa cũng vô sở hữu, nên dung nạp tất cả chúng sanh, gọi là vô lượng vô biên a tăng kỳ chúng sanh, tức vô lượng số chúng sanh).

Nếu thật có pháp thì chẳng thể dung nạp vô lượng chư Phật và đệ tử.

(Thật tế, chẳng có pháp mới dung nạp; trái lại hiểu biết của bộ óc phải có thì dung nạp, còn cái này phải không có nên dung nạp. Như chẳng có nên dung nạp tất cả, nghịch với bộ óc nên khó hiểu. Vì không có pháp mới dung nạp tất cả chư Phật và đệ tử, nếu thật có thì không thể dung nạp).

Có chỗ trống rỗng nên các vị ngồi được, không có chỗ trống rỗng thì các vị không có chỗ ngồi. Bình thường giáo dục chấp có thành thói quen, nên cái gì cũng phải có của

minh; như nhà cửa, đất đai,... của ta, nếu căn nhà chưa có quyền sở hữu phải làm quyền sở hữu cho được yên tâm).

Hỏi: Nếu thật chẳng có hư không, tại sao dung nạp vô lượng vô biên A Tăng Kỳ chúng sanh?

Đáp: Do nghĩa này nên Phật thuyết pháp Đại thừa vốn chẳng có, nên A Tăng Kỳ chẳng có. A Tăng Kỳ chẳng có nên vô lượng chẳng có, vô lượng chẳng có nên vô biên chẳng có; vô biên chẳng có nên tất cả pháp cũng chẳng có, như thế nên dung nạp. (Tiểu thừa là Thanh Văn thừa, Đại thừa là Bồ Tát thừa; nói có Đại thừa là tâm chúng sanh chấp có. Theo hiểu biết của bộ não, chẳng có thì lấy cái gì để dung nạp? Ngài Long Thọ nói: Chẳng có mới dung nạp).

Nói tiếng A Tăng Kỳ, A tiếng Hán dịch là vô, Tăng Kỳ dịch là số, chúng sanh các pháp mỗi mỗi đều chẳng bờ bến nên gọi là vô số. (Chúng sanh không có bờ bến, chẳng có con số nhất định, hư không chẳng bờ bến, cây cối cũng chẳng bờ bến).

Dùng số để đếm mười phương xa gần của hư không đều chẳng bờ bến, nên gọi là vô số. Đem tính số để đếm từng cái một của sáu Ba La Mật, mỗi mỗi bố thí, mỗi mỗi trì giới v.v... vốn chẳng có số, dùng số ấy để đếm bao nhiêu chúng sanh cho đến Phật thừa, quá khứ, hiện tại, vị lai đều chẳng thể đếm, ấy gọi là vô số.

Cũng có người nói số ban sơ là 1, chỉ có số 1, 1 thêm 1 nên nói là 2, thế thì tất cả chỉ là 1, chẳng có số khác. Nếu tất cả đều là 1 tức là vô số vậy. Cũng có người nói tất cả pháp hòa hợp nên có tên gọi. Cũng như chiếc xe do trục, vành xe, vô xe.... hòa hợp thành tên gọi là chiếc xe, thật thì chẳng có pháp nhất định.

Một pháp chẳng có thì nhiều pháp cũng chẳng có, vì trước một sau mới nhiều. Lại nữa, dùng số để đếm vật, vật chẳng có thì số cũng chẳng có. Nói vô lượng (không thể đo lường) cũng như dùng đấu để lường gạo, dùng trí huệ để đo lường các pháp cũng như thế.

Các pháp tánh không, nên vô số; vô số nên vô lượng, vô lượng nên vô biên, chẳng có thật trí (Tâm Kinh nói Vô Trí Diệc Vô Đắc), như thế làm sao có tướng nhất định của các pháp để đo lường! Vì vô lượng nên vô biên, lượng gọi là tổng tướng, biên gọi là biệt tướng; lượng là ban sơ, biên là cuối cùng.

Lại nữa, từ cái ta cho đến kẻ biết kẻ thấy vốn chẳng có thì thực tế cũng chẳng có; thực tế chẳng có nên vô số cũng chẳng có, vô số chẳng có nên vô lượng chẳng có, vô lượng chẳng có nên vô biên chẳng có; vô biên chẳng có nên tất cả pháp cũng chẳng có. (Chánh pháp phá ngã là bị lừa gạt do vô minh mới có, thật tế không có ta thì những cái liên hệ với ta cũng không có. Cho nên, ta còn chẳng có thì ta thấy làm sao có?)

Do đó, nên nói tất cả pháp cứu cánh thanh tịnh, ấy là pháp Đại thừa dung nạp tất cả vậy. (Cũng là hiển bày nghĩa chẳng có mới dung nạp, có thì không thể dung nạp; như cái bàn này, chỗ có để đồ thì không thể dung nạp).

Chúng sanh và pháp hai thứ làm nhân với nhau, nếu chẳng có chúng sanh thì chẳng có pháp; nếu chẳng có pháp thì chẳng có chúng sanh. (Như con gà với trứng gà, nếu không có con gà thì chẳng có trứng gà; nếu chẳng có trứng gà thì chẳng có con gà, vì 2 thứ làm nhân với nhau).

Trước nói tổng tướng tất cả pháp không, sau nói biệt tướng mỗi mỗi các pháp đều không, thực tế tức là diệu pháp sau cùng. (Thật tế, mình đang dùng là trống rỗng vô

sở hữu, cũng là diệu pháp sau cùng. Diệu là bất khả tư nghì, tức là không có gì để suy nghĩ được. Vì bộ óc suy nghĩ là muốn cái có, còn cái này không có mà dung nạp).

Cái này đã chẳng có thì cái kia làm sao có! Từ cái tánh bất khả tư nghì cho đến tánh Niết Bàn cũng đều như thế. (Thật tánh chẳng có, nhưng dung nạp và ứng dụng. Theo bộ óc nhận biết cho là vô lý. Thật tế là vậy, chẳng có nên mới dung nạp, rõ ràng hư không trước mắt chẳng có gì nên mới dung nạp tất cả. Như các vị được ngồi đây cũng nhờ trống rỗng vô sở hữu. Có thì không thể dung nạp).

Ghi chú:

Trong bài nói “chẳng có” chẳng phải có ý nghĩa đoạn diệt, vì người biết “chẳng có” ấy, chẳng thể đoạn diệt vậy. Nếu đoạn diệt được thì ai biết chẳng có! (Tuy nhiên, trong bài nói chẳng có, nhưng chẳng có đó không có ý đoạn diệt; đoạn diệt thì không có người biết, nhưng có người biết chẳng có thì không thể đoạn diệt. Nếu có đoạn diệt thì ai biết chẳng có?)

Cho nên, dùng bộ óc để hiểu thì thấy rất mâu thuẫn! Vì bộ óc được giáo dục cho mọi thứ là thật đã thành thói quen. Nếu đến thật tế là nghịch với hiểu biết của mình, thành ra không thể chấp nhận. Vì vậy, khó lãnh hội được. Do đó, ngài Long Thọ tỏ lòng từ bi giải thích kỹ càng như thế!

Hỏi: Con không có niềm tin tự tâm, mà muốn tham thoại đầu. Vậy con cần có kiến giải không?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm nói “Tri kiến lập tri tức vô minh bản, tri kiến vô kiến tự tức Niết Bàn”, nghĩa là tri kiến lập tri tức căn bản của vô minh, tri kiến vô kiến là Niết Bàn. Bất cứ pháp môn nào, từ Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa đều quét sạch tất cả tri kiến. Bát Nhã Tâm Kinh dùng 17 chữ “vô” để quét sạch tất cả tri kiến Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa; cuối cùng dùng 2 chữ “viễn ly” để quét sạch tri kiến Phật thừa.

Hỏi: Nếu không có kiến giải, làm sao có chánh tín đầy đủ để tham thiền?

Đáp: Theo Giáo môn cũng biết, hữu học là thấp, vô học là cao; Thiền môn siêu việt hữu vô, tức là vô học không được, vì vô học đối với hữu học là tương đối. Nếu chấp hữu học, như ở lớp một không chịu lên lớp! Phải bỏ hữu học tiến lên vô học. Còn chấp tri kiến thì ở hữu học hoài, không thể đến vô học. Có đến vô học cũng còn phải bỏ.

-Phật tánh có tri kiến làm sao nói là hư không vô sở hữu?

-Ngài Long Thọ dùng hư không vô sở hữu là giải theo Giáo môn, không phải theo Thiền môn; vì Giáo môn ham thích tri kiến, cho nên ngài giải thích rất tỉ mỉ là muốn giúp cho Giáo môn. Thiền môn khỏi cần giải thích. Cuối cùng tôi còn ghi chú 2 chữ “chẳng có”, nếu chấp vào chẳng có thì cũng không được, tức là lọt vào biên kiến. “Chẳng có” không phải có ý nghĩa đoạn diệt, nếu đoạn diệt được thì ai biết chẳng có!

Như Giáo môn nói: “Chỉ cho ý hội, chẳng cho ngôn truyền”. Thiền môn cũng không cho ý hội, phải tự ngộ mới được. Vì vậy, hoằng dương Tổ Sư thiền rất khó. Thiền hội của ngài Triệu Châu có 20 người danh tiếng, Thiền hội của phái Lâm tế đời thứ 9 có 6 người xuất sắc. Những người tu theo Thiền tông đều là con cháu của 6 người này. Có một tỷ người tu, chỉ một người kiến tánh là đủ vốn.

Hỏi: Nếu Hòa thượng đi vắng thì chúng con căn cứ vào đâu để tham thiền khỏi bị lạc?

Đáp: Điều kiện thứ nhất của Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiên là phá ngã chấp bằng chín chữ “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”. Nếu thực hành được chín chữ này thì bảo đảm không bị lạc, không thực hành chín chữ này thì không thể bảo đảm.

-Nếu thực hành được chín chữ đó thì không tham thiên được?

Tự mình kiến lập tri kiến là hạn chế, nhưng bản tâm của sư thì không có hạn chế. Tại sao? Vì trống rỗng vô sở hữu. Nhưng không thể kiến lập tất cả tri kiến, cho nên Phật Giáo không kiến lập chơn lý. Có kiến lập chơn lý là 2 chơn lý, Thiên tông gọi là “trên đầu mọc thêm đầu”. Vì bản tâm là chơn lý rồi.

Các tôn giáo khác có kiến lập chơn lý, chỉ có Phật Giáo không có kiến lập chơn lý. Nhưng không phải là không có chơn lý! Vì bản tâm là chơn lý đã sẵn, không được gọi là chơn lý. Tại sao? Do lập chơn nên có vọng. Cho nên, kinh Lăng Nghiêm nói: “Chơn với vọng là 2 thứ vọng”, không vọng là vọng, chơn cũng là vọng.

Phật nói là không có bắt đầu, nếu kiến lập là có bắt đầu thì không phải là vô sanh. Người chứng quả là ngộ pháp vô sanh, chứng vô sanh pháp nhãn. Có kiến lập thì sao ngộ được pháp vô sanh! Vì vậy, phải trôi lăn trong lục đạo mãi mãi. Phật Thích Ca cũng không cứu nổi, Phật chỉ đường cho mình đi.

Hỏi: Tham thiên và tham thoại đầu có khác không?

Đáp: Tham thoại đầu và khán thoại đầu không khác, còn ngồi thiên thì khác. Cho nên, trong Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiên nói “ngồi thiên không phải tham thiên, tham thiên khỏi cần ngồi”. Cho ngồi thiên là tham thiên thì hiểu lầm. Lục Tổ nói “đạo do tâm ngộ bất tại tọa”, ngộ là do tâm ngộ, chứ không phải ngồi mà ngộ.

Trong phẩm Tọa Thiên, Ngài nói “Ngồi lâu trối thân có ích lợi gì!”, rõ ràng không phải ngồi. Và ngài có bài kệ phá chấp ngồi của Chí Thành:

Sống thì ngồi chẳng năm,
Chết lại nằm chẳng ngồi.
Vốn là đồng xương thú,
Đâu thể lập công phu?

Nhưng bây giờ, các thiên khác đều chấp ngồi, cho ngồi là cao. Theo tôi biết có người ngồi đến 6 giờ bị ói máu, phải chở đi bệnh viện cấp cứu. Tham thoại đầu rất giản dị, đứa bé 3 tuổi cũng tham thiên được. Có dùng máy vi tính đo bộ não của nó, đèn báo từ trên xuống dưới rồi tắt; chứng tỏ nó có tham thiên.

Hỏi: Chưa tham thiên hay thấy chiêm bao, tham thiên rồi không còn thấy chiêm bao. Mấy tháng gần đây lại thấy chiêm bao, vậy có phải con dãi dãi không?

Đáp: Không phải! Người kiến tánh rồi vẫn còn chiêm bao. Phá Sơ quan, Trùng quan là ra khỏi sanh tử luân hồi vẫn còn chiêm bao, nhưng chiêm bao làm chủ được. Chiêm bao gồm có mở mắt chiêm bao và nhắm mắt chiêm bao.

Hỏi: Tham thiên biết hỏi câu thoại thiếu chữ và lúc không biết mình có tham hay không?

Đáp: Tham Tổ Sư thiên là dùng cái không biết để tu, chỉ cần giữ không biết là đủ rồi; không cần biết, cho nên biết là sai lầm. Hỏi câu thoại là kích thích niệm không biết, nhìn chỗ không biết; xem chỗ không biết là gì, nói chỗ không biết nhưng không có chỗ; nên không có mục tiêu để nhìn, nhìn mãi không thấy gì vẫn còn không biết. Thiên tông gọi là nghi tình. Chỉ cần hỏi và nhìn song song để giữ niệm không biết, đưa hành giả đến thoại đầu sẽ kiến tánh thành Phật.

-Vậy câu thoại phải rõ ràng, nếu không rõ ràng thì bị hôn trầm phải không?

-Không cần biết rõ ràng hay không rõ ràng! Không biết thì rõ ràng và không rõ ràng cũng không biết. Không phải như niệm Phật biết rõ ràng, còn tham thiền thì khỏi. Không cần tập trung tinh thần, cố gắng; chư Tổ nói “ít phí sức chừng nào tốt chừng nấy”, nếu cố gắng, tập trung tinh thần là phí sức. Chỉ cần kéo dài nghi tình một chút là được, nghi tình không có gián đoạn là công phu miên mật.

Hỏi: Cư sĩ sở hữu nhiều quá thì thế nào?

Đáp: Sở hữu làm chướng ngại cái dụng của tâm. Cho nên, tham thiền tẩy sạch hết sở hữu thì bằng như Phật, có thần thông trí huệ khắp không gian thời gian. Ông đang quý là có chỗ trống nên mới quý được. Cuộc sống hằng ngày, nói năng tiếp khách, ăn uống làm việc,... đều nhờ trống rỗng vô sở hữu. Bất cứ giờ phút nào, mình ngủ mê cũng nhờ vô sở hữu; không có giây phút nào mình không nhờ vô sở hữu này mà có sự sống. Đó là ứng dụng thật tế, chứ không phải nói suông, mò đoán bậy bạ.

Hỏi: Con là cư sĩ ở nhà, xin Sư Phụ dạy cho con cách nào để mau kiến tánh?

Đáp: -Tôi hỏi cô: Khi chưa có trời đất cô là cái gì?

-Không biết.

-Không biết là tham thiền đúng rồi! Hỏi là kích thích niệm không biết, nhìn chỗ không biết; xem chỗ không biết là gì, chỗ không biết thì không có chỗ; nên không có mục tiêu để nhìn, nhìn mãi không thấy gì vẫn còn không biết; không biết đó rất cần, Thiền tông gọi là nghi tình. Phải hỏi và nhìn song song để giữ kéo dài nghi tình. Hỏi là tham thoại đầu, nhìn là khán thoại đầu. Nếu còn biết cái gì là không đúng, nhìn không thấy gì cũng vẫn nhìn; hỏi và nhìn tiếp tục không gián đoạn, gọi là công phu miên mật.

-Mỗi ngày con đi bán mấy giờ thì phải tu như thế nào?

-Lúc đang bán thì ngưng tham, khi nghỉ bán thì tập tham cho đến quen thuộc thì lúc đang bán tự khởi lên nghi tình.

-Con muốn xuất gia để tham, vậy thế nào?

-Vua kiến tánh vẫn làm vua, Thừa tướng kiến tánh vẫn làm Thừa tướng, bộ trưởng kiến tánh vẫn làm bộ trưởng, bà già mua bán cũng kiến tánh; chứ khỏi cần phải bỏ! Làm nghề gì cứ tiếp tục làm cũng có thể kiến tánh. Kiến tánh là biết được chính mình và làm chủ thì được tự do, giải thoát tất cả khổ. Huệ Năng kiến tánh khi còn làm cư sĩ được kế vị Lục Tổ, đến 15 năm sau vì muốn hoằng pháp mới xuống tóc xuất gia. Cho nên, bây giờ chỉ cần tu, chứ khỏi cần xuất gia.

Hỏi: Tâm và vô sở hữu có khác nhau không?

Đáp: Tâm tức là vô sở hữu, vô sở hữu tức là tâm; luôn cả vạn vật cũng không có khác.

-Có tâm chánh, tâm tà vậy là thế nào?

-Tâm chánh, tâm tà là do chấp tâm; vì chấp sở hữu nên có tâm vương tâm sở. Tâm sở là sở hữu của tâm, Duy Thức có 51 thứ. Những cái đó đã kiến lập thành sở hữu, nên gọi là tâm sở có chướng ngại. Có sở hữu mới có chánh tà, nếu vô sở hữu thì không kiến lập nên không có chánh tà.

Hỏi: Làm việc không dùng bộ óc, vậy phải là trí huệ Bát Nhã không?

Đáp: Khỏi cần biết cái gì! Nhưng công việc làm được, nếu dùng cái biết để giải thích là sai lầm. Trống rỗng vô sở hữu thì không có nghĩa lý. Cho nên, Tín Tâm Minh Tịch

Nghĩa Giải của ngài Trung Phong trước tác, tuy nghĩa giải cao siêu cũng phải quét sạch. Thiên tông cần cái thật tế, chứ theo bộ óc để giải thích là không đúng. Vì kiến lập nên mới có nghĩa lý.

Hư không vốn vô sở hữu trống rỗng nên gọi là tánh không. Trống rỗng chẳng có gì nên dung nạp và ứng dụng. Do thông minh của con người, cái không chẳng hạn chế thì họ không chịu; lại đem hạn chế như cái không của tách, nếu tách bít thì chẳng có cái không là tách chết. Tách chẳng bít thì có cái không nên dùng được. Nhưng dùng hạn chế trong phạm vi, như tách, bình, đĩa, bàn,...

Có sự hạn chế, rồi đem giải thích cái không của tách, khác với cái không của bình, khác với cái không của nhà,... có muôn ngàn thứ sai biệt. Như chưa dựng cái nhà thì cái không đã sẵn, chưa có cái không của tách cũng có cái không đã sẵn. Cái không của ngoài tách và cái không của trong tách thì chẳng khác, với cái không của bình, nhà,... đều cùng một cái không.

Vì có kiến lập cái không của tách, bình, nhà,... nên thấy có nghĩa lý khác biệt. Nếu không có nghĩa lý thì lấy gì để khác biệt! Theo bộ óc để giải thích là sai lầm. Thật tế không có đúng sai, vì không có tương đối. Có đúng sai là tương đối thì có sai lầm.

Hỏi: Trong công phu không thấy an lạc, sau khi công phu thấy lặng lẽ của tâm. Vậy có đúng không?

Đáp: Không đúng! 4 bài kệ của ngài Vĩnh Gia nói “biết tịch lặng là chướng ngại, vì có kiến lập sở tri”. Như tay cầm như ý thì dụng của tay bị mất, tay không cầm như ý thì dụng của tay hoạt bát vạn năng. Tham thiền khởi nghi tình quét tịch lặng thì khôi phục dụng hoạt bát vạn năng của tự tánh.

Tay không cầm đồ vật, mà tự làm nắm tay (tự mình biết có cái biết) thì dụng của tay cũng chướng ngại. Cho nên, cái biết không được kiến lập. Vì kiến lập sở tri tịch lặng thì có năng sở đối đãi.

Nếu không kiến lập sở tri, nhưng có năng tri; có tri phải có bất tri để đối đãi. Vì vậy, chấp tri lọt vào biên kiến, mà tự mình không biết. Biên kiến là một trong năm thứ ác kiến. Như chấp huyền hay chấp giả đều rơi vào biên kiến, vì huyền đối với phi huyền và giả đối với chơn đều tương đối; không phải vô duyên tri.

Vô duyên tri gọi là chánh biến tri, còn gọi là trí Bát Nhã tự động không bao giờ ngưng biết. Như ánh sáng mặt trời lúc nào cũng chiếu soi. Nói trời gần sáng thì mặt trời sắp chiếu, vậy đúng không? Không đúng. Vì mặt trời đâu có ngưng chiếu hồi nào, mà nói sắp chiếu!

Như cái tri của mình không bao giờ ngưng biết, mà nói là sắp biết! Nếu kiến lập thêm cái tri, như thêm cái đầu làm khổ cái đầu sẵn có; nên cần mời bác sĩ cắt bỏ. Do tánh con người ham kiến lập, nên chướng ngại cái dụng của tâm.

Vì tâm là vô sở hữu, kiến lập là có sở hữu che khuất bản tâm nên dụng bị hạn chế. Như đem cái không sẵn sàng hạn chế thành cái không của nhà, tách, bình,... dù nhà rất lớn nhưng dụng trong cái không phạm vi nhà. Tất cả núi sông, đất đai, nhà cửa,... đều ở trong cái không sẵn sàng, dụng không hạn chế.

Hỏi: Tham câu “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” con thắc mắc muốn biết trời, đất, con người do đâu mà có. Vậy 3 thắc mắc đó có thể giúp cho tham câu thoại không?

Đáp: Không được! Nếu vậy thì lọt vào biên kiến chấp vào không có. Nghi tình là không biết, có và không đều không biết. Tham là hỏi câu thoại kích thích không biết,

khán là nhìn không biết để giữ kéo dài đến kiến tánh; hỏi và nhìn song song để giữ nghi tình, chứ không phải để biết hay muốn tìm hiểu đáp án câu thoại.

Câu thoại là công cụ để kích thích lên niệm không hiểu không biết, không có ý nghĩa khác. Tất cả muôn ngàn câu thoại là mục đích để khởi lên niệm không biết. Không phải để cho hành giả đáp án câu thoại. Nếu đáp án câu thoại là hồ nghi, chẳng phải chánh nghi. Thiền Nhật Bản, thiền Đại Hàn lọt vào hồ nghi. Vì dùng bộ óc tìm hiểu.

Hỏi: Làm việc thì không tham thiền, muốn cầu công việc thành công, rồi sợ thất bại. Vậy bỏ muốn cầu phải thế nào?

Đáp: Phải hỏi và nhìn! Ngày đêm có 24 giờ, giữ nghi tình được 1 phút. Nếu mỗi ngày, nghi tình tăng được 1 phút thì 4 năm đến thoại đầu sẽ kiến tánh; mỗi ngày, nghi tình tăng $\frac{1}{2}$ phút thì 8 năm đến thoại đầu sẽ kiến tánh; mỗi ngày, nghi tình tăng $\frac{1}{4}$ phút thì 16 năm đến thoại đầu sẽ kiến tánh.

Kiến tánh giải quyết được tất cả, chưa kiến tánh không dùng cái biết vì để giữ nghi tình. Giữ được nghi tình thì vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ tự nhiên giữ được. Như Trương Quốc Anh làm việc gì đều được, do lúc ấy không biết. Những người biết sợ nên bị thương, còn y không biết sợ thì không bị thương. Y giữ được nghi tình nên làm việc gì cũng nhanh hơn người ta. Nếu không biết làm sao biết đắc biết sợ? Vì không giữ được nghi tình nên có sở đắc, sở cầu, sở sợ.

Hỏi: Khi ở thiền thất tham thiền, hết thiền thất về nhà, con trì kinh Pháp Hoa được không?

Đáp: Tham thiền khởi nghi tình là trì kinh Pháp Hoa, kinh Lăng Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm,... tất cả kinh và giới luật tuy chưa thọ đều cũng trì hết. Giữ được nghi tình là không hiểu không biết thì không phạm giới, gọi là thiền giới. Nếu không có nghi tình là biết thì có thể phạm giới. Tất cả công thương kỹ nghệ đều ở trong nghi tình.

Hỏi: Trước kia, cầu siêu cho người thân thì mời quý thầy tụng kinh. Bây giờ, con tham thiền muốn cầu siêu phải làm sao?

Đáp: Cầu siêu người thân thì nhờ tâm lực đại chúng tham thiền; do có nghi tình nên được tâm lực trong sạch rất mạnh, có thể ảnh hưởng đến tâm của người thân mà sửa đổi nghiệp, rồi tái sanh đến cõi tốt hơn.

Như Mục Kiền Liên cứu mẹ (Thanh Đề) ở cõi nạ quý, nhưng không cứu được. Rồi nhờ Phật dạy pháp cúng dường trai tăng cho 1250 Tỳ Kheo A La Hán, nhờ tâm lực trong sạch nhiều người ảnh hưởng tâm bà Thanh Đề được sửa đổi nên bà thoát khỏi cõi nạ quý.

Không phải do tụng kinh mà siêu được, nếu tâm người chết không sửa đổi nghiệp. Người nào tạo nghiệp thì người đó phải chịu quả báo, chứ không ai thay thế được. Như ai ăn cơm thì người ấy no. Cho nên, mình cần thật tề, không cần hình thức bên ngoài.

Hỏi: Người già yếu tinh thần không minh mẫn tu Tổ Sư thiền cần điều kiện gì khác để cho họ khởi lạc lối tể?

Đáp: Không có gì khác! Con nít 6, 7 tuổi đều tham thiền được, bà già 90 tuổi cũng tham thiền được là hỏi và nhìn. Mấy năm trước có đứa bé 3 tuổi tham thiền, các người Canada thấy vậy phục nó. Ngày xưa, có vua, thừa tướng, bộ trưởng đều kiến tánh.

Hỏi: Tâm ở ngoài thân hay ở trong thân?

Đáp: Nếu tâm ở ngoài thân hay ở trong thân thì không phải. Tâm như hư không vô sở hữu dung nạp và ứng dụng tất cả. Như chỗ quý của ông, nếu không trống rỗng vô sở hữu thì ông không thể quý được. Bây giờ, mình nói chuyện hay nhìn thấy với nhau đều cũng nhờ vô sở hữu.

Hỏi: Bất cấu bất tịnh là gì?

Đáp: Bất cấu bất tịnh thì tương đối là bề trái. Bề mặt là hư không vô sở hữu không thể dùng lời nói văn tự để diễn tả, cho nên phải tự ngộ. Vì lục căn không thể tiếp xúc, diễn tả được là bề trái. Tương đối như: Bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm, hữu vô,...

Hỏi: Trong chiêm bao, con thấy Phật bà Quan Âm dùng nước cam lồ rưới đầu chúng sanh. Việc ấy như thế nào?

Đáp: Nói Phật bà Quan Âm là sai lầm, Quan Thế Âm Bồ Tát không phải là người nữ, Phật cũng không có người nữ. Người nói như vậy là không biết Phật pháp. Có một người Quảng bị bệnh, chiêm bao thấy Quan thế Âm Bồ Tát cho thuốc uống, rồi kể lại tôi nghe. Tôi nói: Mỗi người đều có Phật tánh, cũng là tự tánh Quan Âm. Nếu mình trông đợi Quan Âm Bồ Tát cứu mình, không bằng mình làm Quan Âm Bồ tát cứu người. Rồi người ấy cũng hiểu.

Vì Quan Âm Bồ Tát với cõi Ta Bà có nhân duyên, nên chùa nào cũng có tượng Quan Âm. Người nằm chiêm bao thấy Quan Âm Bồ Tát thì cũng có duyên. Phật và Bồ Tát thì không có nam nữ, đừng theo thế tục mà nói Phật và Bồ Tát là ông bà.

Có chiêm bao là do tâm mình tạo, ban đêm tâm tạo là nhắm mắt chiêm bao, ban ngày tâm tạo là mở mắt chiêm bao. Hiện giờ, mình đang ở trong mở mắt chiêm bao. Đền chùng kiến tánh thì trong mở mắt chiêm bao thức tỉnh, rời khỏi chiêm bao được sanh tử tự do.

Mở mắt chiêm bao không có thật, hưởng là nhắm mắt chiêm bao! Nhắm mắt chiêm bao và mở mắt chiêm bao đều do tâm tạo. Cho nên, Phật nói: “Tất cả đều do tâm tạo”, cũng gọi là “Vạn Pháp do tâm biến hiện”. Thân mình gọi là chánh báo, hoàn cảnh giàu nghèo mình sanh sống gọi là y báo. Y báo là kiếp trước tạo nên bây giờ có nghiệp quả.

Hỏi: Người ta nhờ đem bia cho họ, vậy có phạm giới không?

Đáp: Nếu thọ giới Bồ Tát thì phạm, không thọ giới Bồ Tát thì không phạm; vì giới Bồ Tát cấm bán rượu. Thọ ngũ giới, nếu uống rượu thì phạm; bán rượu không phạm. Giới Bồ Tát bán rượu là tội nặng, uống rượu là tội nhẹ. Các vị thọ ngũ giới không thọ giới Bồ Tát thì cấm uống, không có cấm bán.

Hỏi: Tham thiền chưa thuần thục, tự động bỏ câu thoại, lại chỉ nhìn. Vậy có được không?

Đáp: Không được! Đến thoại đầu thì câu thoại tự mất, nếu chưa đến thoại đầu thì phải hỏi và nhìn song song; chứ không được ngưng hỏi, vì người đó tự làm tày khôn. Đó là tập khí phiền não của con người từ lâu đời. Như có người hy sinh thân mạng, chứ không chịu bỏ kiến giải của mình.

Kiến giải tuy cao nhưng vẫn là kiến giải, không phải thật tế; thật tế là phải quét sạch kiến giải. Nếu chấp kiến giải càng cao thì cách thật tế càng xa. Nói ra giống thì giống, phải thì chẳng phải. Vì bậc trí thức thích kiến giải, như thiền Nhật Bản hay thiền Đại Hàn đều là kiến giải. Cho nên, họ không bao giờ kiến tánh.

Hỏi: “Không được kiến lập vô sở hữu”. Vậy trả lời thế nào không kiến lập?

Đáp: Bất cứ cái gì đều không được kiến lập, vì đã có sẵn. Phật nói là “vô thi”. Chư Phật chư Tổ chỉ kiến lập tạm thời, nếu không kiến lập thì không có pháp gì để nói. Như không có tam thừa mà nói có tam thừa, không có Phật mà kiến lập Phật; đến chừng kiến tánh thì biết là không có Phật để thành. Phật nghĩa là giác ngộ, giác ngộ là do mê mới có. Nếu đã giác ngộ thì hết mê nên không còn ngộ. Cho nên, Thiên tông nói “ngộ rồi đồng như chưa ngộ”. Vì không có mê để đối đãi.

Kinh Kim Cang ví dụ: “Như chiếc bè qua sông thì phải bỏ bè”, nếu còn lưu luyến chiếc bè là không được. Lấy hư không vô sở hữu để thí dụ, nhưng thật tế không lấy gì để thí dụ được. Cho nên, cần phải tự ngộ, chứ không phải dùng lời nói. Dùng lời nói là cho người ta hiểu phần nào để tăng cường niềm tin tự tâm. Vì vậy mới có kiến lập văn tự lời nói, nhưng không chấp vào văn tự lời nói, gọi là bất lập văn tự.

Nếu chấp vào “bất lập” là không nói được, thì Lục Tổ nói “2 chữ bất lập cũng là văn tự vậy”. Dem giải thích nghĩa lý là rất mâu thuẫn, vì tất cả nghĩa lý thuộc sản phẩm của bộ óc. Cho nên, đến chỗ thật tế thì không kiến lập nghĩa lý, mới gọi là vô thi vô sanh. Có kiến lập là có sanh có bắt đầu. Vốn là vô sanh nên chứng đạo, gọi là ngộ pháp vô sanh, chứng vô sanh pháp nhãn.

Dùng bộ óc để truy cứu lý cùng tột, nhưng không đúng với thật tế. Khi bộ óc biến thành tro đất thì sản phẩm của bộ óc cũng không còn. Tự tánh không thể biến thành tro đất, vì không phải là sản phẩm của bộ óc. Không thể nói là vô sở hữu hay nói là sở hữu.

Hỏi: Nghĩa ba câu kinh Kim Cang hiển bày nội dung kinh Kim Cang, hay nội dung kinh Kim Cang hiển bày nghĩa ba câu kinh Kim Cang?

Đáp: Nghĩa ba câu không những hiển bày kinh Kim Cang, mà hiển bày tất cả kinh Phật; hiển bày vạn vật vũ trụ, tức là công thương kỹ nghệ đều không ngoài nghĩa ba câu này. Như Phật nói “tách, tức phi tách, thị danh tách”, “bình, tức phi bình, thị danh bình”, “Tam bảo, tức phi Tam Bảo, thị danh Tam Bảo”, “vô sở hữu, tức phi vô sở hữu, thị danh vô sở hữu” đều là nghĩa ba câu, chứ không phải chỉ kinh Kim Cang là nghĩa ba câu. Cho nên, thấu nghĩa ba câu thì tất cả đều thấu. Không có nghĩa nào cao tột, có cao thấp là tương đối; không phải thật tế. Chỗ thật tế là bất nhị, gọi là vô duyên tri (không có nhân duyên đối đãi).

Hỏi: Làm sao biết tiểu ngộ, đại ngộ đại ngộ?

Đáp: Nếu ngộ rồi mà còn ôm cảnh giới ngộ cho mình ngộ thì gọi là tiểu ngộ, tức là cho ta ngộ thì còn mê. Như A La Hán, Bích Chi Phật đều thuộc về tiểu ngộ. Ngộ rồi luôn cảnh giới ngộ không còn gọi là đại ngộ. Đại ngộ là ngộ rồi đồng như chưa ngộ. Vì ngộ đối với mê, ngộ triệt để thì hết mê nên không còn ngộ nữa. Vì vậy, mê ngộ đều sạch.

Hỏi: Tâm mình ứng dụng mà không biết, vậy lúc ngủ thì tâm ở đâu?

Đáp: Nếu tâm ở đâu thì không cùng khắp không gian. Vì tâm cùng khắp không gian chẳng có khứ lai, gọi là Như Lai. Khắp thời gian không có gián đoạn, gọi là Niết Bàn. Cùng khắp không gian thì không có chỗ để chỉ; cùng khắp thời gian thì không có lúc để chỉ. Vậy không thể nói là ở đâu!

Nhớ với quên đều là sản phẩm của bộ óc, vì có nhớ nên có quên. Nhớ không thể thành lập, quên làm sao thành lập được? Nhớ với quên là tương đối. Kiến tánh là tất cả sản phẩm của bộ óc đều sạch, không có sự nhớ và quên.

Hỏi: Thế nào là hành khởi giải tuyệt?

Đáp: Giải là kiến giải phải cắt tuyệt, vì tin tự tâm chưa đầy đủ, cho nên phải tìm hiểu.
Còn tìm hiểu là còn kiến giải, nếu thực hành đúng là hành khởi giải tuyệt.
